



NỘI SAN

DỊCH LÝ VIỆT NAM

SỐ 7
11/2025

KỈ NIỆM 60 NĂM THÀNH LẬP
HỘI VIỆT NAM DỊCH LÝ

1965 - 2025

12 năm truyền thống Dịch Học Đường Tâm Thanh 2013 - 2025
LƯU HÀNH NỘI BỘ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TẠI DỊCH HỌC ĐƯỜNG TÂM THANH

Các khóa học thường niên tại Dịch Học Đường Tâm Thanh, học vào
tối Thứ Bảy và Chủ Nhật hàng tuần từ 18:00 - 21:00.

I. DỊCH LÝ VIỆT NAM

1. Dịch Lý Báo Tin (Chiêm Nghiệm Lý Dịch: *Trình độ Cơ bản*)
2. Dịch Lý Báo Tin (Chiêm Nghiệm Lý Dịch: *Trình độ Chuyên sâu*)
3. Triết Dịch (Lý Học Truy Nguyên)
4. Giao Dịch Xã Hội (Thiên Nhiên Xã Hội Học)

II. PHONG THỦY HUYỀN KHÔNG PHI TINH

1. Phong Thủy Huyền Không Phi Tinh (*Trình độ Cơ bản*)
2. Phong Thủy Huyền Không Phi Tinh (*Trình độ Chuyên sâu*)
3. Phong thủy Âm Phản.

III. NHÂN TƯỚNG HỌC

1. Nhân tướng học Cơ bản
2. Nhân tướng học Ứng dụng

IV. CHUYÊN ĐỀ DỊCH LÝ – PHONG THỦY

32 chuyên đề chuyên sâu trong các lĩnh vực đời sống xã hội, đáp ứng cho
mọi hoạt động tư vấn chuyên nghiệp. Khai giảng theo yêu cầu của học viên.

**TỔNG BIÊN TẬP: TÂM THANH DỊCH HỌC SĨ
CHỦ NHIỆM DỊCH HỌC ĐƯỜNG TÂM THANH
TRƯỞNG BAN BIÊN TẬP: VĂN THANH**

Biên tập viên: *Văn Thành, Truy Thành, Đắc Thành, Minh Thành.*

Thiết kế đồ họa Bìa: *Đắc Thành.*

Thư từ bài vở, ý kiến góp ý, xin gửi về địa chỉ: Ban Biên Tập Nội San DLVN.



DỊCH HỌC ĐƯỜNG TÂM THANH
SỐ 76/32 LỄ LỢI, P. HẠNH THÔNG, TP. HỒ CHÍ MINH
Website: tamthanhdichhocduong.com
Email: tamthanhdichhocduong@gmail.com

MỤC LỤC

I. LỜI PHI LỘ & CHỦ ĐỀ NĂM 2025

1. LỜI PHI LỘ	1
2. CHỦ ĐỀ NĂM 2025 - DỊCH HỌC ĐƯỜNG TÂM THANH.....	2
3. THUẬN THIÊN HÀNH ĐẠO.....	5

II. TIỀN NHÂN KHAI SÁNG

1. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HỘI VIỆT NAM DỊCH LÝ - Văn Thanh.....	8
2. TUYÊN NGÔN CỦA VIỆT NAM DỊCH LÝ HỘI.....	16
3. BÁO CÁO HOÀN TẤT 07 ĐIỀU TRONG TUYÊN NGÔN	17
4. CHUYÊN NHÀ DỊCH LÝ VIỆT NAM: NHÂN VẬT VÀ SỰ KIỆN.....	20
5. DI HUÂN CỦA THẦY NAM THANH PHAN QUỐC SỬ - Tâm Thanh	36

III. NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG DỊCH LÝ

1. NGHỆ THUẬT XỬ LÝ TÌNH HUỐNG THEO DỊCH LÝ HỆ THỐNG TƯ DUY TOÀN DIỆN - Thái Hân.....	37
2. DNA: MẬT MÃ BIẾN HÓA TRONG QUI LUẬT SÓNG ĐỘNG - Loan Thanh	43
3. ỨNG DỤNG DỊCH LÝ BÁO TIN - Tâm Thanh	47
4. GIẢI MÃ GIÁC MƠ BẰNG DỊCH LÝ - Châu Thanh	49
5. PHONG THỦY QUÁN ĂN - Châu Thanh.....	50
6. TỐI CÀN VỀ PHÉP NÓI DỊCH - Tâm Thanh	53
7. 10 BÍ QUYẾT NÓI DỊCH CỦA THẦY TÔ XUÂN PHONG NGUYỄN VĂN MÌ - Văn Thanh	54
8. CÁC YẾU TỐ ẢNH HUỐNG ĐẾN KẾT QUẢ LUẬN ĐOÁN - Tâm Thanh.....	55
9. DỊCH LÝ VÀ SỰ HÌNH THÀNH THẾ GIỚI VẬN HỮU - Tâm Thanh	57
10. CẢM NHẬN CỦA MỘT HỌC VIÊN VỀ MÔN GIAO DỊCH XÃ HỘI - Loan Thanh	60

IV. PHONG THỦY MẠN ĐÀM - ỨNG DỤNG

1. NIÊN LỊCH DỊCH HỌC ĐƯỜNG TÂM THANH CÓ GÌ THÚ VỊ - Truy Thanh	63
2. TRAO ĐỒI: SAO NHỊ HẮC THỔ TRONG VẬN 9 – MỘT SAO LUỒNG TÍNH GIỮA CÁT VÀ HUNG? - Minh Thanh	85
3. TRÀ ĐÀM DỊCH LÝ VIỆT NAM - Võ Thành Nhân	86
4. KHÍ TRONG PHONG THỦY: GIẢI MÃ LINH HỒN CỦA VẬN VẬT - Đắc Thanh	89

V. GÓC SỨC KHỎE

1. BỆNH Ứ HUYẾT, CHÍCH LỄ VÀ THUỐC - Văn Thanh..... 96
2. ĐIỀU TRỊ ĐỤC THUÝ TINH THÊ huyệt 34, 124, 300, 0 - Văn Thanh 99
3. PHÉP LUYỆN THẦN HIỆN - Văn Thanh..... 100
4. TÀ KHÍ “THỦ” ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC KHỎE CON NGƯỜI - Vưu Thanh..... 101

VI. THƠ CA - TÂM TÌNH

1. NGỒI BUỒN NHỚ MẸ TA XUẨA - Nguyễn Duy 104
2. THƠ VỀ HẬU THIÊN BÁT QUÁI VĂN VƯƠNG - Nguyễn Văn Thọ..... 105
3. DỊCH HỌC ĐƯỜNG TÂM THANH NGÔI NHÀ THÂN YÊU - Minh Huệ..... 108
4. THẦY TÔI - Minh Thanh 109
5. DỊCH LÝ: TIA SÁNG DẪN LỐI ĐƯA TÔI THOÁT KHỎI BÓNG MA TÂM LÝ- Kỳ Thanh 110
6. TĨNH LẶNG, BIẾT ƠN, HÀNH ĐỘNG: BA CHÌA KHÓA ĐỂ TRỜI GỬI ĐÚNG ĐIỀU BẠN MUỐN - Vưu Thanh 113
7. TRAO ĐỔI: THÀNH CÔNG - Ý THỨC VÀ TIỀM THÚC - Bình Thanh 115

VII. TIN TỨC

1. 2025 (19 THIÊN TAI) SO VỚI NĂM 2024 (12 THIÊN TAI) TÍNH ĐẾN 12/11/2025..... 120
2. DÂN SỐ, DIỆN TÍCH, ĐỊA GIỚI CỦA 34 TỈNH THÀNH MỚI 124
3. CHÚ GIẢI BỘ KINH DỊCH XUẨA VÀ NAY - Văn Thanh..... 125

VIII. HOẠT ĐỘNG

1. CÁC KHÓA HỌC TẠI DHĐ TÂM THANH 2025..... 154
2. HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG 156



LỜI PHI LỘ

Năm nay, Ất Ty, 2025 chúng ta kỷ niệm lần thứ 12 ngày Thành lập Dịch Học Đường Tâm Thanh (2013-2025), 60 năm thành lập Hội Việt Nam Dịch Lý (1965-2025). Trong không khí háo hức, vui mừng chào đón thành viên của Dịch Học Đường và quý vị bôn phuơng về đây hội ngộ, cùng nhau đàm đạo sẻ chia tâm tư, kiến thức, kinh nghiệm quý báu trên đường phát triển Dịch lý Việt Nam, theo bước chân của tiền nhân. Tri ân các bậc Tổ Sư và tiền nhân đã có công khai sáng các tinh hoa học thuật cho hậu thế.

Trong năm Ất Ty 2025, toàn thể chúng ta đã không quản khó nhọc, dày công học tập, tu dưỡng và ứng dụng các môn học của tiền nhân vào cuộc sống một cách thiết thực, hiệu quả làm tốt đời, đẹp đạo. Cũng trong năm nay, chúng ta chứng kiến bao đổi thay của đất nước ta: áp dụng chính quyền 2 cấp từ tháng 7/2025, ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI, chuyển đổi số, ứng dụng Khoa học Công Nghệ mạnh mẽ, mong mở ra kỷ nguyên phát triển của dân tộc Việt Nam. Kỷ niệm 60 năm thành lập Hội Việt Nam

Dịch-Lý chúng ta nhớ về tuyên ngôn của Sư Tổ Nguyễn Văn Mù có đoạn: “Dịch lý Việt Nam không giống với bất cứ Dịch-Lý của một dân tộc nào trên thế giới, và sách vở cổ kim chưa từng thấy có, đó cũng chính là cái lý do khai mở một Kỷ Nguyên Mới trong nhân loại từ năm Ất Ty (1965)”. Một sự thật mà chúng ta cần phải lưu ý là chỉ có Dân tộc Việt Nam mới làm sáng tỏ nỗi vấn đề Dịch Lý mà thôi. Đó là Kỷ nguyên Tiên - Hậu Thiên Trí - Tri Ý - Thức. Tri ân Tiền Nhân, theo bước Tiền Nhân chúng ta là những người giữ lửa, góp phần gìn giữ, phát huy, phát triển các môn học quý giá mà Tiền nhân đã dày công vun đắp.

Nhân dịp Xuân Bính Ngọ về, Ban biên tập kính chúc tất cả thành viên của Dịch Học Đường Tâm Thanh, quý vị bạn hữu gần xa cùng gia quyến năm mới AN KHANG THỊNH VƯỢNG!

CHỦ ĐỀ NĂM 2025 - DỊCH HỌC ĐƯỜNG TÂM THANH

Năm 2025 đánh dấu sự bùng nổ mạnh mẽ của Trí tuệ Nhân tạo thế hệ mới (AI), với khả năng tự học và tự động hoàn thành các nhiệm vụ phức tạp. Đây không chỉ là một tiến bộ công nghệ, mà là một bước ngoặt lịch sử của nhân loại, nơi trí tuệ con người và trí tuệ nhân tạo hội tụ sâu sắc trong một mối quan hệ cộng sinh. Điều này giải phóng con người khỏi gánh nặng của các công việc mang tính lặp lại và chi tiết, mở ra không gian vô tận cho tư duy chiến lược và sáng tạo, đột phá về hiệu năng công việc. Con người chuyển vai trò từ thực thi sang định hướng, tập trung vào việc tổng hợp hệ thống, thiết lập chiến lược vĩ mô và bứt phá giới hạn sáng tạo.

Tuy nhiên, để làm chủ kỷ nguyên này, yêu cầu bắt buộc là con người phải liên tục cập nhật, học tập và thích ứng linh hoạt. Sự phát triển của AI đòi hỏi chúng ta phải phát triển tính “dẻo dai” của tư duy, khả năng tái cấu trúc lại các kỹ năng nhận thức. Đặc biệt, con người cần ưu tiên phát triển trí tuệ cảm xúc, giá trị niềm tin và các nguyên tắc đạo đức cốt lõi, đây những tài sản vô giá vượt trội hơn máy móc, biến thách thức trở thành cơ hội để phát triển toàn diện.

Dịch: biến dịch dã, biến dịch: bất dịch dã

(Tất cả đều đổi thay, trừ lý đổi thay thì không bao giờ thay đổi)

Dịch Lý Việt Nam luôn đề cao quy luật bất biến của Tạo Hóa là sự Biến Động, Biến Đổi, Biến Hóa, Hóa Thành, nghĩa là vạn vật và muôn loài luôn vận hành không ngừng trong dòng chảy đổi mới. Sự vận hành ấy đang được khuếch đại và minh chứng rõ nét hơn bao giờ hết trong giai đoạn năm 2025, khi con người có thêm một "trợ thủ" đắc lực, một "đồng nghiệp" mang tên AI.

Con người bước vào kỷ nguyên công nghệ diễn ra trong bối cảnh toàn cầu hóa. Quả Địa Cầu Số Hóa chính là biểu tượng cho quy mô và tốc độ của sự Biến Hóa, Biến Đổi này. AI không chỉ là công cụ, mà là chất xúc tác đẩy nhanh quá trình "Hóa Thành" của nhân loại. Với ý tưởng đó, hình ảnh con người trong chủ đề này được thể hiện là nửa thực nửa ảo, một lời nhắc nhở về ranh giới mỏng manh giữa hiện thực của đời sống vật chất và không gian số của công nghệ. Sự mờ ảo của ranh giới ấy không chỉ là thách thức mà còn là yêu cầu cấp thiết buộc con người phải liên tục tái định vị bản thân trong dòng chảy biến đổi để giữ vững bản sắc và giá trị cốt lõi.



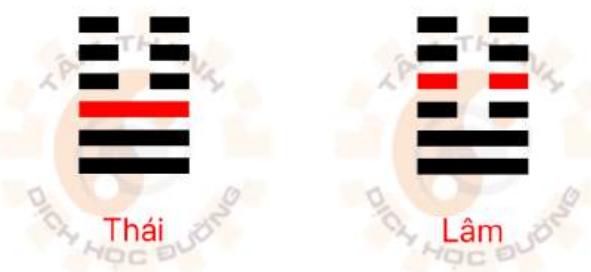
Ý tưởng thực hiện chủ đề của Dịch Học Đường Tâm Thanh năm 2025 được hình thành từ sự ám tượng về các ứng dụng của AI và từ gợi ý của Quẻ Dịch đầu xuân: Địa Thiên Thái - Địa Trạch Lâm. Tôi ngẫm nghĩ và biến thông, tìm hình ảnh liên tưởng từ quẻ Thái (Thông dã, điều hòa) và quẻ Lâm (Đại dã, bao quản), là sự cân bằng, thông suốt, là hình tròn, là hình ảnh đầu con người, nơi bao quản, dung chứa (Lâm) bộ não tư duy (Thái) và hình ảnh quả địa cầu (Thái), nơi con người tự xưng là “chủ tể muôn loài” của muôn loài (Lâm).

Năm 2025 mang một ý nghĩa đặc biệt, kỷ niệm 60 năm Thành lập Hội Việt Nam Dịch Lý (1965 – 2025). Sự kiện này đánh dấu thời điểm hoàn chỉnh một chu kỳ phát triển của Dịch Lý Việt Nam (Lục Thập Hoa Giáp) đồng thời mở ra mở ra 1 chu kì mới đầy hứa hẹn

Chu kỳ 60 năm không chỉ là quy luật vận hành của thời gian, mà còn là lời nhắc nhở sâu sắc về:

- Bè dày lịch sử phát triển của Dịch Lý Việt Nam.
- Trách nhiệm tri ân công đức của Thầy Tổ cùng các Cao đồ đã dày công xây dựng.

Chính những đóng góp và dấu ấn quan trọng của thế hệ đi trước đã tạo nên di sản văn hóa vững chắc để thế hệ chúng ta hôm nay được may mắn kế thừa và phát huy tinh hoa học thuật của tiền nhân.



Tôi vẫn luôn ghi nhớ lời Thầy Tâm Thanh Nguyễn Châu Ngọc về ý nghĩa của việc học Dịch Lý Việt Nam, hằng ngày vẫn luôn không ngừng học tập và nghiên cứu ứng dụng Dịch Lý, không chỉ để sáng suốt hơn

trong quá trình xử lý công việc mà còn để khai mở và phát huy trí tuệ bản thân.

Với tinh thần ấy, tôi mong muốn cùng toàn thể thành viên trong đại gia đình Dịch Học Đường Tâm Thanh sẽ liên tục đóng góp xây dựng và phát triển tri thức Dịch Lý Việt Nam trong bối cảnh hiện đại. Kiên trì gìn giữ và bảo tồn, làm phong phú thêm kho tàng kiến thức học thuật quý báu của dân tộc Việt Nam. Mục tiêu cuối cùng là để Dịch Lý Việt Nam không chỉ là một môn học thuật mà còn là kim chỉ nam minh triết cho thế hệ hiện tại và tương lai của người Việt.

*Đắc Thanh biên tập hình ảnh và chú giải ý nghĩa chủ đề
Tp. HCM, giờ Hàng – Giải, 10/11/2025*

THUẬN THIÊN HÀNH ĐẠO

TRÍCH NQ 01/TW 28/3/1992 VÀ 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

... Trong nhiều năm qua, nội dung đào tạo đội ngũ cán bộ lý luận hầu như chỉ bó hẹp trong các bộ môn khoa học Mác-Lênin, chưa coi trọng việc nghiên cứu các trào lưu khác và tiếp nhận những thành tựu khoa học của thế giới. Hậu quả là số đông cán bộ lý luận thiếu hiểu biết rộng rãi về kho tàng tri thức của loài người, do đó khả năng phát triển bị hạn chế.

... Nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời chú trọng nghiên cứu những tinh hoa trí tuệ của dân tộc. Đổi với những học thuyết khác – ngoài chủ nghĩa Mác-Lênin – về xã hội, cần được nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng.

... Nghiên cứu mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa phát huy bản sắc văn hóa dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, những vấn đề phát huy nhân tố con người, về đạo đức, lối sống, tư tưởng, nghệ thuật, tôn giáo, dân tộc... trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và mở rộng giao lưu quốc tế. ... Đảng phát huy tự do tư tưởng,

tạo mọi điều kiện cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và các mặt công tác khác trên lĩnh vực lý luận... *Trích Nghị quyết của Bộ Chính trị DCSVN về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay (Số 01/NQ-TW 28-3-92)*

(1) ... Tập trung đi sâu nghiên cứu những giá trị văn hoá truyền thống, những bài học kinh nghiệm lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước của dân tộc Việt Nam.

(3) Đối với những trào lưu tư tưởng, học thuyết, lý thuyết mới, tiếp tục mở rộng và đi sâu nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng và tiếp thu những giá trị tiến bộ. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội và các tư tưởng thù địch dưới mọi màu sắc.

(4) ... Giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc đi đôi với tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

(Nghị quyết của Bộ Chính trị số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030)

2016 CÔNG - BÁO VIỆT - NAM CỘNG - HÒA 22 - tháng Năm 1965 /

**NGHỊ-ĐỊNH số 620-BNV/KS ngày 11 tháng năm năm
1965 cho phép thành-lập hội Việt-nam dịch-lý.**

Tổng-trưởng Nội-vụ,

Chiều Hiến-chương Lâm-thời ngày 20 tháng mười năm 1964;

Chiều sắc-lệnh số 040-b/QT/SL ngày 16 tháng hai năm 1965 ấn-
định thành-phần Chánh-phủ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 và
các văn-kiện sửa đổi kế tiếp ấn-định chức-chưởng của Tổng-trưởng
Nội-vụ ;

Chiều dụ số 10 ngày mồng 6 tháng tám năm 1950 sửa đổi bởi dụ
số 24 ngày 19-11-1952 và dụ số 6 ngày 3-4-1954 ấn-định qui-chế hiệp-
bộ ;

Chiều đơn đề ngày 6-11-1964 xin phép thành lập hội Việt-nam
dịch-lý ;

Chiều thuận-kiến của tòa đô-chánh Sài-gòn.

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Hội Việt-nam dịch-lý, trụ sở đặt tại
số 32 đường Cao-Thắng Sài-gòn, được phép thành lập và
hoạt-động đúng theo bản điều-lệ hội được duyệt y định theo
nghị-định này và trong phạm vi qui-chế hiệp-bộ.

Điều thứ 2.— Đồng-lý văn-phòng bộ Nội-vụ, đô-trưởng
Sài-gòn và tổng giám-dốc cảnh-sát quốc-gia, chiều nhiệm-vụ,
lãnh thi-hành nghị-định này.

BẢN SAO

Sài-gòn, ngày 11 tháng năm năm 1965

NGUYỄN HÒA HIỆP

TIỀN NHÂN KHAI SÁNG

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HỘI VIỆT NAM DỊCH LÝ

Văn Thanh

Hội Việt Nam Dịch Lý - kể từ ngày thành lập theo Nghị định NĐ 620-BNV/KS, 11/05/1965 tới nay tính ra đã tròn hơn 60 năm (05/1965 – 11/2025) - một chặng đường dài đầy chông gai và vinh hiển của Dịch Lý Việt Nam. Chông gai thì đã quá rõ ràng rồi, còn vinh hiển? Đó là sự phục hưng của nền Văn Minh Âm Dương Học Việt Nam - nền Văn Minh tối cổ của Việt tộc. Dịch Lý Việt Nam ra đời đã khai mở kỷ nguyên Tiên Hậu Thiên Trí Tri Ý Thức cho Nhân Loại, cốt lõi của nền văn minh này là: Âm Dương Lý và Biến Hóa Luật. Đây là Lý – Luật biến hóa của Vũ Trụ, là nền tảng khoa học cho mọi Khoa học.

Xin được tự hào về Thầy Tổ *Xuân Phong Nguyễn Văn Mì* cùng các Thầy Cô là cao đồ của Thầy Tổ, đã không nề hà hiểm nguy, gian khổ, đã khai mở, vun bồi, xây dựng nền tảng kiến thức khoa học Dịch Lý Việt Nam trong suốt 60 năm qua, để lại cho nhân loại một khoa học tuyệt thế.

Để phác họa bức tranh toàn cảnh quá trình phát triển của Dịch Lý Việt Nam cho các thế hệ hậu học Dịch Lý Việt Nam biết rõ về Thầy Tổ, về các vị Môn Đồ Dịch Lý Việt Nam. Dựa vào nội san của Quán Dịch Y Đạo Nam Thanh, Website của các Thầy Cô đang giảng dạy Dịch Lý Việt Nam... tôi – *Văn Thanh*, xin điểm lại các mốc thời gian và sự kiện liên quan đến Dịch Lý Việt Nam, có thể là chưa đầy đủ lăm nhưng cũng đã phác họa được những nét chính yếu, rất mong các thành viên trong ngôi nhà Dịch Lý Việt Nam và các thiện chí muôn phương cùng chung tay góp sức với chúng tôi bổ túc thêm cho hoàn chỉnh để làm tư liệu học tập, tham khảo cho các thế hệ.

GIAI ĐOẠN THẦY TỔ VÀ CÁC CAO ĐỒ

Thời gian 49 năm (1954-2003) không quá dài nhưng cũng vừa đủ để nhận định khách quan một công trình Văn lý học có tầm cỡ nhân loại toàn cầu đương đại: VĂN MINH DỊCH LÝ VIỆT NAM.

QUÁ TRÌNH CỦA HỘI VIỆT NAM DỊCH LÝ TỪ 1954 ĐẾN 2003, CÓ THỂ PHÂN RA 4 THỜI KỲ RỘ RẼT:

1. Thời kỳ chưa có Hội (1954-1963)
2. Thời kỳ thành lập Hội (1963-1965)
3. Thời kỳ sinh hoạt Hội (1965-1975)
4. Thời kỳ vắng mặt Hội (1975-2003)

Sinh động nổi bật nhất còn dấu ấn trong 4 văn bản bản lề:

I. Văn bản của HỘI VIỆT NAM DỊCH LÝ

1. *Tuyên ngôn của Việt Nam Dịch Lý Hội* (năm 1965)

- Nhiệm vụ: khai lối dẫn đường.

2. *Báo cáo hoàn tất 7 điều trong Tuyên ngôn* (năm 1975)

- Chấm dứt nhiệm vụ lịch sử của Hội Việt Nam Dịch Lý

- Đề ra 6 ước vọng mới cho nhân loại.

(Xem nội dung bản: *Tuyên Ngôn*, và *Báo cáo hoàn tất bảy điều trong Tuyên Ngôn*, tiếp theo sau bài viết này).

II. Văn bản của QUÁN DỊCH Y ĐẠO NAM THANH

3. *Chương trình Dịch Lý Việt Nam* của Quán Dịch Y Đạo NAM THANH (năm 1984).

- Đáp ứng được 04 ước vọng trong số 06 ước vọng căn bản được nêu trong Báo cáo năm 1975.

4. *Bộ KINH DỊCH XƯA VÀ NAY* (Tập I, II năm 1995- Tập III năm 2003)

- Là thành tựu ở đỉnh cao tinh hoa Dịch Lý Việt Nam theo đúng Chương Trình Giảng Huấn Thông Nhất của Ban Tu thư Việt Nam Dịch Lý Hội.

Kính mời Quý bạn đọc xa gần nghiêm xét 4 văn bản trên, đặc biệt là bộ KINH DỊCH XƯA VÀ NAY (3 tập).

CỤ THỂ TÙNG GIAI ĐOẠN:

- **Từ 1963 đến 1966:** Việt Nam Dịch Lý Hội đặt trụ sở tại 82 Cao Thắng Quận 3 cũ, Chùa Tam Tông Miếu đường Cao Thắng. Năm 1965, trên 30 thành viên của Hội tụ họp tại Chùa Tam Tông Miếu trên đường Cao Thắng, biểu quyết thành lập Hội lấy tên theo sự đề xướng của Thầy Mì là HỘI VIỆT NAM DỊCH LÝ. Cử Cụ Từ Thành làm Hội Trưởng, Cụ Nguyễn Mạnh Bảo làm Phó Hội trưởng và Thầy Nguyễn Văn Mì là Tổng Thư Ký. Trong năm 1965 Việt Nam Dịch Lý Hội được cấp giấy phép hoạt động: Giấy phép thành lập Việt Nam Dịch Lý Hội, theo Nghị định NĐ 620-BNV/KS, 11/05/1965.

- Từ 1967 đến 1971: Việt Nam Dịch Lý Hội dời trụ sở về số 457/96 Lê Văn Duyệt, Hoà Hưng, Sài Gòn (Nhà Thầy Mì). Lúc ấy Cụ *Tù Thanh* đã già yếu, làm giấy giao chức Hội Trưởng lại cho Thầy Mì, Ông Lê Cảnh Nho và Lê Phú Kính (Ngự Bình) là Phó Hội Trưởng, Ông Cao Thế Nhân (*Cao Vương Nguyên*) là Tổng Thư Ký kiêm Trưởng Ban Truyền Bá Dịch Lý. Đến năm 1969, Ông *Nam Thanh* Phan Quốc Sử được cử Trưởng Ban Tu Thư, *Tây Thanh* Phạm Quang Thành là Trưởng Ban Ân Loát. *Tây Thanh* Phạm Quang Thành mất 2023.

- Từ 1972 đến 2003: Năm 1972, Hội có một Chi Hội đầu tiên do *Nam Thanh* Phan Quốc Sử làm Chi Hội Trưởng, trụ sở đặt tại số 171-173 Phạm Thế Hiển Phường 2, Quận 8. Chi Hội này là tiền thân của Quán Dịch Y Đạo Nam Thanh thành lập năm 1984 cũng tại địa chỉ trên. Đến năm 1990, Quán Dịch Y Đạo dời về địa chỉ hiện nay: 499/2 Cách Mạng Tháng 8, Phường 13, Quận 10, TP.HCM.

Đến năm 1995 Thầy *Nam Thanh* Phan Quốc Sử hoàn thành bộ sách Kinh Dịch Xưa và Nay tập 1, tập 2; đến năm 2003 Thầy hoàn thành tập 3 của bộ Kinh Dịch Xưa và Nay. Trong thời gian này, Thầy *Nam Thanh* Phan Quốc Sử làm Tổng biên tập, cùng với các học trò đã phát hành nội bộ 10 số Nội san Quán Dịch Y Đạo Nam Thanh, để lưu truyền và phản ánh về các hoạt động phong phú của Dịch Lý Việt Nam giai đoạn này.

Sau khi Thầy *Nam Thanh* mất, thì Chi hội tiếp tục hoạt động, chủ yếu Khoa Chích lǚ do cô Kim Huê (vợ Thầy Sử) phụ trách, và Cô Hương, Thầy Thanh con Thầy Sử. Đến năm 2023 thì không còn hoạt động vì cô Kim Huê già yếu, và cô Hương thì định cư ở Mỹ.

CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT CỦA HỘI TRONG KHOẢNG THỜI GIAN TỪ (1963 – 2003):

- Biên soạn chương trình Dịch Lý Việt Nam, dưới sự chỉ đạo và chỉnh lý của Thầy Tổ *Xuân Phong* Nguyễn Văn Mì (giai đoạn 1963-1997)
- Thầy Tổ đào tạo các Cao Đồ và Cao Đồ tiếp tục đào tạo học trò.
- Tham gia giảng huấn tại các Trường học, tập huấn cho sư sãi Phật giáo (trước 1975).
- Thầy *Cao Vương Nguyên* Cao Thế Nhân dạy Giáo Trình Dịch Lý “*Tiên Đồng Ngọc Nữ*” cho học sinh một số trường Trung Học, đặc biệt ở Trường Ngô Sỹ Liên (trước 1975).

- Thầy *Hồng Tử Uyên* Võ Hồng Hải dạy Dịch Lý Việt Nam, được cử làm giảng viên cho lớp đặc biệt Tăng Ni ở Viện Đại Học Vạn Hạnh (trước 1975).
- Xây dựng lý thuyết Dịch Y Đạo, do Thầy *Nam Thanh* Phan Quốc Sử thực hiện. Góp phần xây dựng, phát triển và hoàn thiện Lý thuyết cho Bộ môn Chích Lỗ Việt Nam (sau 1975), dưới sự điều đắt của Sư Tổ Khoa Chích Lỗ - Lương Y Nguyễn Oánh (1914 -1999).
- Thầy *Nam Thanh* Phan Quốc Sử đã biên soạn và phát hành Bộ sách: Kinh Dịch Xưa và Nay, 03 tập, là một trong những Bộ sách đầy đủ nhất, chi tiết nhất, bao quát nhất về tư tưởng, lý thuyết, thực tiễn, quý hiếm nhất của Dịch Lý Việt Nam. Bao gồm: Triết Dịch; Chiêm Nghiệm Dịch Lý; Giao Dịch Xã hội; Dịch Y Đạo, góp phần quan trọng để làm cơ sở, nền tảng để tiếp tục bảo tồn, xây dựng và phát triển Dịch Lý Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.
- Quán Dịch Y Đạo *Nam Thanh* của Thầy Phan Quốc Sử cho phát hành 10 số Nội San, là tư liệu quý, phản ánh một cách đại diện hoạt động của Dịch Lý Việt Nam giai đoạn sau 1975.

A. GIAI ĐOẠN HỌC TRÒ CỦA CÁC CAO ĐỒ (2004-đến nay)

Qua hệ thống mạng internet, có trao đổi và xác nhận thông tin với các Thầy như: *Thanh Hải*, *Tâm Thanh*, *Nhật Thanh*... và cô Kim Huê (vợ Thầy Phan Quốc Sử), ... tôi xin giới thiệu một số thành viên của đại gia đình Dịch Lý Việt Nam, mong quý độc giả, Thầy Cô tiếp tục giới thiệu bổ sung thêm cho hoàn chỉnh. **Thư từ góp ý, xin gửi về: BBT Nội san Dịch Lý Việt Nam, số 76/32, Lê Lợi, P4, Gò Vấp, Tp HCM.**

I. HỌC TRÒ CỦA THẦY CAO THANH CAO THẾ NHÂN (Trước kia thầy Cao Thê Nhân lấy bút hiệu là *Cao Vương Nguyên*, về sau đổi bút hiệu lại thành *Cao Thanh*).

Thầy *Cao Thanh* Cao Thế Nhân sinh ngày 21/10/1941 mất lúc 18h54 phút, thứ ba, ngày 26/01/2021 DL, nhằm giờ Dậu, ngày Giáp Tuất, 14/12/Canh Tý Âm lịch tại Arizona USA, hưởng thọ 81 tuổi, được hỏa táng theo ý nguyện. Thầy Cao Thanh theo học Thầy Tổ từ năm 1965 đến năm 1997 khi Thầy Tổ mất.

Các tài liệu được Thầy ghi lại từ bài giảng của Thầy Tổ, được Thầy Tổ xem duyệt vừa ý mới cho đánh máy, ký tên, đóng dấu và trở thành tài

liệu chánh thức cho DLVN để lưu truyền cho các thế hệ sau, từ năm 1966 cho đến nay gồm: Văn Minh Dịch Lý Việt Nam; Vũ Trụ Ngũ Liên Hành Tinh; Thiên Nhiên Xã Hội; Âm Dương Lý Số-Dương Âm Số Lý; Ván đề Lý Học; Dịch lý Ván Đáp (Sơ Đẳng, Trung Đẳng, Thượng Đẳng); ngoài ra còn có nhiều tài liệu khác như: Tài liệu dành cho Sinh viên học sinh, Khai Quang Điểm Nhã, Những bước chính trên đường học Dịch... (<https://dichlyhoc.com/bao-tin-buon/>). Thầy có rất nhiều học trò, tôi chỉ xin nêu tên vài vị trong phạm vi hiểu biết hạn hẹp của tôi mà thôi.

1. Thầy Trần Việt Hải bút hiệu là *Thanh Hải*, trợ giảng cho thầy *Cao Thanh* từ năm 2003, chính thức mở lớp giảng dạy Dịch Lý Việt Nam từ năm 2008. Chủ nhiệm các trang web dichlyhoc.com và vutrungu.com. Thầy *Thanh Hải* đã và đang đào tạo được nhiều giảng viên thế hệ F3, chuẩn bị tiếp nối công cuộc phát triển Dịch Lý Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

2. Thầy Trần Đức Hạnh bút hiệu *Hạnh Thanh*, Phân hội Dịch Lý Việt Nam ở Đức, bắt đầu mở lớp giảng dạy online khoa học Dịch Lý Việt Nam khoảng từ năm 2008. Chủ nhiệm trang web: vndichlyhoiger.wordpress.com, Thầy Hạnh Thanh xưa học trò Thầy Cao Thanh. Trong suốt 10 năm qua Thầy *Hạnh Thanh* đã đào tạo được nhiều giảng viên Dịch Lý Việt Nam.

3. Thầy Lương Chí Hiếu bút hiệu *Thanh Hiếu*, giảng dạy Dịch Lý Việt Nam từ năm 2018.

II. HỌC TRÒ CỦA THẦY NAM THANH PHAN QUỐC SỬ:

1. Thầy Nguyễn Đức Phú bút hiệu là *Vân Thanh* Chủ nhiệm Viện Quản Trị Kinh Doanh ĐỒNG NHÂN admin website dongnhan.edu.vn và dichlyaulac.vn

2. Thầy Chế Công Nhật Triết bút hiệu là *Nhật Thanh* và Cô Vương Ánh bút hiệu là *Ánh Thanh* (vợ thầy Nhật Thanh): Chủ nhiệm Câu Lạc Bộ Dịch Lý Rồng Tiên tại quận Bình Thạnh (cũ), Tp. HCM đồng thời là admin fan page DỊCH LÝ RỒNG TIỀN ÁNH TRIẾT <https://vi-vn.facebook.com/phongthuyvn3.1>

3. Thầy Trần Quốc Thái bút hiệu *Thanh Từ*: admin website amtradichly.vn

4. Thầy Nguyễn Châu Ngọc bút hiệu *Tâm Thanh*: chủ nhiệm Dịch Học Đường Tâm Thanh tại quận Gò Vấp (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Website: tamthanhdichhocduong.com. Bắt đầu giảng dạy Dịch Lý Việt Nam từ năm 2009.

Học trò của Thầy Tâm Thanh Nguyễn Châu Ngọc:

4.1. Thầy Huỳnh Thanh Phương bút hiệu *Truy Thanh*, **Thầy Trương Tiến Đạt** bút hiệu *Đắc Thanh*, **Thầy Bình Thanh**, **Cô Lam Thanh**: giảng dạy Dịch Lý Việt Nam ở tỉnh Bình Dương (cũ).

4.2. Thầy Vưu Tân Lộc bút hiệu là *Vưu Thanh*: đang giảng dạy Dịch Lý Việt Nam ở thành phố Cần Thơ từ năm 2015. Địa chỉ trang web là: vuuthanhdichhocduong.com

Và còn nhiều Thầy, Cô mang bút hiệu Thanh nghiên cứu, ứng dụng, giảng dạy dịch lý và các môn học khác

NHỮNG BÚT HIỆU “THANH” CỦA DỊCH HỌC ĐƯỜNG TÂM THANH

Thầy **Tâm Thanh** NGUYỄN CHÂU NGỌC, Chủ Nhiệm DỊCH HỌC ĐƯỜNG TÂM THANH

STT	HỌ TÊN	BÚT HIỆU	NĂM SINH	NGHÈ NGHIỆP
1	Trần Duy Bảo	<i>Thanh Bình</i>	1957	Giáo viên
2	Trần Đức Sỹ	<i>Bình Thanh</i>	1970	Giáo viên
3	Nguyễn Thị Thu Hà	<i>Lam Thanh</i>	1972	Đông Y sỹ
4	Huỳnh Thanh Phương	<i>Truy Thanh</i>	1980	GD Điều hành
5	Nguyễn Minh Phương	<i>Vũ Đăng Thanh</i>	1969	Kiến trúc sư
6	Trương Tiến Đạt	<i>Đắc Thanh</i>	1992	Kiến trúc sư
7	Đoàn Ngọc Chính	<i>Cẩm Thanh</i>	1981	Đông Y sỹ
8	Cao Phương Nam	<i>Văn Thanh</i>	1964	Đông Y sỹ
9	Vưu Tân Lộc	<i>Vưu Thanh</i>	1976	Kỹ sư
10	Nguyễn Ngọc Nguyên	<i>Nguyên Thanh</i>	1972	Đông y sỹ
11	Nguyễn Văn Phi Trường	<i>Đức Thanh</i>	1985	Tu Sỹ
12	Nguyễn Văn Được	<i>Hữu Thanh</i>	1985	Đông Y sỹ
13	Trần Minh Phụng	<i>Bảo Thanh</i>	1986	Đông Y sỹ
14	Nguyễn Tiến Phong	<i>Tiến Thanh</i>	1994	Luật tổng hợp
15	Nguyễn Văn Tuyền	<i>Minh Thanh</i>	1993	Đông Y sỹ
16	Nguyễn Quỳnh Nguyên Hương	<i>Viên Thanh</i>	1999	Du học sinh
17	Nguyễn Thủ Dũng	<i>Nhiên Thanh</i>	1993	Chuyên viên IT
18	Võ Trọng Nghĩa	<i>Châu Thanh</i>	1996	Lập trình viên
19	Nguyễn Thị Hương Giang	<i>Loan Thanh</i>	1985	Truyền Thông
20	Nguyễn Phan Kỳ Duyên	<i>Kỳ Thanh</i>	1995	Kế Toán

Ngoài ra Thầy *Nam Thanh* Phan Quốc Sử còn nhiều học trò khác nữa, mà tôi được biết, như: Thầy *Thanh Huy* Lê Quang Viễn, Thầy *Hòa Thanh* Quách Vỹ Tín, Thầy *Hoàng Thanh* Dương Trọng Hiếu, Thầy

Thanh Tâm Lại Hữu Tâm, *Thầy Việt Thanh* Phạm Văn Long, *Thầy Nhã Thanh* Nguyễn Xuân Đạt... và *Thầy Tất Thanh* Nguyễn Đình Sớm. “*Tất*” là hoàn tất, phải chăng *Thầy Nam Thanh* muôn ngầm gửi thông điệp rằng sứ mệnh lịch sử với Dịch Lý Việt Nam mà Trời-Đời-Người giao phó cho *Thầy* nay đã hoàn tất.

Giai đoạn này, đội ngũ hậu học của Dịch Lý Việt Nam tiếp tục sự nghiệp của *Thầy Tổ* và các Cao Đồ, đã và đang ngày đêm nỗ lực học tập, giảng dạy, ứng dụng Dịch Lý Việt Nam vào phục vụ quốc kế dân sinh. Qua số liệu báo cáo của Dịch Học Đường, Câu lạc bộ Dịch Lý, cho thấy ngày càng có nhiều người theo học môn Dịch Lý Việt Nam. Dịch Lý Việt Nam trong giai đoạn này được tiếp tục phát huy, và ứng dụng vào nhiều lĩnh vực: Bất động sản, Xây Dựng, Hôn nhân gia đình, Nông nghiệp, Thủy sản, Y học Dân tộc, Sức khỏe... và đặc biệt là góp phần bài trừ các hủ tục lạc hậu mê tín dị đoan. Tuy nhiên cần đẩy mạnh hơn hoạt động đào tạo, ứng dụng, và xuất bản sách ra công chúng.

B. MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU CỦA VIỆT NAM DỊCH LÝ HỘI TRƯỚC VÀ SAU 1975:

Kinh Dịch Đại Toàn được cụ *Tù Thanh* Nguyễn Văn Phúc dịch (1878..? - thập niên 70), trọn bộ gồm 72 tập ra tiếng Việt, mất 9 năm mới hoàn thành (1956-1965), nguyên bản tiếng Hán do Đại học sĩ Lý Quang Địa chủ trì chỉnh lý, tu bổ, hoàn thành năm Khang Hi thứ 54, Mùa Xuân, Tháng 3, Ngày 18. Bộ Kinh Dịch Đại Toàn này *Thầy Tổ* Nguyễn Văn Mì (1917-1997) mượn của Cụ Phan Lạc Vọng Húc (? - 1982).

- **Việt Dịch Chánh Tông** của *Thầy Tổ* Xuân Phong Nguyễn Văn Mì, là một trong những tài liệu đầu tiên của Việt Nam Dịch Lý Hội được xuất bản khoảng năm 1965. Được cấp phép xuất bản và lưu hành rộng rãi.
- **Dịch lý học Nhập Môn** (Dịch lý học Đại Cương). Lưu hành nội bộ do *Thanh Ly* Võ Hồng Hải viết dưới sự hướng dẫn của *Thầy Tổ* Xuân Phong Nguyễn Văn Mì năm 1965. Sau năm 1975, ông đã viết nhiều bài về Dịch Lý Việt Nam và được đăng trên tạp chí *Nguồn Sáng*, do thi sĩ Đỗ Ngọc Quang làm chủ biên.
- **Văn Minh Dịch Lý Việt Nam**, Chương trình Thái Thuợng Đặng của Dịch lý Việt Nam. Lưu hành nội bộ do *Cao Thanh* Cao Thế Nhân biên

soạn dưới sự hướng dẫn của Thầy Tổ *Xuân Phong* Nguyễn Văn Mì năm 1967. Ông cũng là tác giả của những tác phẩm như: *Việt Nam Dịch Lý Khai Nguyên*, *Vũ Trụ Ngữ* ...

- **Kinh Dịch Xưa và Nay**, trọn 3 tập với các nội dung Triết Dịch, Dịch Y Đạo, Chiêm Nghiệm Lý Dịch và Thiên Nhiên Xã Hội Học. Quán Dịch Y Đạo Nam Thanh. Lưu hành nội bộ. *Nam Thanh* Phan Quốc Sử biên soạn năm 1991-1999. Năm 2003 biên soạn thêm phần Lý giải 64 Danh ý Tượng Dịch.

Những tài liệu của Hội đã được cấp phép: - **Dịch Kinh Đại Toàn (1965)** - **Việt Dịch Chánh Tông** - **Tập Thơ: Con Người Vũ Trụ Dịch**. Còn lại đa phần là in ronéo lưu hành nội bộ: *Dịch Lý Nhập Môn* - *Văn Minh Dịch Lý Việt Nam* - *Việt Nam Dịch Lý Khai Nguyên* - *Vũ trụ ngữ* - *Thiên Nhiên Xã Hội Học Tập I* ...

Thay lời kết cho bài viết, tôi xin trích nguyên văn lời của Thầy *Nam Thanh* Phan Quốc Sử: “Hành trình truyền bá Dịch Lý Việt Nam hết Thế hệ này tới Thế hệ khác tiếp nối nhiệm vụ xây dựng ngôi nhà Dịch Lý Việt Nam: Đại chúng hoá Thiên Cơ, Thời Cơ, Nhân Cơ từ Thầy Xuân Phong đến các học trò: Từ Thanh, Thanh Ly, Cao Thanh, Nam Thanh ... qua từng thời kỳ lịch sử thật cam go nhưng rất hào hùng”.

Tài liệu tham khảo:

1. *Nam Thanh* Phan Quốc Sử, Dịch Lý Việt Nam trên đường phát triển - Điểm lại quá trình phát triển của Việt Nam Dịch Lý Hội, Diễn đàn Dịch Lý Việt Nam, số 2, trang 10 -14, 25/01/2003, Quán Dịch Y Đạo Nam Thanh 499/2, CMT8, Phường 13, quận 10, Tp.HCM. Lưu hành nội bộ.
2. *Tâm Thanh* Nguyễn Châu Ngọc. 2018. Báo cáo Hoạt động của Dịch học Đường Tâm Thanh, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018. Lưu hành nội bộ
3. Trang web hoạt động của Thầy *Hạnh Thanh*, Thầy *Thanh Hải*, Thầy *Vân Thanh*, Thầy *Nhật Thanh*, Thầy *Thanh Từ*, Thầy *Tâm Thanh*, *Vưu Thanh*.
4. Và một số dữ liệu được cung cấp từ Thầy *Thanh Hải*, Thầy *Hùng Phong*, Cô Kim Huê (vợ Thầy *Nam Thanh*)
5. Nội san Quán Dịch Y Đạo Nam Thanh, số 1-10.

Viết xong lúc 24:19 ngày 18/9/2018 Âm Lịch
Quẻ Hoán – Quan
Cập nhật 23h35, 13/11/25d1

TUYÊN NGÔN CỦA VIỆT NAM DỊCH LÝ HỘI

Năm Ất Ty (1965) là Nguyên Niên Việt Nam Dịch Lý Hội tựu thành.

1. Thời kỳ của hai nền văn minh giao tiếp

Xét vì: Vận hội văn minh tinh thần đã qua và Vận hội văn minh vật chất đang kế tục. Đến đây là thời kỳ của hai nền văn minh ấy giao tiếp.

2. Nhịp cầu nối liền giữa Huyền Vi và Hiển Hiện

Xét vì: Cân cân quân bình giữa hai nền văn minh ấy có chênh lệch, tức là giữa đạo lý khoa học và khoa học đạo lý thiếu thông cảm nhau, bởi chưa có nhịp cầu nối liền giữa Huyền Vi và Hiển Hiện.

3. Khoa học tổng tập: Vạn vật quy nhất lý.

Xét vì: Khắp hoàn cầu chưa có sở học Vạn vật quy Nhất lý đệm vào trong mọi ngành khoa học hiện có, nên thiên hạ của hai nền văn minh ấy có thể trái nghịch nhau hoặc khinh miệt nhau một cách rất nặng nề.

4. Thanh bình hạnh phúc trong nhân loại.

Xét vì: Nếu có một Lý học Vạn vật quy nhất lý hợp thời, được và bị đệm vào trong mọi ngành học, nó sẽ đem lại cho phần tri thức và kiến thức đã và đang bất đồng ý sẽ dễ thông cảm nhau hơn. Mà do đó, sẽ tạo nên cảnh thanh bình hạnh phúc trong nhân loại sau này.

5. Dịch lý là cây đại thụ.

Xét vì: Dịch lý được và bị xem như cây đại thụ sống giữa hai nền văn minh nhân loại ấy. Và nó chính thị là sở học Vạn vật quy nhất lý.

6. Nền văn minh hòa cựu hợp tân.

Xét vì: Văn minh Dịch lý Việt Nam với con người thời nay (Dịch lý thời nhân) là một lý học hòa cựu hợp tân, là nhịp cầu nối liền giữa Huyền Vi và Hiển Hiện.

7. Dịch lý là khoa Siêu việt học.

Xét vì: Dịch lý xứng danh là một khoa Siêu việt học, có thể dung hợp được cả hai nền văn minh nhân loại, trong tất cả mọi tầng lớp dân chúng.

CHÍNH VÌ:

Bởi các lý lẽ nêu trên mà ngày nay mới có lý để Việt Nam Dịch Lý Hội được và bị tựu thành. Tức là chúng tôi nguyện góp mặt với thời đại, quyết tâm đem khoa siêu việt học này vào nhân thế.

Khoa ấy khi xông pha vào đạo thiêng hạ, có thể đổi thành những danh từ phù hợp và phổ thông hơn:

- Uyên nguyễn cho phần đạo lý. Và là:
 - Siêu việt cho phần khoa học tổng tập.

Tóm lại, khoa Siêu việt học, tức là khoa học tổng hợp của nhân thế này đã được và bị chào đời. Ước mong các vị tu sĩ, ẩn sĩ trong mọi đạo giáo, cùng các nhà triết học, bác học uyên thâm, văn nhân, học sĩ khắp nơi trong nước và trong nhân loại đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, để cùng nhau xây đắp hoàn hảo nhịp cầu nối liền giữa huyền vi và hiển hiện. Tức là tạo cơ hội cho đạo lý khoa học đạo lý đương thời tương cảm được với nhau đó vây.

TOÀN THỂ SÁNG LẬP VIÊN VIỆT NAM DỊCH LÝ HỘI Đồng kính cáo.

Sài Gòn, ngày Mậu Thân 24 tháng 5 năm Ất Tỵ, giờ Tỵ
(Ngày 25/06/1965, hồi 11 giờ)

(Giấy phép thành lập Hội Việt Nam Dịch Lý: Nghị định số 620/BNN/KS
ngày 11/05/1965)

BÁO CÁO HOÀN TẮT 07 ĐIỀU TRONG TUYÊN NGÔN

KỶ NGUYÊN MỚI

KỶ NGUYỄN MỚI

KỶ NGUYÊN TIỀN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THÚC – Năm thứ Chín VŨ TRƯ ĐẠO – KỶ NGUYÊN LIÊN HÀNH TINH

Kỷ nguyên mới, khai mở vào năm Ất Ty, năm ấy chính là Nguyên niên của Việt Nam Dịch Lý Hội tựu thành và chào đời với bảy lý do (bản Tuyên Ngôn). Nhờ thiện chí của muôn phuơng, bất kể ngầm ngâm hay công khai, nay đã đem lại thành quả tốt đẹp, có nghĩa là những thiện chí lè tẻ trong nhân thế, đã tìm về Việt Nam Dịch lý Hội và nơi đây đã khéo léo kết thành một bông hoa thiên chí cho kỷ nguyên mới.

Trời đất khiến như vậy, nên chúng ta mới làm xong được bảy điều trong bản Tuyên ngôn của Việt Nam Dịch Lý Hội... nối tiếp theo đó, là những ước vọng mới, được xem như là bước thứ hai trong vấn đề Dịch Lý Việt Nam.

Người Việt Nam ước vọng cho Nhân Loại: ước vọng có sáu điều (cũng là mục đích tối hậu):

- Điều một: VŨ TRỤ ĐẠO
- Điều hai: THIÊN NHIÊN XÃ HỘI HỌC
- Điều ba: CHÍNH TRỊ LIÊN HÀNH TINH
- Điều bốn: KHOA HỌC TỔNG TẬP
- Điều năm: DỊCH VÕ ĐẠO
- Điều sáu: DỊCH Y ĐẠO

ĐIỀU THỨ NHÚT: VŨ TRỤ ĐẠO – Niềm hy vọng tối thượng của con người

Con người phải có thời gian tham khảo, tham luận hoặc học hỏi để hiểu biết đúng về lẽ thật của con người, của muôn đời và khắp nơi, đã, đang và sẽ biến động đi trong Nhất Lý và Nhất Luật ra sao? Nhất Lý tức là Yếu Lý Âm Dương Đồng Nhi Dị và Nhất Luật tức là Biến Hóa Luật (Siêu Nhiên học).

ĐIỀU THỨ HAI: THIÊN NHIÊN XÃ HỘI HỌC đáp ứng nhu cầu Trí Tri Ý con người.

Con người có phần, có dịp để hiểu biết về phép tổ chức cơ mật của Vũ Trụ Thiên Địa Quỷ Thần, tức sẽ được thấu đáo về xã hội muôn loài vạn vật, quây quần hội tụ ra sao, để rồi nhơn đó, con người có thể noi theo dấu vết của Trời Đất mà bồi túc cho sự tổ chức trong xã hội loài người, hòa hợp được cùng với ý Thiên Địa, làm thành Tam Tài là: THIÊN - ĐỊA - NHÂN.

ĐIỀU THỨ BA: CHÍNH TRỊ LIÊN HÀNH TINH giúp loài người tiến bộ trong việc củng cố đạo đức khoa học.

Con người khi đã thấu đáo tổ chức Xã hội Thiên Nhân rồi, thời con người sẽ động tĩnh theo hiểu biết mới đó trong xã hội loài người, sẽ đem lại được nhiều an lạc hơn trên hành tinh Địa Cầu này. Do đó, con người sẽ rất yên tâm, chung lo phát huy vấn đề Vũ Trụ ngũ trên bước đường thám hiểm, liên lạc với nhiều hành tinh khác, giảm bớt được muôn triều ti tổn phí tinh thần, thể xác, xương máu của con người.

ĐIỀU THỨ BỐN: KHOA HỌC TỔNG TẬP là văn minh đồng tiến liên hệ.

Con người trong tất cả mọi ngành học vấn đều có thể hiểu biết được luật Cấu Tạo Hóa Thành do Kỷ nguyên mới hướng dẫn, nhơn đó, con người sẽ tùy nghi bắt chước mà cấu tạo hóa thành này, nọ... chế tác, phát minh

trong mỗi ngành, sao cho ngày càng thêm mới, đẽ đủ và thừa sức đáp ứng cho nhu cầu nhân dụng.

ĐIỀU THÚ NĂM: *DỊCH VÕ ĐẠO chỉ bảo về quân bình sinh động, là khoa Võ Văn phục vụ hỗ trợ cho khoa Văn Võ.*

Con người, bất kể nam nữ trẻ già, đều có loại thể dục, thể thao đáp ứng theo Đạo biến chuyển của Trời Đất, không thái quá, không bất cập, trong một con người, Văn Võ - Võ Văn tự là thầy, làm bạn lẫn nhau, không hề cách biệt giữa văn minh tinh thần và văn minh vật chất.

ĐIỀU THÚ SÁU: *DỊCH Y ĐẠO để cứu tế, bồi dưỡng, hưởng thụ.*

Con người được cứu giúp chữa trị, bồi dưỡng tinh thần, thể xác trong phạm vi có thể được để con người trường thọ hạnh phúc do công cuộc tiến hóa, trong xã hội loài người, khi làm kiếp người, đi ngang qua trên hành tinh Địa Cầu này.

*Sài Gòn, ngày Giáp dần (15) Tháng Hai
Năm Quý Sửu, Giờ Thìn – Chín giờ sáng (ngày 19-3-1975)*

VIỆT NAM DỊCH LÝ HỘI Kính cáo

*Tổng thư ký
CAO THẾ NHÂN*

*Hội trưởng
Dịch lý sĩ XUÂN PHONG
NGUYỄN VĂN MÌ*

CHUYỆN NHÀ DỊCH LÝ VIỆT NAM NHÂN VẬT VÀ SỰ KIỆN

*(Trích nội san số 7 phát hành ngày 10/6/2005 của Quán Dịch Y Đạo
Nam Thành, và phần bổ sung của Ban Biên Tập ở cuối bài viết)*

CỤ TÙ THANH NGUYỄN VĂN PHÚC *Hội Trưởng đầu tiên của Việt Nam Dịch Lý Hội Dịch giả Bộ DỊCH KINH ĐẠI TOÀN*

Cụ *Tù Thanh* Nguyễn Văn Phúc là nhân sĩ Bắc Hà, Cử nhân Hán học, di cư vào Nam năm **1954** ở Cống Bà Xếp, Hoà Hưng, Sài Gòn. Năm 1968, *Nam Thành* được Thầy Mì dẫn qua thăm tại nhà Cụ, lúc ấy Cụ đã tròn trèm 90, vóc dáng tiên phong đạo cốt, râu dài tóc bạc phơ, thân hình cao lớn, đi đứng nói năng vững vàng.

Năm **1956**, Thầy Mì đến nhờ Cụ dịch Bộ *Dịch Kinh Đại Toàn* vừa mượn của Cụ Phan Lạc Vọng Húc (Thân sinh của Phan Lạc Tuyên - Tổng Cục Chính Huấn). Do bừa nọ tại tiệm hớt tóc ở kế nhà thuốc Phước Tịnh ngang đình thần Cây Đa đường Lê Văn Duyệt, Thầy Mì đang đánh cờ tướng với các Cụ lớn tuổi, thì được nghe Cụ Húc khoe khi di cư vào Nam có mang theo Bộ *Dịch Kinh Đại Toàn* thời Mãn Thanh, có lời tựa của Vua Khang Hy, hiện để tại nhà. Thầy Mì xin đến nhà xem qua cho biết.

Thầy Mì hỏi: – Ông đọc có hiểu gì không?

Cụ Húc nói: – Không.

– Thế thì Ông để trên trang thờ, như thờ mấy cục gạch. Ông cho tôi mượn đọc được không?

– Ông không biết chữ Hán thì làm sao đọc?

– Tôi về mượn người đọc giùm.

Và sau đó Cụ Húc mỗi lần cho Thầy Mì mượn vài tập, vì trọn bộ tới 72 tập, vài hôm Thầy Mì đem trả, mượn tiếp ...

Khi Cụ *Tù Thanh* dịch miệng vài tập đầu thì Thầy Mì lên tiếng góp ý: nếu sách nói vầy thì đoạn sau sẽ nói vầy vầy ... Cụ *Tù Thanh* rất ngạc nhiên, chú nhỏ này không có đi học, không biết chữ Nho mà sao thông lý quá vậy. Hay là ta thử dịch thêm những đoạn sau, lựa đoạn khó hiểu nhất, Thầy Mì vẫn thản nhiên lý giải thông suốt và còn chỉ chỗ bế tắc uẩn khúc của tiền nhân trong Kinh Dịch. Thế rồi Thầy Mì đề nghị Cụ *Tù Thanh* mở lòng dịch lại toàn bộ *Dịch Kinh Đại Toàn* để đời sau có nghiên cứu.

Cụ *Tù Thanh* dịch miệt mài không lấy chút tiền công nào trong 9 năm ròng rã. Dịch tới đâu Thầy Mì chỉnh chính tới đó. Cụ *Tù Thanh* học Dịch Lý rất nhiều ở Thầy Mì. Người ta cứ nghĩ Cụ *Tù Thanh* lớn tuổi, chữ Hán giỏi, là Thầy của Thầy Mì, sự thật không phải. Họ đâu có ngò học trò dịch sách cho Thầy đọc. Nhưng vì tôn kính bậc cao niên, nên đi đến đâu Thầy Mì có ý nhường cho Cụ *Tù Thanh* ngồi trên trước. Lúc ấy có một số vị đến cùng nghiên cứu học hỏi Kinh Dịch với Thầy Mì như Giáo Tòng, Giáo Phát, Giáo Trạch ở lân cận. Các Cụ cùng nhau thành lập **Nhóm Âm Dương Học *Tù Thanh***, là tiền thân của Việt Nam Dịch Lý Hội sau này (1965).

Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ (1963), nhân lúc tranh sáng tranh tối, các Cụ hội họp trên 30 vị tại Chùa Tam Tông Miếu đường Cao Thắng vào năm 1965, biểu quyết thành lập Hội lấy tên do Thầy Mì đề xướng là **Việt Nam Dịch Lý Hội**. Cử Cụ *Tù Thanh* làm Hội Trưởng, Cụ Nguyễn Mạnh Bảo làm Phó Hội trưởng và Thầy Nguyễn Văn Mì là Tổng Thư Ký. Cụ Nguyễn Mạnh Bảo lo xin giấy phép. Đó là thời kỳ Phan Khắc Súu làm Quốc Trưởng. Giấy phép có đăng trên Công Báo Việt Nam Cộng Hoà. Trụ sở của Hội tạm đặt tại Tam Tông Miếu.

Hai năm sau (1967) Hội dời về nhà Thầy Mì ở 457/96 Lê Văn Duyệt, Hoà Hưng, Sài Gòn. Lúc ấy Cụ *Tù Thanh* đã già yếu, làm giấy giao chức Hội Trưởng lại cho Thầy Mì. Hội có cử bổ sung hai Ông Lê Cảnh Nho và Lê Phú Kính (Ngụ Bình) là Phó Hội Trưởng, Ông Cao Thế Nhân (*Cao Vương Nguyễn*) là Tổng Thư Ký kiêm Trưởng Ban Truyền Bá Dịch Lý. Đến năm 1969, *Nam Thanh* Phan Quốc Sú được cử Trưởng Ban Tu Thư, *Tây Thanh* Phạm Quang Thành là Trưởng Ban Ân Loát. Tài liệu của Hội có giấy phép: - *Dịch Kinh Đại Toàn - Việt Dịch Chánh Tông* - Tập Thơ: *Con Người Vũ Trụ Dịch*. Còn lại đa phần là in ronéo lưu hành nội bộ: - *Việt Nam Dịch Lý Khai Nguyên - Dịch Lý Nhập Môn - Văn Minh Dịch Lý Việt Nam - Thiên Nhiên Xã Hội Học Tập I* ...

Đến năm 1972, Hội chỉ có một Chi Hội đầu tiên do *Nam Thanh* Phan Quốc Sú Chi Hội Trưởng ở 171-173 Phạm Thế Hiển Phường 2, Quận 8. Chi Hội này là tiền thân của Quán Dịch Y Đạo Nam Thanh thành lập năm 1984 cũng tại địa chỉ trên. Đến năm 1990, Quán Dịch Y Đạo dời về địa chỉ hiện nay: 499/2 Cách Mạng Tháng 8, Phường 13, Quận 10, TP.HCM.

Cụ *Tù Thanh* đã mất trong những năm 70, chiến tranh ác liệt đứt liên lạc tới nay không biết mồ mả, gia đình Cụ ở đâu.

DỊCH LÝ SĨ XUÂN PHONG NGUYỄN VĂN MÌ (1917 - 13/04/1997 DL, Chủ Nhật, nhầm 07/03/1997 AL - Ngày Ất Dậu, tháng Giáp Thìn, năm Đinh Sửu) **Sư Tổ Dịch Lý Việt Nam, Nguyên Hội Trưởng Hội Việt Nam Dịch Lý.**

Thầy Mì sinh năm 1917, là con thứ ba trong một gia đình nghèo 10 người con ở xóm lao động vùng Hoà Hưng Sài Gòn. Gia đình thường ăn cơm chan nước mắm, ngủ “khách sạn ngàn sao”. Cha mẹ hay gây gỗ nhau vì nghèo túng. Có lần mẹ giận quá lấy dao chém đầu bằng đâm vào bụng cha, nhưng không việc gì. Thầy Mì lúc đó mới 10 tuổi không can thiệp gì được chuyện người lớn.

Như bao trẻ nghèo thất học khác trong xóm, hàng ngày Thầy đi rong rêu khắp xóm làng. Ngày nọ đi ngang qua một trường học, Thầy đứng ngoài rào chăm chăm nhìn vào đến hết giờ học. Sau đó ngày nào Thầy Mì cũng đến đứng ngoài rào nhìn vào ... Rồi bỗng có một Ông Cha ra hỏi: Con làm gì mà mấy ngày nay Cha thấy con nhìn vào hoài vậy?

- Dạ con thấy các bạn học, con muốn được học.
- Con muốn học thì vào đây Cha dạy cho.

Thế rồi từ đó Thầy Mì được học chữ trong 3 năm chương trình Pháp. Đến hết đời Thầy không được diễm phúc học trường lớp nào nữa. Vậy mà sau này trên 70 tuổi, Thầy Mì nói chuyện với người Pháp rất giàn giã.

Theo năm tháng Thầy Mì sống và lớn lên dần dần trong hoàn cảnh bản thân, gia đình thấp kém như thế nên khi thành thiếu niên, thanh niên có sức vóc Thầy sóm lăn lóc lao lách ngoài đời tự kiếm sống. Đến lúc làm một tay anh chị đứng bến tàu Sài Gòn, thì gai sán khá sung túc. Khoảng năm 30 tuổi, trong một cuộc thách đấu kéo tay với một tên Tây đen bên Thị Nghè, vì quá ráng sức, Thầy Mì bị xì phổi, phải cấp cứu, Bác sĩ Trần Văn Đỗ cắt một lá phổi bên trái của Thầy. Từ đó Thầy Mì trở thành phế nhân, xệ vai trái, mang bệnh suyễn, không làm tay anh chị được nữa. Thầy có ý nghĩ tự tử.

Vào một đêm mưa lát phất, Thầy ngồi ở vỉa hè đường Hàm Nghi đợi tới khuya bến tàu vắng người sẽ nhảy xuống sông để không ai phát hiện. Trong lúc chờ đợi, thấy bên kia vệ đường có ánh đèn dầu leo lét, Thầy thả bộ qua, thì ra ngồi đó là một người Tàu. Thầy Mì hỏi ông ngồi đây làm gì?

- Ngộ coi bói.

- Ông coi cho tôi đi ... Làm sao mà ông nói trúng quá vậy?

Thầy bói chỉ vào móng sách bày trước mặt:

- Thị học trong sách này.

- Ông cho tôi mượn coi được không?

- Nị không biết chữ Tàu thì đọc sao được!

- Ây! Ông cứ cho tôi mượn, mai tôi trả.

Thầy Mì liền trở về nhà, nhờ người dịch sơ vài trang thì Thầy biết rồi. Đêm sau Thầy đem trả và mượn sách khác, rồi nhờ người dịch qua tựa và vài đoạn trong sách, rồi đêm sau đem trả. Cứ thế tiếp tục đọc hết sách của ông Thầy bói Tàu. Lúc đó Thầy Mì chưa đọc biết gì về Kinh Dịch.

Sau này Thầy Mì nói với *Nam Thanh*: Thầy chỉ đọc qua mấy cuốn sách bói lúc đó, Thầy có cảm tưởng những sách đó rất quen thuộc với Thầy như thể Thầy đã viết hoặc đọc từ lâu. Tới giờ Thầy thuộc lòng trên lòng bàn tay ...

Khi Thầy Mì khoảng 45 tuổi bước vào sự nghiệp Dịch Lý thì gá nghĩa vợ chồng với Cô Mụ Trần Thị Xuân Bông, chủ nhà Bảo sanh nổi tiếng vùng Hoà Hưng, đường Lê Văn Duyệt. Bà Cô lớn hơn Thầy Mì hơn con giáp, có con riêng. Bà Cô được tiếng là Mụ Trời, suốt đời làm Mụ không sảy một ai. Nhà Bảo Sanh của Bà Cô có mướn Bác sĩ làm việc. Mẹ của Nam Thanh là Bà Thiếu Tá Phan Văn Phòng vào năm 1957 có đến đây được Bà Cô lấy cái thai chết khô nhiều tháng. Người ta nghe đồn đi coi rất đông. Sau Bà Cô già nhượng Nhà Bảo sanh cho người khác, theo Thầy Mì sống nghèo trong ngõ hẻm.

Sau 1975, Bà Cô về quê nhà ở bên cùn bến đò Xã Vật Sa Dép kế cận lò gạch và mất, được chôn trước nhà trong cảnh đám ma nghèo vùng quê. Thầy Mì thương nhớ Bà Cô vô vàn. Thường ngày ra sân vườn chăm sóc Bông Van Thọ, làm thơ nhớ vợ ... Thầy Cô chấp nối, gá nghĩa làm bạn, vì lớn tuổi nên không có con. Chỉ nuôi đứa cháu gái là Hồng Liên, con của Cô Bảy em ruột của Thầy Mì, kêu Thầy Mì là Cậu Ba. Đến nay 2025, Hồng Liên vẫn chưa có chồng con, làm mướn kiếm sống không nhà cửa.

Vào năm 1995, lúc uống cà phê riêng với trò *Nam Thanh* ở Đinh Cây Đa Hòa Hưng, Thầy Mì tâm sự: Khốn nạn nhất của người già như Thầy là tháng tháng trông chờ lên đây ngửa tay nhận tiền của học trò gửi về. Nếu có kiếp sau, Thầy không đi con đường khốn nạn này nữa. *Nam Thanh* bông đùa: Đúng rồi! Nếu có kiếp sau chắc chắn Tạo Hóa không

cho Thầy đi con đường khốn nạn nữa vì đã đi rồi, mà có khi cho đi con đường khác còn khốn nạn hơn, vậy mới là khai sáng tổ chứ! Tụi con sợ lầm, nên từ lâu không muôn giống Thầy để xin được hai chữ bình an. Nhưng chắc gì, vì lỡ mắc Dịch rồi!!! Hì hì!!!

Thầy Tổ mất năm 1997, an táng bên cạnh cô Bông trên phần đất nhà cô Bông, sau đó học trò Thầy Tổ có trùng tu lại mộ; thời gian sau người cháu tên Minh hỏa táng, đem về thờ ở địa chỉ nhà 457/25, đường Cách Mạng Tháng 8, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh (nay là Phường Hòa Hưng, TP. HCM)

CỤ NGUYỄN MẠNH BẢO sinh năm 1911 mất 29/08/1986 tại Sài Gòn *Nguyễn Phó Hội Trưởng Việt Nam Dịch Lý Hội*

Người Miền Bắc, kỹ sư ở Pháp về, tác giả bộ *Dịch Kinh Tân Khảo*. Sau này Cụ là Thượng Nghị Sĩ của Nền Đệ Nhị Cộng Hòa. *Nam Thành* được gặp Cụ trong một buổi họp mặt tại văn phòng Thượng Nghị Sĩ Lê Tân Bửu, đường Ngô Quyền Chợ Lớn. Cụ trình làng huy chương Kennedy Tổng Thống Huê Kỳ tặng khi cụ đoán trúng Kennedy đắc cử. *Nam Thành* nói riêng với Cụ: việc này ở Việt Nam mình, thằng nhỏ chăn trâu nói cũng được, chỉ là sấp ngửa, đậu rót có khó gì. Nếu ngon cháu cùng Cụ bước ra đường nói xem chuyện gì xảy ra. Cụ biết đây là cái “e” của dân Dịch Lý Việt Nam, học trò *Xuân Phong*, đồng hội đây, nên Cụ nói vả lá cho qua.

Khi nhóm Âm Dương Học Từ Thanh họp tại Tam Tông Miếu có mời cụ Bảo dự. Thầy Mì đè xroupon, chúng ta gặp nhau đây phải làm cái gì để cho đời, hay là chúng ta nên lập hội Dịch Lý. Trên 30 cử tọa nhất trí cử người chọn danh xưng. Cụ Bảo chọn: Việt Nam Dịch Học Hội, lý do Dịch Lý cao thâm, người Việt Nam chúng ta học mãi cũng chưa chắc đã thông suốt. Thầy Mì chọn: Việt Nam Dịch Lý Hội, lý do người Việt Nam ta học Dịch Lý bao ngàn năm rồi, chẳng lẽ không ai thông đạt chân lý? Đến nay chúng ta không học gì nữa mà phải nói ra chân lý cho mọi người biết chó!

Cử tọa bỏ phiếu hai bên ngang nhau, nên giao quyền quyết định cho Chủ Tọa là Cụ *Từ Thành* sau giờ giải lao sẽ tuyên bố. Tranh thủ giờ giải lao, Thầy Mì tìm gặp cụ *Từ Thành* nói: “*Nếu Cụ muốn con cháu Việt Nam muôn đời xách giày lau dép thiêng hạ thì cứ chọn VIỆT NAM DỊCH HỌC HỘI. Còn nếu Cụ muốn con cháu chúng ta sau này ngẩng cao đầu sánh vai cùng sinh viên năm châu bốn biển thì chọn VIỆT NAM DỊCH LÝ HỘI.*

Tất cả trách nhiệm là ở nơi Cụ lúc này. Còn mọi việc về Dịch Lý có tôi lo. Cụ dù biết tôi mà."

Cụ Từ Thanh xanh mặt, đỗ mồ hôi hột: quan trọng thế sao!!?? Rồi Cụ vô tuyên bố: *Nay thành lập VIỆT NAM DỊCH LÝ HỘI*. Cử tọa gồm rất nhiều người nổi tiếng trong làng Dịch Lý lúc bấy giờ ở Thủ Đô Sài Gòn như Bác sĩ Nguyễn Văn Ba Nhà thuốc Kim Điền, Đông Y sĩ Nguyễn Đồng Di dịch bộ Hải Thượng Y Tôn Tâm Linh, Hiệu Trưởng Trường Thái Hòa ở Đa Kao, Bác sĩ Hồng Mộng Lương, Giáo Tòng, Giáo Phát, Giáo Trạch trường Chí Hòa ... đồng thanh đề cử: Cụ Từ Thanh Nguyễn Văn Phúc là Hội Trưởng, Cụ Nguyễn Mạnh Bảo là Phó Hội Trưởng, Thầy Xuân Phong Nguyễn Văn Mì là Tổng Thư Ký ...

Sau khi thành lập Hội, xin được giấy phép xong, Cụ Bảo bận công vụ với lại không quen không khí Dịch Lý Việt Nam, chỉ quen Kinh Dịch Tàu xưa nên từ từ vắng bóng ở Hội. Đến lần bầu cử bổ sung thì không còn có Cụ Bảo trong Hội tới nay.

THANH LY VÕ HỒNG HẢI tự Phúc Chi, sinh 24/05/1942 mất 19/07/2013 tại Sài Gòn. *Người học trò đầu tiên của Thầy Xuân Phong*

Vào những ngày đầu thành lập Việt Nam Dịch Lý Hội, Thầy Xuân Phong hằng mong có người nào giỏi giang đến học, làm học trò tiếp lo công việc. Bỗng bữa nọ, Thầy Mì đang nằm lắc vông trước hiên nhà, thì có một chàng trai tuổi, điển trai tìm đến. Đó là Võ Hồng Hải cũng ở Cống Bà Xếp, Hòa Hưng. Anh khoe là đã học biết nhiều môn tiên tri và Kinh Dịch. Thầy Mì nói: nếu vậy thì con thành lập Bát Quái cho Thầy coi. Hải về, mấy ngày sau đến, mang theo một đồng ống giấy bìa, vẽ chi chít Bát Quái. Thầy Mì nói: rành Dịch Lý là vậy sao! Sau khi trao đổi, Hải xin học. Thầy Mì than thầm: Trời ơi, Ông Tạo Hóa chơi gắt thiệt, mình mong có người giỏi giang để nhờ cậy, nay cho đứa đầu tiên vừa dốt lại ngoan cố như vậy thì tiêu rồi ... Thế nhưng Thầy Mì suy nghĩ lại, nếu đứa dốt và ngoan cố nhất mà mình dạy nó học hiểu làm được Tiên Thiên Học Thuật, thì thiên hạ ai học chẳng được. Phải chăng Tạo Hóa đang thách thức?! Thầy Mì quyết tâm dạy Võ Hồng Hải ra trò.

Đặc biệt lúc bấy giờ tại Tam Tông Miếu, Dịch Lý Việt Nam phải xuất hiện ‘đường đường trường bản’. Thầy Mì chơi trò để đệ tử ra chiêu mới oai. *Thanh Ly* Võ Hồng Hải tối học, sáng lên lớp. Thầy Mì khán trận,

chiết chiêu, giải đáp thắc mắc. Được một lúc ở Tam Tông Miếu, thì kịp khi Viện Đại Học Vạn Hạnh thành lập, Viện Trưởng Thích Minh Châu mời Hội Dịch Lý Việt Nam cử giảng sư cho lớp đặc biệt Tăng Ni.

Thầy Mì đành phải cử học trò đầu tiên duy nhứt lúc này, chứ có ai. Thầy phải làm đơn xin phép Bộ Tổng Tham Mưu cho Bình Nhất Võ Hồng Hải được đi giảng ở Viện Đại Học. Bộ Tổng Tham Mưu rất ngạc nhiên, cho người xuống hỏi: Bình Nhất Võ Hồng Hải giảng được ở Đại Học sao? – Được chó!

Lúc bấy giờ Sinh Viên Phan Quốc Sử Năm thứ III Trường Chính Trị Kinh Doanh Viện Đại Học Đà Lạt, là Đoàn Trưởng Sinh Viên Phật Tử Đà Lạt đến quan hệ Phật sự với Viện Trưởng Vạn Hạnh, có thấy một bảng nhỏ chỉ đường để ở lối đi vào: Lớp Dịch Lý Việt Nam. Chỉ nhớ có thấy tấm bảng vậy thôi, chứ sinh viên Sử chưa biết gì về Hội Dịch Lý Việt Nam cả.

Sau này vào năm 1967, Sinh Viên Sử đến Hội học Dịch Lý thì việc giảng ở Viện Vạn Hạnh không còn nữa. *Thanh Ly Võ Hồng Hải* không giảng thường xuyên ở Hội, mà mở lớp riêng ở Cầu Băng Ky, đăng báo rùm beng rất nổi tiếng. Việc giảng ở Hội giao lại cho Trưởng Ban Truyền Bá là *Cao Vương Nguyên Cao Thé Nhân* và Trưởng Ban Tu Thư *Nam Thanh Phan Quốc Sử* tới 1975.

CAO THANH CAO THÉ NHÂN (CAO VƯƠNG NGUYÊN), sinh năm 21/10/1941, mất tại Mỹ vào lúc 18:45 ngày 26/01/2021DL.

Giáo Sư, tác giả quyển “Văn Minh Dịch Lý Việt Nam”

Cao Thé Nhân cũng ở vùng Hoà Hưng, khu vườn Bông, thường đi ngang qua nhà Thầy Mì có thấy treo bảng nhỏ trên song rào: Dạy Chân Lý Học. Nhưng Nhân không mấy quan tâm vì đang bận việc luyện dạy học sinh thi Tú Tài và vùi đầu nghiên cứu Tứ Vi cùng các Khoa học huyền bí khác. Nhân lúc đó có 2 bằng Cử Nhân: Toán và Triết, đi dạy giờ một số trường Trung Học nên được gọi là Giáo Sư. Trong một khoảng thời gian nghe tiếng đồn có ông *Xuân Phong* rất giỏi Dịch Lý ở nhà đó như vậy, Nhân tìm đến. Dường như Tạo Hoá đã dọn đường sẵn cho minh sư gấp cao đồ. Không cần nói nhiều, Thầy trò tương đặc. Nhân vừa học, vừa giảng, vừa viết tài liệu vừa giao tiếp trên cương vị Trưởng Ban Truyền Bá Dịch Lý Việt Nam.

Năm 1967, Nhân vừa viết xong Chương trình Thái Thượng Đẳng với tựa đề là “*Văn Minh Dịch Lý Việt Nam*”, chưa có dạy thử nghiệm. Sẵn gặp Sinh Viên Trường Chính Trị Kinh Doanh Đà Lạt là Phan Quốc Sử đến Hội xin học mà ngang tàng phách lối tự thi, Nhân có ý chơi khăm đem toàn bộ chương trình Thái Thượng Đẳng Dịch Lý Việt Nam dồn trầu cho nó mắc nghẹn mà chết không chút nương tay. Nhưng về sau Nhân hối tiếc, chẳng những Sử không chết mà còn nuốt gọn, tiêu hoá sạch trơn. Âu đó là nhân quả: “ghét người túc vun phân cho người”. Nói thế chứ, Nhân rất hanh diện có một sự đệ “thông minh nhất nam tử”, như tờ giấy trắng chỉ in vào được thuần tuý Dịch Lý Việt Nam thôi, mọi thứ khác nó chẳng mang thâu vô. Thầy Mì nói: “Sử con, sau này con thua người ta tới mười, chỉ hơn người ta có một là Dịch Lý Việt Nam”.

Cao Thanh Cao Thé Nhân lưu danh muôn thuở do đã thành công vận dụng “*Văn Minh Dịch Lý Việt Nam*” tiếp trợ Thầy *Xuân Phong* đào tạo truyền bá được nhiều cao đồ trong đó nổi bật nhất là *Nam Thanh* Dịch Học Sĩ tác giả Bộ *Kinh Dịch Xưa và Nay* gồm 03 tập (là hiện thân Bộ Mật Mới của Văn Minh Dịch Lý Việt Nam). Nhân còn soạn và dạy Giáo Trình Dịch Lý “*Tiên Đồng Ngọc Nữ*” cho học sinh một số trường Trung Học như Gia Long, Trung Vương, Ngô Sỹ Liên. Đặc biệt ở Trường Ngô Sỹ Liên, Nhân làm Tổng Biên Tập Nội san “*Ý Trẻ*”, báo Xuân của Trường trên 70 trang, trong đó phần Dịch Lý Việt Nam do Nhân viết chiếm gần phân nửa. Ngoài ra còn có sự tham gia của các bài viết *Tây Thanh* Phạm Văn Thanh và *Bắc Thanh* Đỗ Thị Hoa viết.

Hành trình truyền bá Dịch Lý Việt Nam hết Thé hệ này tới Thé hệ khác tiếp nối nhiệm vụ xây dựng ngôi nhà Dịch Lý Việt Nam: Đại chúng hoá Thiên Cơ, Thời Cơ, Nhân Cơ từ Thầy *Xuân Phong* đến các học trò: *Tù Thanh*, *Thanh Ly*, *Cao Thanh*, *Nam Thanh* ... qua từng thời kỳ lịch sử thật cam go nhưng rất hào hùng.

Thầy Cao Thanh mất 26/01/2021 DL, Canh Tý, tại Arizona USA (như đã nói ở trên)

NAM THANH PHAN QUỐC SỬ sinh ngày 10/06/1944, mất lúc 02:00 sáng ngày 10/06/2010 (ngày mất cũng chính là ngày sinh của Thầy), tại Sài gòn *Thừa kế chân truyền Dịch lý Việt Nam với bộ “Kinh Dịch Xưa & Nay”*.

Năm 1967, trong một buổi họp thường kỳ của Đoàn Sinh Viên Phật Tử Đà Lạt, đang bàn luận sẽ mời những vị khách nào có trình độ thuyết giảng Đạo Lý cho Đoàn Viên, Nguyễn Cao Dũng Đoàn Phó nói:

– Sao anh Sứ không mời Ông *Xuân Phong* Nguyễn Văn Mì lên thuyết trình, nghe nói Ông ấy dạy Chân Lý Học Âm Dương Dịch Lý gì đó ở Sài Gòn?

– Tôi cũng ở Hoà Hưng, Sài Gòn sao không nghe biết ông này. Cứ cho địa chỉ, sẵn vài bữa tôi đi máy bay về thăm nhà sẽ đến mời.

Thế là Sứ tìm đến Hoà Hưng nhà Tùng trong hẻm. Tùng là bạn của Dũng nói: Chân lý gì, giả lý thì có. Tôi học ở Tam Tông Miếu 2 tháng, chẳng thấy gì nên bỏ. Sứ nói: Anh chẳng thiết tha Chân Lý, Dịch Lý gì đâu, Anh chỉ mời khách thôi. Nếu Tùng nói vậy thì dẫn anh đến cho biết thế nào là giả lý để sau này gặp chân lý anh phân biệt được. Tùng nói trước: Đến đó, sau 2 tháng anh trở lại cho em biết có phải như em nói không. Tới nay 2005, Sứ không gặp lại Tùng.

Đi quanh co trong ngõ hẻm xóm lao động bình dân, nhà Thầy Mì thường thôi (cấp 4 bây giờ). Thầy đang nằm lắc vông treo trên divan ở mái hiên trước nhà. Thầy Mì tiếp khách tại hàng ba (hang hiên) này. Tuổi chưa tới 60, trán hói, dong đồng cao, giọng nói rỗn ràng, cử chỉ dứt khoát, uống nước trà đường đậm đặc, hút thuốc thơm liên tục Ruby Queen Quân Tiệp Vụ, vai lệch bên trái, mắt mờ to không chớp đồng tử lớn, thỉnh thoảng khạc đờm vào cái lon thiếc, mặc bộ pyjama lụa trắng đã sờn bâu. Thầy Mì vẫn ngồi trên vông. Sứ được mời nằm trên ghế bốtoi.

– Con đến đây mời Thầy lên Đà Lạt thuyết trình cho Sinh Viên Phật Tử.
– Đà Lạt lạnh không hợp sức khoẻ Thầy, nếu có giấy mời của Viện Trưởng, Thầy ráng đi một chuyến hoặc cử người. Tốt nhất con học vài ngày rồi lên đó thuyết trình luôn.

– Được sao?

– Được chó!

– Con học trường Chính Trị Kinh Doanh để lăn lộn với đời kiếm chút danh lợi quyền thế, lâu nay không thiết tha Đạo Lý, Chân Lý, Dịch Lý lắm. Nếu có môn này thì con học: *Thành công không bao giờ thất bại*.

– Con nói thiệt hay nói chơi. Nếu nói thiệt thì Thầy nghiêm túc trả lời là: Có!

- Thầy đừng nói giỡn. Con từng đọc sách cổ kim đông tây và ngay cả những người Thầy dạy con thì không có môn nào và ai thành công không bao giờ thất bại, chỉ có thành công nhiều thất bại ít mà thôi.
- Ấy! Con cứ học đi rồi sẽ biết.

Suốt 3 tháng hè năm đó (1967), Sứ không đi chơi, không đi làm kiếm tiền mà vùi đầu vào những đề tài Triết Dịch do Cao Thê Nhân phụ đạo và Thầy Mì khán trận. Thầy Mì ra điều kiện cho các học trò nòng cốt phải: vừa học, vừa giảng, vừa viết bài, xong môn học là thành cuốn sách. Sứ chấp nhận ngay vì thấy thừa khả năng. Mỗi kỳ hè học một môn, cuối cùng Sứ giao cho Hội 3 tập sách:

- *Lý Học Truy Nguyên* (Triết Dịch).
- *Việt Nam Khoa Dịch Lý Học* (Dịch Lý Báo Tin).
- *Thiên Nhiên Xã Hội Học Tập I* (Giao Dịch Xã Hội).

Ở kỳ hè thứ 3, sau khi học hai môn Triết Dịch và Dịch Lý Báo Tin, nhân một hôm vắng người Thầy Mì nói:

- Sứ con, sau này con sẽ là người xiển dương Dịch Lý Việt Nam.
- Thầy đừng nói vậy, con là phàm phu tục tử chỉ cầu học tranh quyền đoạt lợi mà thôi. Còn xiển dương Dịch Lý, Chân Lý, Đạo Lý con không có khả năng cũng không hợp sở thích.
- Không phải Thầy nói đâu! Do Ông đó! Con cứ hỏi Ông thì biết. – Vừa nói Thầy Mì vừa chỉ tay lên Trời.

Sau đó 2 lần khác nhau bỗng nhiên Sứ mở Tượng Quέ đều ứng là *Kiền - Cầu* hoặc *Cầu - Kiền*. Vậy là tiêu tan chí nam nhi tung hoành hồ thi, mộng bá đế vương. Sứ là người hào khí: thà uống rượu mời chờ không chịu uống rượu phạt: Tri thiên mạng rồi thì phải tận nhân lực mới gọi là thuận thiên hành đạo, khai vật thành vụ. Từ đó Sứ lơ là học hành thi cử chuyện đời, trên 30 năm chỉ chuyên tâm về Dịch Lý Việt Nam, và có kết cục như ngày hôm nay đúng như lời Thầy Mì nói lúc sơ ngộ.

Lúc đó Sứ nhắc lại: Thầy nói có môn Thành công không bao giờ thất bại, sao tới nay không thấy?!

Thầy Mì cười ngắt: Con cho Thầy biết, trên đời có ai được vậy không? Theo Thầy chỉ có một người. Thầy Mì hất mặt ngó lên Trời: Chỉ có va thôi! Đâu, con nói Ông Trời thất bại chỗ nào?! Lâu nay con học là học Luật Tạo Hoá, là học Thiên Mưu, là Luật Trời: Thành công không bao giờ thất bại rồi đó. Con còn đòi học cái gì nữa. Chỉ có con người, mọi vật thất bại, chứ Ông Trời là Luật Thiên Nhiên thì không thất bại bao giờ.

Liền đó Thầy Mì kêu vài học trò cũ đến cùng Sư học Khoa Thiên Nhiên Xã Hội Học và Sư nộp bài thu hoạch cuối khoá 3 tháng trước hơn hết nên Hội tạm đặt là Khoa Thiên Nhiên Xã Hội Tập I. Đến nay chưa thấy Tập II trình làng.

Năm 1993, Thầy Mì nói:

- Sư con, sao con lập được *Quán Dịch Y Đạo* hay vậy, nhứt là chữ *Quán*?! Thầy ở dưới Sa Đéc mong lên đây đến Quán con là chỗ lý tưởng nhứt của Thầy.
- Thì cũng do con dùng Môn Thiên Nhiên Xã Hội Học Thầy dạy. Con không phải người của chính quyền. Lúc nào con cũng là thường dân mà không phải dân thường. Đây mới chỉ là chuyện nhỏ bước đầu.

Năm 1995, Thầy Mì nói: – Sư con, từ nay Thầy cho phép con được dùng chữ *Kinh Dịch* để vào ra thiên hạ cho có bạn hữu. Nếu sau này con làm được gì thì nhớ giới thiệu Nhân, tội nghiệp nó.

Sư nói: – Thầy nói lạ. Anh Nhân là Sư huynh tài đức hơn con, lúc nào cũng dạy con được, con làm sao hơn ảnh. Về Dịch Lý Việt Nam thì người ta đi kiểm ảnh, chó kiểm con làm chi.

– Thì Thầy nói vậy!

Hai ngày sau Sư nói:

- Trình Thầy, Thầy cho phép con dùng 2 chữ *Kinh Dịch*, nay con thêm 3 chữ *Xưa và Nay*.
- Ở đâu mà con nghĩ ra hay quá vậy! *Kinh Dịch Xưa và Nay* là *Thuần Khôn - Lôi Địa Dư: Chúng Nhân - Thuận Động* thì còn gì bằng.

Từ đó Sư đổi tựa và một ít nội dung giáo trình Dịch Lý Việt Nam do Sư biên soạn là *Kinh Dịch Xưa và Nay*, đến cuối năm 1999 phải xong Tập I, II không để ló qua năm 2000. Còn Tập III Lý giải 64 Danh Ý Tượng Dịch trong Dịch Kinh Đại Toàn là do học viên yêu cầu Sư biên soạn thêm trong 3 tháng cuối năm 2002 xong.

Thật lòng Sư không chủ ý viết *Kinh dạy đời*, chẳng qua được Thầy Tổ cho phép Người thừa kế chân truyền bản môn, cũng nguyên là Trưởng Ban Tu Thư Việt Nam Dịch Lý Hội được vinh hạnh chép *Kinh truyền đời*. Nay nhiệm vụ chép truyền Kinh đã xong, bút hiệu *Nam Thành Dịch Học Sĩ* không dùng nữa, mà chỉ còn dấu tích một lão già mắc Dịch: *Nam Thành Cư Sĩ* vui cùng cỏ cây sông núi mà thôi.

THANH TIÊN

(Theo lời kể của NAM THANH cự sĩ)

Ghi chú: BBT có cập nhật thêm thông tin năm sinh, năm mất vào bài viết của Thanh Tiên nói trên.

Ban Biên Tập chú thích và cập nhật thêm thông tin:

Ban Biên Tập đã cố gắng tìm hiểu, sưu tập và cập nhật thêm một số thông tin liên quan đến bài viết trên của Thanh Tiên (Theo lời kể của *Nam Thanh cự sĩ*, tên khác của *Nam Thanh Phan Quốc Sử*), để tham khảo, mong Bạn đọc góp phần chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật thêm. **Mọi ý kiến, góp ý bổ sung, xin gửi về địa chỉ:** Ban Biên Tập Nội San Dịch Lý Việt Nam, 76/32, Lê Lợi, P4, Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, email: thuankhonsu@gmail.com, chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

1. Địa danh xưa-nay:

a. Cống Bà Xếp - Hòa Hưng - Sài Gòn, nay thuộc địa phận quận 3, cống chính nằm ngay khu vực ga xe lửa Hòa Hưng và thông ra kênh Nhiêu Lộc
b. Đường Lê Văn Duyệt thuộc khu Chí Hòa – Hòa Hưng của Saigon (*trước 1975*) nay là đường Cách Mạng Tháng 8.

2. Tổ Sư *Xuân Phong* Nguyễn Văn Mì (1917-13/04/1997): hướng thọ 80 tuổi, an táng tại đất nhà bên vợ (Cô Tổ Trần Thị Xuân Bông): khu đất sau căn nhà số 304, Tô 8, Ấp Tân Tịch, Phường 6, Cao Lãnh Đồng Tháp (nay là phường Cao Lãnh, Đồng Tháp)-. Mộ Thầy Tổ có hướng 187 độ (gần Đình Tân Tịch).

Lập mộ: ngày 09/06/1997





(Nhà số 304, tổ 8, Tân Tích, Phường 6, Cao Lãnh, Đồng Tháp (nay là phường Cao Lãnh, Đồng Tháp)-nguồn: Văn Thanh)



(Mộ Thầy Tổ trước khi trùng tu, nguồn: Dịch Học Đường Tâm Thanh)

Trùng tu Mộ: Chủ trương (Cô Huê vợ Thầy Nam Thanh Phan Quốc Sử), cùng các học trò thực hiện, ngày 23/3/2013 DL, nhằm 12/2/2013 AL, 07:00-09:00 sáng.



(Mộ Thầy Tổ sau khi trùng tu 12/2/2013 AL, nguồn: Dịch Học Đường Tâm Thanh)

Bốc mộ: 09:00-11:00 sáng ngày, 27/2/2013 AL (7/4/2013 DL) quê Đại Hữu - Kiền. 15 ngày sau khi mộ Thầy Mì được trùng tu, Ông Minh (cháu Thầy Mì) nhà Sài Gòn (gần nhà Thầy Sứ) xuống bốc Mộ Thầy Mì, thiêu, lấy tro, đem về thờ ở nhà Ông Minh số 457/25, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Hòa Hưng, TPHCM, (gần khu nhà Cô Huê vợ Thầy Sứ, 499/2, đường Cách Mạng Tháng 8, phường 13, quận 10, thành phố HCM, nay là phường Hòa Hưng).



(Nền Mộ Thầy Tổ còn lại, có hướng 187 độ, tiếp giáp phía sau mộ Cô Tổ, nguồn: Văn Thanh)

Trước đây nhà số 304, Tô 8, Ấp Tân Tịch, Phường 6, Cao Lãnh Đồng Tháp (nay là Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp), là nơi thờ tự Thầy Tô và Cô Tô. Hiện nay Di ảnh Cô Tô (Trần Thị Xuân Bông) được người cháu tên Liên đem về thờ phụng. Ngôi nhà này hiện có một cô một người cháu trai tên Vũ ở tại đây, làm thợ hò và một đứa cháu gái nhà cạnh bên lui tới nhang khói, quét dọn. Cháu gái - tên Chi: 0939142995; anh Đức: 0842298544 cũng là cháu gọi Thầy Tô bằng ông Năm.

Ở quê nhà, Thầy Tô Nguyễn Văn Mì thường được gọi là Ông Năm (gọi theo thứ của bà Cô Tô). Bà Cô Tô Trần Thị Xuân Bông - thường được mọi người gọi là bà Năm Bông (bà Mụ Bông) - mất tại Sài Gòn, sau đó lấy cốt về chôn ở quê nhà (?-04/8AL?), vì trước 1975 Cô Tô Năm Bông là Trường Nhà Bảo Sanh Hòa Hưng, đường Lê Văn Duyệt (nay là CMT8), nổi tiếng mát tay.

Chỉ đường đi đến: Số 304, Tô 8, Ấp Tân Tịch, Phường 6, Cao Lãnh Đồng Tháp (nay là phường Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp)

Đến Trường Đại Học Đồng Tháp, Số 783 Phạm Hữu Lầu, Phường 6 (nay là phường Cao Lãnh), Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, bên hông trái Trường có đường hẻm nhỏ, đi vào đường này, đi thẳng thì đến Đình Tân Tịch. Tại Đình Tân Tịch là một cái ngã 5 nhỏ, ta đi qua khỏi Đình về hướng Chùa Nhật Huệ ấp Tân Tịch. Đi một đoạn khoảng 200m, nhìn về tay trái (bên tay phải là con lạch nhỏ), thấy nhà Số 304, Tô 8, Ấp Tân Tịch, Phường 6 nay là phường Cao Lãnh), Đồng Tháp.

Chín (09) Cao Đồ của Thầy Tô, được Thầy Nam Thanh Phan Quốc Sử nêu trong bài viết của Thanh Tiên theo lời kể của Nam Thanh Cư sĩ:

- a. Cụ Nguyễn Mạnh Bảo sinh năm 1911 mất 29/08/1986 tại Sài Gòn.
- b. Thầy *Thanh Ly* Võ Hồng Hải, tự Phúc Chi, sinh 24/05/1942 mất 19/07/2013 tại Sài Gòn.
- c. Thầy *Cao Thanh* Cao Thế Nhân, sinh năm 1941, mất 26/01/2021 DL, Canh Tý tại Arizona USA.
- d. Thầy *Nam Thanh* Phan Quốc Sử sinh ngày 10/06/1944, mất lúc 02:00 sáng ngày 10/06/2010 (cũng chính là ngày sinh của Thầy), tại Sài Gòn. Nơi thờ tự chính: Quán Dịch Y Đạo Nam Thanh số 499/2 đường Cách

Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10, tp Hồ Chí Minh (nay là phường Hòa Hưng).

- e. Thầy *Tây Thanh* Phạm Quang Thành, mất 2023 tại Sài Gòn
- f. Cô *Bắc Thanh* Đỗ Thị Hoa, hiện ở Mỹ, xưa học dịch lý với Thầy *Cao Thanh Cao Thế Nhân*
- f. Thầy *Hoàng Thanh* (ông Nhâm).
- h. Thầy *Đông Thanh* (Dược sĩ Nguyễn Ngọc Thanh) (? – 2018?)
- k. Thầy *Hùng Phong*, tên thật là Huỳnh Ninh Sơn - Chưởng Môn Dịch Võ Đạo, năm 2018 sinh sống ở Mỹ. Năm 2018 qua tìm kiếm, hỏi thăm, Ban Biên tập chúng tôi đã nối được liên lạc với Thầy.



Thầy *Hùng Phong* (người đội mũ)
 (Nguồn: <http://www.duongsinhthucphap.org/new-page/vo-thuat-2/bai-quyen-vo-lam-viet-nam/anh-sinh-hoat/2011/thay-hung-phong>)

DI HUÂN CỦA THẦY NAM THANH PHAN QUỐC SỬ

Những ngày cuối đời của Thầy Sứ nằm trong BV Chợ Rẫy năm 2010, tôi (Tâm Thanh) vào thăm, hai thầy trò tâm sự. Thầy bảo tôi dùi Thầy ra hành lang để hít thở không khí và có chuyện muốn nói với tôi. Thầy trầm tư một lúc rồi bảo tôi: “*Ngọc mở lớp dạy Dịch Lý Việt Nam đi*”. Tôi đã trả lời rằng: “*Con muốn để cho Thanh (con trai Thầy) dạy Dịch Lý, con chỉ dạy và làm Phong thủy vì chỉ mong kiếm com thôi*”. Thầy Sứ trả lời: “*Ngọc làm Phong Thủy chỉ lượm được bạc cắc thôi, còn nếu dạy Dịch Lý Việt Nam thì không cầu Danh cũng có Danh, không cầu Lợi cũng có Lợi, vì mình làm việc cho Tạo Hóa mà, ông sẽ không bạc đãi mình đâu*”. Nói xong Thầy bảo tôi dùi vào giường bệnh. Sau đó Thầy rời vào trạng thái nửa tỉnh nửa mê đến cho lúc ra đi, tôi không còn cơ hội trò chuyện với Thầy nữa. Đây là di huân cuối cùng Thầy đã nhắn nhủ lại với tôi: “*Hãy vô tư làm việc cho Tạo Hóa, không cần phải mưu cầu tư lợi, tư khắc sẽ được bù đắp*”. Từ đó đến nay tôi chuyên tâm truyền giảng Dịch Lý Việt Nam theo di huân của Thầy, nhưng cũng không bỏ bê việc giảng dạy các học thuật khác. Các bạn Dịch học sĩ hãy nhớ lời này để làm kim chỉ nam cho đường hướng hành động của mình và sau này truyền lại cho các thế hệ Dịch Học Sĩ nối tiếp được biết.

Sài gòn 26/02/2025

Hằng - Giải

Tâm Thanh

NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG DỊCH LÝ

NGHỆ THUẬT XỬ LÝ TÌNH HUỐNG THEO DỊCH LÝ HỆ THỐNG TƯ DUY TOÀN DIỆN

Thái Hân

LỜI MỞ ĐẦU

Trong thế giới hiện tại, chúng ta đang phải đối mặt với một nghịch lý: chưa bao giờ có nhiều thông tin đến thế, nhưng sự thấu hiểu thông tin dường như ngày càng nông cạn. Thực tại này làm cho con người hoang mang không biết cái nào là hư, cái là thực. Giữa dòng chảy bất tận của những sự kiện và biến động, kỹ năng dừng lại để tư duy thấu suốt bản chất sự vật, hiện tượng và đưa ra quyết định sáng suốt đã trở thành một kỹ năng sinh tồn. Để tìm một chiếc lá bàn định hướng trong mớ hỗn độn và phức tạp đó, nhiều người đã tìm về với trí tuệ cổ xưa. **Dịch Lý**, với tư cách là một hệ thống triết học sâu sắc về quy luật vận động của Vũ trụ, đã cung cấp một bộ công cụ tư duy mạnh mẽ: không chỉ đối mặt mà còn làm chủ mọi tình huống.

Bài viết này sẽ trình bày một hệ thống tư duy toàn diện gồm ba bước cốt lõi: **bước 1: Quan Sát** để thu thập dữ liệu một cách trung thực, **bước 2: Phân Tích** để soi chiểu và thấu hiểu bản chất sự vật qua bốn thuộc tính bao quát, và **bước 3: Đúc Kết** để đi đến quyết định sáng suốt, thuận theo tự nhiên.

CHƯƠNG 1: NGHỆ THUẬT QUAN SÁT - THU THẬP THÔNG TIN TOÀN DIỆN

Bước đầu tiên và nền tảng nhất trong mọi quá trình xử lý tình huống là quan sát. Tuy nhiên, quan sát trong Dịch Lý không đơn thuần là hoạt động của đôi mắt. Nó là một nghệ thuật đòi hỏi chúng ta phải huy động tất cả các giác quan và phương tiện sẵn có để thu thập thông tin một cách có hệ thống, không định kiến. Giống như phép **Tứ chẩn** (Vọng - Văn - Vấn - Thiết) trong Đông y, nơi người thầy thuốc phải nhìn, nghe, hỏi và sờ nắn mới có thể chẩn đoán toàn diện, chúng ta cũng cần một cách tiếp cận đa chiều để không bỏ sót những dữ kiện quan trọng.

Để làm được điều đó, ta cần tuân thủ bốn nguyên tắc vàng sau:

1. Ngôn Ngữ Xét Ngữ Cảnh: Một từ ngữ hay một câu nói tự nó không mang một ý nghĩa cố định. Ý nghĩa thực sự của nó được quyết định bởi ngữ cảnh mà nó được đặt vào. Bỏ qua ngữ cảnh, chúng ta rất dễ rơi vào suy diễn và hiểu lầm.

Ví dụ: Cùng một câu “Tôi mệt quá.”

Một người lãnh đạo nói với cấp dưới vào cuối một quý kinh doanh căng thẳng: Đó là sự mệt mỏi vì **áp lực công việc**, một tín hiệu cần sự chia sẻ, động viên.

Một người nói với người bạn đời giữa một cuộc cãi vã: Đó có thể là sự mệt mỏi về **tinh thần**, sự chán nản, bất lực và là một lời kêu gọi hòa giải hoặc một dấu hiệu của sự xa cách.

Một vận động viên nói sau khi hoàn thành cuộc thi: Đó là sự mệt mỏi về **thể chất**, một sự ghi nhận nỗ lực đã đến giới hạn.

2. Sự Việc Xét Hoàn Cảnh: Không một sự việc nào có thể tồn tại độc lập. Mỗi sự việc đều là một mắt xích trong một chuỗi nhân quả, được bao bọc bởi một hoàn cảnh cụ thể. Dánh giá một sự việc mà không xem xét hoàn cảnh của nó cũng giống như xem một cảnh trong phim mà không biết toàn bộ câu chuyện.

Ví dụ: Hành động “phá vỡ một quy tắc”.

Một nhân viên phá vỡ quy tắc để phục vụ một khách hàng trong tình huống khẩn cấp: Đó là sự **linh hoạt**, đáng được khen ngợi.

Một người phá vỡ quy tắc vì lợi ích cá nhân, gây ảnh hưởng đến tập thể: Đó là hành vi **ích kỷ**, cần được chấn chỉnh.

Một nhà khoa học phá vỡ các quy tắc lý thuyết đã có để đề xuất một học thuyết mới: Đó là sự **sáng tạo đột phá**.

3. Nhân Vật Xét Bối Cảnh: Để hiểu hành động của một con người, ta phải hiểu được bối cảnh đã định hình nên con người họ. Bối cảnh ở đây bao gồm quá trình trưởng thành, nền tảng gia đình, văn hóa, giáo dục, những thành công hay thất bại trong quá khứ đã tạo nên hệ giá trị và cách phản ứng của họ.

Ví dụ: Một nhân viên mới luôn đặt câu hỏi về mọi quy trình của công ty. Nếu không xét bối cảnh, ta có thể kết luận: “**Người này thích chống đối, gây rối.**”

Khi tìm hiểu bối cảnh, ta phát hiện: Anh ta từng làm việc ở một công ty phá sản vì quy trình lỏng lẻo. Hành động của anh ta thực chất xuất phát từ

một **tinh thần trách nhiệm cao** và mong muốn xây dựng một hệ thống vững chắc hơn.

4. Sức Khoe Xét Bệnh Cảnh: Một “triệu chứng” bệnh chưa hẳn là “căn nguyên của bệnh tật”. Nó chỉ là một tín hiệu và ý nghĩa của tín hiệu đó phụ thuộc hoàn toàn vào tình trạng bệnh – tức là bức tranh tổng thể.

Ví dụ: “Doanh thu của công ty sụt giảm” là một triệu chứng.

Nếu nó xảy ra trong bối cảnh toàn thị trường đi xuống: Đó là **vấn đề chung**, cần chiến lược phòng thủ.

Nếu chỉ công ty ta sụt giảm trong khi đối thủ tăng trưởng: Vấn đề có thể nằm ở **chất lượng sản phẩm, marketing, hay dịch vụ khách hàng**.

Nếu nó chỉ sụt giảm ở một dòng sản phẩm cụ thể: Vấn đề có thể nằm ở việc sản phẩm đó đã **lỗi thời**.

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH - SOI CHIẾU SỰ VẬT QUA BỐN THUỘC TÍNH BAO QUÁT

Sau khi đã có đủ thông tin từ việc quan sát, ta tiến hành phân tích. Phân tích không phải là một bước độc lập, mà là quá trình dùng lý trí và trực giác để mổ xẻ, soi chiếu sự vật, hiện tượng qua bốn lăng kính thuộc tính vốn có của nó. Bốn thuộc tính này tồn tại đồng thời và đan xen vào với nhau, tạo nên bản chất phức tạp của sự vật, hiện tượng.

2.1. Tính Tương Đối (Đồng Đị): Không có gì trên đời là tuyệt đối. Mọi sự vật, hiện tượng đều chứa đựng hai mặt đối đai là Âm và Dương. Người phân tích giỏi là người nhìn ra được cả hai mặt này của vấn đề.

Ví dụ: Việc áp dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) vào một doanh nghiệp.

Mặt Dương (tích cực): Tăng năng suất, tự động hóa quy trình, giảm chi phí, tạo ra sản phẩm mới.

Mặt Âm ẩn trong Dương (rủi ro tiềm tàng): Chi phí triển khai ban đầu rất lớn, nhân viên lo sợ bị thay thế gây bất ổn nội bộ, rủi ro về bảo mật dữ liệu, sự phụ thuộc vào công nghệ.

2.2. Tính Tương Tác (Ta và Không Ta): Một sự vật, hiện tượng không thể tồn tại đơn độc. Khi ta xác định một đối tượng là “TA”, ngay lập tức, **chung không gian và cùng thời gian** với nó các yếu tố “KHÔNG TA” sẽ xuất hiện. Có TA át sẽ có KHÔNG TA đóng vai trò **Âm Dương** với nhau; không bao giờ có chuyện KHÔNG TA tồn tại mà không có TA. Đây chính là sự làm rõ hơn cho Tính Tương Đối ở một tầng sâu hơn: “TA” và “KHÔNG TA” là hai mặt của cùng một thực thể, nương tựa vào nhau để tồn tại và định nghĩa lẫn nhau. “TA” luôn nằm trong một mạng lưới

tương tác bao gồm: tương sinh, tương khắc với “KHÔNG TA”. Hiểu được mạng lưới này là hiểu được động lực vận hành của sự vật, hiện tượng. Mỗi quan hệ này được chia làm 4 loại chính:

- **Sinh Ta (Cái hỗ trợ):** Niềm đam mê, kiến thức chuyên môn, sự ủng hộ của gia đình, một khoản vốn tiết kiệm.
- **Ta Sinh (Cái tạo ra):** Một công ty mới, sản phẩm/dịch vụ, sự tự do, nhưng cũng là sự cảng thẳng, mất ngủ, tiêu hao tiền bạc và thời gian.
- **Khắc Ta (Cái cản trở):** Sự cạnh tranh khốc liệt, các quy định pháp lý, sự thiếu kinh nghiệm quản lý, nỗi sợ thất bại.
- **Ta Khắc (Cái có thể kiểm soát):** Kế hoạch kinh doanh, đội ngũ nhân sự tự mình xây dựng, chiến lược marketing, thời gian làm việc của bản thân.

Ví dụ: Phân tích một quyết định “Nghỉ việc để khởi nghiệp” (TA). Mạng lưới tương tác của nó sẽ là:

Sinh Ta: Niềm đam mê, kiến thức chuyên môn, sự ủng hộ của gia đình, một khoản vốn tiết kiệm.

Ta Sinh: Một công ty mới, sản phẩm/dịch vụ, sự tự do, nhưng cũng là sự cảng thẳng, mất ngủ, tiêu hao tiền bạc và thời gian.

Khắc Ta: Sự cạnh tranh khốc liệt, các quy định pháp lý, sự thiếu kinh nghiệm quản lý, nỗi sợ thất bại.

Ta Khắc: Kế hoạch kinh doanh, đội ngũ nhân sự tự mình xây dựng, chiến lược marketing, thời gian làm việc của bản thân.

2.3. Tính Tương Thích: Đây là thuộc tính chỉ sự phù hợp, hài hòa tự nhiên giữa các yếu tố. Tuy nhiên, việc phát hiện ra sự **bất tương thích** mới là chìa khóa để chẩn đoán vấn đề. Một sự vênh, phi logic luôn là tín hiệu của một vấn đề tiềm ẩn.

Ví dụ: Một công ty liên tục tuyên bố về “văn hóa gia đình” (Yếu tố A) nhưng lại có tỷ lệ nhân viên nghỉ việc cao nhất ngành (Yếu tố B).

Sự bất tương thích giữa lời nói và thực tế này là một triệu chứng nghiêm trọng, buộc người lãnh đạo phải tự hỏi: “Tại sao? Chính sách lương bổng có vấn đề? Quản lý cấp trung đang độc đoán? Hay áp lực công việc đang quá tải?”.

2.4. Tính Tương Ứng: Đây là thuộc tính đặc biệt nhất, cho thấy sự kết nối về mặt năng lượng và thông tin giữa sự vật với toàn thể vũ trụ. Khi lý trí đã đi đến giới hạn, con người có thể khai thác thuộc tính này thông qua công cụ **Lập Quẻ Dịch**.

Ví dụ: Một người đang phân vân giữa hai cơ hội công việc, cả hai đều có ưu - nhược điểm tương đương sau khi đã phân tích logic. Họ quyết định lên quẻ. Quẻ nhận được sẽ chỉ ra sự bế tắc, trì trệ nhưng ẩn chứa sự biến đổi bên trong. Sự tương ứng này có thể là một lời mách bảo rằng cả hai lựa chọn hiện tại đều không phải là tối ưu, và giải pháp thực sự nằm ở việc kiên nhẫn chờ đợi một cơ hội thứ ba hoặc thay đổi định hướng từ bên trong chính mình.

CHƯƠNG 3: ĐÚC KẾT - BIẾT MÌNH VÀ RA QUYẾT ĐỊNH

Sau khi đã phân tích sự vật một cách toàn diện qua cả bốn thuộc tính, ta tiến đến bước cuối cùng và quan trọng nhất: đúc kết để ra quyết định. Bước này không đơn thuần là tóm tắt, mà là một cuộc soi chiếu sâu sắc vào chính bản thân ta trong mối tương quan với hoàn cảnh, để trả lời câu hỏi: “Trong tình thế này, Ta là ai và Ta nên làm gì?”.

Bước 1: Xác Định Vượng - Suy và Tìm Dụng Thần:

Từ kết quả phân tích, ta phải định vị được trạng thái năng lượng của mình (TA). Đây không phải là sự đánh giá đơn giản là mạnh hay yếu, mà là một cuộc khảo sát toàn diện dựa trên ba yếu tố cốt lõi của Thiên - Địa - Nhân:

Xét Thiên Thời (Có hợp thời không?): Yếu tố này xem xét về thời gian và xu thế. Ta có đang hành động thuận theo xu hướng của thời đại, của thị trường không? Hành động đúng lúc (thuận thời) có thể giúp một thế lực yếu trở nên mạnh mẽ. Ngược lại, đi ngược lại xu thế (nghịch thời) sẽ khiến cho kẻ mạnh cũng phải lao đao.

Xét Địa Lợi (Đang ở đâu?): Yếu tố này xem xét về không gian, vị trí. Ta đang ở sân nhà hay sân khách? Môi trường (tổ chức, thị trường) đang ủng hộ hay gây bất lợi cho ta? Chiếm được vị thế tốt (đắc địa) sẽ tạo ra nền tảng vững chắc. Mất đi vị thế (thất địa) sẽ khiến mọi việc trở nên khó khăn.

Xét Nhân Hòa (Có được nhân quả sinh trợ không?): Yếu tố này xem xét về con người và các mối quan hệ. Ta có được sự ủng hộ của đồng nghiệp, cấp trên, khách hàng, gia đình không? Những hành động trong quá khứ (Nhân) có đang tạo ra kết quả (Quả) tốt đẹp, sinh trợ cho hiện tại không? Có được lòng người (đắc nhân tâm) là có được sức mạnh to lớn. Bị cô lập đồng nghĩa với suy yếu.

Trạng thái **Vượng** (mạnh, dồi dào) hay **Suy** (yếu, thiểu hụt) là kết luận cuối cùng sau khi tổng hợp cả ba khía cạnh trên. Một “TA” chỉ thực sự Vượng khi có được cả thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Từ sự đánh giá toàn

diện này, ta tìm ra **Dụng Thần** – yếu tố then chốt, là “linh hồn” của giải pháp, cần được đưa vào để tái lập sự cân bằng.

Ví dụ: Trong một cuộc đàm phán, nếu xu hướng thị trường đang có lợi cho ta (Thiên thời), ta đàm phán tại văn phòng của mình (Địa lợi) và có được sự đồng lòng, chuẩn bị kỹ lưỡng của cả đội nhóm (Nhân hòa), thì TA đang ở thế cực **Vượng**. Lúc này, Dụng Thần có thể là sự “khiêm tốn”, “lắng nghe” để không tỏ ra kiêu ngạo làm hỏng việc. Ngược lại, nếu ta bị áp lực về thời gian (mất thời), phải đến đàm phán ở trụ sở đối phương (mất địa) và nội bộ lục đục (mất nhân hòa), thì TA đang ở thế cực **Suy**. Dụng Thần lúc này có thể là sự “hỗ trợ” từ một cố vấn, hoặc “kiến thức” bằng cách chuẩn bị thêm dữ liệu để tăng sức nặng cho lập luận.

Bước 2: Lựa Chọn Hướng Xử Lý - Vương Đạo hay Bá Đạo Khi đã có Dụng Thần, ta lựa chọn chiến lược hành động:

Vương Đạo (王道): Con đường thuận tự nhiên, hài hòa, dựa trên quy luật **tương sinh**. Đây là giải pháp bền vững, nuôi dưỡng từ gốc. Ví dụ: Để tăng hiệu suất của một đội nhóm, ta tổ chức đào tạo, cải thiện môi trường làm việc, lắng nghe tâm tư của nhân viên.

Bá Đạo (霸道): Con đường trực diện, mạnh mẽ, dựa trên quy luật **tương khắc**. Đây là giải pháp nhanh gọn, dùng trong tình huống cấp bách. Ví dụ: Để cứu một dự án sắp trễ hạn, ta phải áp đặt kỷ luật thép, làm thêm giờ, cắt bỏ những hạng mục không cần thiết một cách quyết đoán.

Sự Lựa Chọn Chiến Lược:

Trong thực hành, **Vương Đạo luôn là con đường được ưu tiên** cho sự phát triển lâu dài, hài hòa. Nó giống như việc chăm sóc sức khỏe hàng ngày. Tuy nhiên, **lúc cấp thời, Bá Đạo là phương pháp không thể không làm**. Nó giống như một cuộc phẫu thuật cấp cứu để cứu mạng bệnh nhân. Người minh triết là người hiểu rằng không thể dùng phẫu thuật hàng ngày, nhưng khi cần thì phải ra tay quyết liệt. Và quan trọng nhất, sau khi đã dùng Bá Đạo để ổn định tình hình, họ sẽ ngay lập tức quay lại với Vương Đạo để hàn gắn, phục hồi và tái thiết lập lại sự cân bằng bền vững.

LỜI KẾT

Hệ thống tư duy ba bước theo Dịch Lý là một quy trình hoàn chỉnh, giúp chúng ta đi từ sự hỗn loạn của thông tin đến sự sáng suốt trong quyết định. Nó kết hợp nhuần nhuyễn giữa việc thu thập dữ liệu khách quan (Quan sát), phân tích đa chiều để thấy được các quy luật ẩn sâu (Phân tích), và

cuối cùng là tự nhận thức sâu sắc để đưa ra hành động khôn ngoan (Đúc kết). Đây không chỉ là một tập hợp các kỹ thuật xử lý tình huống, mà còn là một con đường tu dưỡng để đạt tới sự minh triết và hài hòa giữa con người với vạn vật.

DNA: MẬT MÃ BIẾN HÓA TRONG QUI LUẬT SỐNG ĐỘNG

Loan Thanh

Khám phá nghiên cứu của các nhà khoa học về *DeoxyriboNucleic Acid* (DNA) dưới góc nhìn triết lý sâu sắc của Khoa học Dịch Lý Việt Nam là một cách tuyệt vời để nhìn nhận con người không chỉ là một thực thể vật chất mà còn là một trung tâm năng lượng và thông tin vũ trụ. Theo quan điểm của Dịch Lý Việt Nam, Tôi - Con Người là điểm xuất phát căn bản để tìm hiểu mọi quy luật xung quanh, đúng như ý nghĩa của câu “**Dịch là Gần**”. Khảo sát trên chính bản thân mình, ta sẽ khám phá ra Dịch Lý ngay trong đó. DNA, hạt nhân của sự sống, không chỉ là bản thiết kế sinh học mà còn là biểu hiện hữu hình và sống động của yếu **Lý Đồng Nhi** và **Biến Hóa Luật** thông qua **Lý Trí Tánh** và **Lý Thành**, hai qui luật biến hóa hiện hữu ngay trong cơ thể chúng ta.

1. DNA và Sự Cấu Tạo Hóa Thành (Biến Hóa Luật)

Dịch Lý Việt Nam khẳng định Con Người là một sự “**Thành Con Người**” trong luật Cấu tạo Hóa thành. Mọi cái Thành đều phải đi trong qui luật này, và dù muôn hay không, con người phải “cấu tạo hóa thành mãi thôi, biến hóa mãi thôi”. Sự biến hóa tổng quát này được gọi là **Biến Hóa Luật**. Các nghiên cứu về DNA minh họa rõ ràng rằng nó có tính chất biến hóa không ngừng này, cho thấy DNA không chỉ là vật chất mà còn là một trường năng lượng luôn dịch chuyển, tương tác. Sự biến hóa này diễn ra liên tục, tạo nên một sự sống động ở trong từng tế bào của chúng ta.

• **Sự Biến Đổi Cấu Trúc:** năm 1995, nhà sinh học phân tử tên Peter Gariaev đã chiếu tia laser vào chuỗi DNA của một mẫu cá hồi. Thiết bị ghi nhận được những dao động âm thanh kỳ lạ như thể DNA đang nói chuyện. Không chỉ có vậy, khi ông di chuyển mẫu DNA ra khỏi khu vực

chiếu sáng tia laser vẫn tiếp tục dao động như thế vẫn có ai đó ở đó. Hiện tượng này kéo dài hàng giờ đồng hồ thách thức mọi định luật vật lý mà chúng ta biết. Từ nhiều nghiên cứu sau đó, ông kết luận rằng DNA có thể thay đổi cấu trúc khi tiếp xúc với những tàn số âm thanh nhất định. Ông cho rằng các tàn số âm thanh cụ thể (như âm nhạc, âm thoả, hoặc các tàn số “chữa bệnh” đặc biệt) có thể tương tác với DNA ở mức độ thông tin. DNA có thể “cộng hưởng” với các tàn số này, dẫn đến việc tự sửa chữa, thay đổi biểu hiện gen (bật/tắt gen), hoặc thậm chí “lập trình lại” DNA mà không phá vỡ nó. Sự biến đổi này dưới tác động của tàn số bên ngoài chính là cách mà “**Bộ Mặt Cũ**” của DNA bị “mạnh nha” bởi yếu tố “**Hơi Hơi Khác**” (tàn số năng lượng) để chuyển thành “**Bộ Mặt Mới**”.

• **Hiệu ứng DNA ma (DNA Phantom Effect):** Thí nghiệm của nhà khoa học **Vladimir Poponin** (Viện Tim mạch Moscow, 1992) cho thấy khi DNA được đặt trong buồng chân không và bắn photon laser, các photon tự sắp xếp thành những hình dạng giống với cấu trúc xoắn kép của DNA. Đáng chú ý hơn, khi DNA bị loại bỏ, các photon vẫn duy trì hình dạng đó trong 30 ngày, như thể DNA đã để lại một dấu vết vô hình (ký ức) trong không gian. Điều này giải thích tại sao một số người có thể cảm nhận được năng lượng ở những nơi đã xảy ra bi kịch. DNA của những người đã chết vẫn để lại “bóng ma trong không gian” và tiếp tục phát ra những tàn số mà một số cá thể nhạy cảm có thể nhận biết được. Dấu vết năng lượng này là minh chứng vật chất cho việc DNA liên tục biến hóa và để lại dấu ấn trong không gian. **ĐÂY LÀ MỘT BẰNG CHỨNG CHO THÁY BIẾN HÓA LUẬT LUÔN CHI PHỐI VĂN HỮU, DÙ CHO ĐÓ LÀ TIẾN HÓA HAY THOÁI HÓA, KHỎI THỦY TỪ QUÁ KHỨ XA XỨA ĐẾN HIỆN TẠI VÀ MÃI MÃI VỀ SAU, VÀ QUÁ TRÌNH NÀY XẢY RA LIÊN LŨY KHÔNG CÓ GIÂY PHÚT NÀO NGƯỜNG NGHỈ.**

2. DNA và Lý Trí Tánh: Sự Giao Cảm Vô Hữu Lý

Lý Trí Tánh là “một lực lượng siêu tuyệt mĩ nhiệm luôn sẵn có trong cái Tôi - Con Người, nó quyết định mọi động thái”. Dịch Lý Việt Nam cũng nhấn mạnh rằng “**Tôi - Con Người là một sống động tự do trong qui luật sống động**”. Khả năng giao tiếp tức thời của DNA là cơ chế vật chất cho thấy quyền năng siêu tuyệt của **Lý Trí Tánh**.

• **Giao Tiếp Tức Thời (Rối Lượng Tử):** Thí nghiệm của nhà sinh vật học Cleve Backster (1984) đã cung cấp ví dụ nổi bật về sự kết nối siêu nhiên này. Khi mẫu DNA được lấy từ miệng một người tình nguyện và

đặt cách xa 50 dặm (lắp lại với khoảng cách lên đến 300 dặm), khi người tình nguyện xem hình ảnh bạo lực, mẫu DNA ở xa lập tức có phản ứng điện mạnh ngay tức khắc, không có độ trễ. Backster đã chứng minh rằng DNA có thể giao tiếp tức thời qua khoảng cách bất kỳ. Một hiện tượng mà vật lý lượng tử gọi là “rối lượng tử” nhưng điều này có nghĩa là gì. Nó có nghĩa là mọi mẫu DNA mà chúng ta để lại trên ly nước trên tay nắm cửa trên chiếc áo vẫn mãi mãi kết nối với chúng ta. Đây là bằng chứng cho thấy giữa **Âm Dương** có sự **Tương Động - Giao - Cảm - Sinh Thành** trong phạm vi vô cùng lớn, bất chấp không gian, thời gian.

• **Ánh Sáng và Thần Thức (Biophoton):** Tiến sĩ Frit Albert Popp (Đức, 1970) khám phá ra rằng mọi tế bào sống đều phát ra ánh sáng cực yếu gọi là biophoton, và DNA chính là nguồn phát ra ánh sáng này. DNA không chỉ lưu trữ thông tin mà còn có thể phát và nhận tín hiệu ánh sáng để giao tiếp. Vào năm 1990, ông phát hiện ra rằng các tế bào ung thư phát ra ánh sáng hoàn toàn khác với tế bào khỏe mạnh như thể chúng đang hét lên trong tuyệt vọng. Ông nhận ra rằng có thể chẩn đoán ung thư chỉ bằng cách đo ánh sáng phát ra từ DNA. Thậm chí có thể điều trị bằng cách chiếu những tần số ánh sáng cụ thể. Khả năng này tương ứng với **Trí Tri Ý Thức** của Tôi - Con người, ở **Đức Tánh Biết Hóa Ra, Biết Trở Nên** lập tức và màu nhiệm.

3. DNA và Lý Đồng Nhi Dị: Kết Tinh Muôn Thuở

Lý Đồng Nhi Dị (Giống Mà Hơi Hơi Khác – Khác Mà Hơi Hơi Giống) là nguyên lý căn bản của mọi biến hóa và là nội dung chính của Lý Thành. Lý Thành là một mà hai, khẳng định mọi cái Thành (Vạn Hữu) ở Hậu Thiên đều ôm áp Lý Tiên Thiên, được biến hóa liên lũy theo chuỗi lý Tiên Thiên. Cũng theo Dịch Lý, Tôi - Con Người đang có mặt trong thời đại hiện nay là “**sự kết tinh của muôn thuở nhân loại đã qua, đi trong quy luật tiến thoái hoá mà về đến đây, bao gồm cả sự chí thiện và chí ác**”. Điều này được giải thích qua khả năng lưu trữ biến đổi cấu trúc và di truyền thông tin phi thường của DNA.

• **Kho Lưu Trữ Thông Tin Di Truyền:** Khoa học ước tính rằng chỉ riêng DNA trong một tế bào người có thể lưu trữ **700 TB dữ liệu**. Toàn bộ DNA trong cơ thể con người có thể chứa thông tin bằng 7 tỷ chiếc iPad. Con người chỉ sử dụng khoảng 2% DNA để mã hóa protein, vậy 98% còn lại chứa gì? Liệu đó có phải là một thư viện khổng lồ chứa toàn bộ lịch sử kiến thức của loài người từ hàng triệu năm trước. Một số nhà

nghiên cứu tin rằng phần DNA này thực ra là một hệ thống ngôn ngữ phức tạp giống như một chương trình máy tính được viết bằng ngôn ngữ mà chúng ta chưa thể giải mã.

• Bộ Nhớ Di Chuyển Tập Thể: tiến sĩ Rupert Sheldrake - nhà sinh học người Anh đề xuất lý thuyết trường hình thái. Rằng DNA không chỉ chứa thông tin để tạo ra cơ thể mà còn kết nối với một trường thông tin tập thể của toàn loài. Theo ông đây là lý do tại sao khi một con chuột học được cách giải một mê cung ở London thì những con chuột khác trên khắp thế giới cũng học được nhanh hơn ngay cả khi chúng chưa từng gặp nhau. Phát hiện từ một nhóm khoa học gia Đức (1975) cho thấy DNA con người có thể ghi nhớ và phát lại những trải nghiệm của tổ tiên qua hàng trăm thế hệ.

Những khả năng lưu trữ và phát lại thông tin lịch sử khổng lồ này chính là biểu hiện của nguyên lý “**Hậu Thiên** ôm áp **Tiên Thiên**”. Cái Thành Tôi - Con Người hiện tại (**Hậu Thiên**) mang trong mình dữ liệu lịch sử của muôn thuở nhân loại xa xưa (**Tiên Thiên**), tạo nên sự đồng dì giữa các thế hệ.

Việc so sánh đối chiếu khoa học Dịch lý với những kết quả nghiên cứu khoa học về DNA cho thấy rằng DNA không chỉ là một cấu trúc vật chất đơn thuần bị chi phối bởi các quy luật sinh học, mà là một hệ thống siêu kết nối, luôn vận hành theo **Biến Hóa Luật** và thể hiện quyền năng của **Lý Trí Tánh**. Khi con người thấu hiểu sức mạnh thật sự của DNA - *từ khả năng giao tiếp tức thời đến việc truy cập kho tri thức tổ tiên* - chúng ta sẽ đạt được cái nhìn toàn diện về vũ trụ và nhân sinh. Phân tích DNA chính là cách biện minh chứng nghiệm cho sự hiện diện của Dịch Lý trong bản thân Tôi - Con Người một cách rõ ràng và khoa học nhất. Nó là bằng chứng cho thấy sự hiện diện của Nhất Lý là **Âm Dương Lý**, Nhất Luật là **Biến Hóa Luật**, và con người chính là thành viên trên sân khấu Dịch biến, luôn mang nghiệp Dịch trong mình.

ỨNG DỤNG DỊCH LÝ BÁO TIN

Tâm Thanh

MẪU CHUYÊN 1: Khoảng 17:00 giờ chiều tối ngày 25/8/2025 chúng tôi có yêu cầu một công ty trắc địa đến đo đạc đất đai vào ngày hôm sau: 26/8/2025. Đây là một yêu cầu hơi quá đáng vì thường thì họ phải lập kế hoạch và sắp xếp nhân sự để đi đo đạc, có đâu mà đáp ứng nhu cầu khách hàng một cách vội vã như vậy được. Tuy nhiên để chiều lòng khách hàng họ không từ chối ngay mà trả lời rằng để họ cố gắng thu xếp rồi sẽ thông báo lại. Tôi chợt động tâm thắc mắc: không biết ngày mai họ có thu xếp đến đo đạc được không. Lúc đó có một chiếc xe gắn máy bắt ngòi chạy vượt lên, 2 số cuối cùng trên biển số đăng ký là xxx.79.

Tôi lập được quẻ:

Đại súc	Đại hữu.
Tụ dã. TÍCH TỰ	- Khoan dã CẢ CÓ
Chứa nhiều	- Có nhiều
Chứa diện tích đất lớn	- Có
Bản đồ	- được thành lập

Phân tích sự lý: Về cơ bản thì bản đồ chỉ là một tờ giấy trên đó thể hiện diện tích của cả một vùng đất rộng lớn (*thậm chí là cả thế giới này: Bản đồ Thế giới*) có đầy đủ các thông tin về tọa độ, hình dạng, kích thước... Vậy việc đo đạc đất đai để lập bản đồ ứng với ý nghĩa của quẻ Chánh là Đại Súc: chứa lớn, chứa nhiều... phải dùng ý nghĩa của quẻ Biển là Đại Hữu: “Có” để trả lời.

Dự đoán: bản đồ sẽ được thành lập, ngày mai họ sẽ đến đo đạc.

Kết quả: khoảng 20:00 tối hôm đó họ trả lời là mai sẽ cử nhân viên đến đo đạc. Sáng hôm sau họ bắt đầu triển khai công tác đo đạc lúc 8:00 sáng, quả nhiên đúng như Dịch lý đã báo tin.

MẪU CHUYÊN 2: Thứ Bảy ngày 01/11/2015 khoảng 11:30 tôi phát hiện ra mình bị mất cái ví, trong đó có Căn cước, Giấy phép lái xe, Giấy đăng ký xe, Thẻ ngân hàng và một số tiền. Ngẫm lại tôi nhớ ra lần cuối mình lấy tiền thanh toán ở trong một quán café gần cầu Bến Lức, có lẽ là đánh rơi tại quán nước đó không chừng. Tôi chạy trở về quán nước đó hy vọng có ai đó nhặt được để chuộc lại. Trên đoạn đường trở về quán tôi thắc mắc không biết có tìm lại được không? Trong lúc đang ngẫm nghĩ,

có một xe gắn máy chạy vượt qua ép đầu xe tôi, biển số xe là xxx.33. Tôi liền nhầm tính được que:

Thuần Ly	-	Lôi Hoả Phong
<i>Lệ dã. NÓNG SÁNG</i>	-	<i>Thịnh đại dã. HÒA MỸ</i>
Sáng tỏ, rõ ràng	-	Đồng tâm, hiệp lực
Giấy tờ tùy thân	-	trở lại với mình

Tôi trở lại quán nước hỏi thăm, cô chủ quán bảo là không thấy gì hết. Tôi bèn để lại số điện thoại và nhờ cô thông báo giúp cho nếu có ai đó nhặt được, tôi xin hậu tạ.

Phân tích sự lý: Giấy tờ tùy thân có chức năng chứng minh nhân thân, làm sáng tỏ thông tin của một cá nhân, ứng hợp với que Chánh là Thuần Ly: nóng, sáng, minh bạch, sáng tỏ. Vậy thì phải dùng ý nghĩa của que Biển là Lôi Hoả Phong để trả lời.

Xem xét ý nghĩa của que Lôi Hoả Phong, không thấy nói đến việc còn giấy tờ hay là mất. Tôi bèn lật ngược que lại để tìm ý nghĩa đối đãi của nó nhằm xác định xem còn hay mất. Đây là một kỹ thuật gọi là Âm Dương Đối Đãi trong môn Dịch Lý Báo Tin để xác định sự hoài nghi bằng cách xem xét ý nghĩa của que ở một góc nhìn ngược lại. Đối đãi của que Lôi Hoả Phong là que Hỏa Sơn Lữ, ý nghĩa của que Lữ là Khách dã, THÚ YẾU, lang thang, ký ngụ bên ngoài, không ở với chủ. Vậy suy ra ý nghĩa của que Phong ngược lại với que Lữ là ở lại với chủ: tìm lại được cái ví.

Dự đoán: sẽ tìm lại được cái ví.

Kết quả: lúc 10:57 thứ Ba ngày 04/11/2025 có tin báo từ chủ quán là có người nhặt được và đưa lại cái ví, bảo tôi đến nhận lại. Tôi đã nhận lại được cái ví với đầy đủ giấy tờ.

GIẢI MÃ GIẤC MƠ BẰNG DỊCH LÝ

Châu Thanh

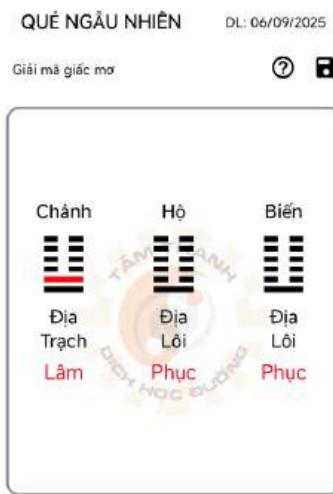
Một buổi sáng cuối tuần, tôi nhận được tin nhắn của một chị khách quen. Chị đang lo sợ và có linh cảm xấu với giấc mơ đêm hôm qua. Chị có hỏi tôi biết giải mã giấc mơ không để tìm hiểu về ý nghĩa của giấc mơ đó.

Tôi thật lòng trả lời là tôi chưa tìm hiểu về phương pháp giải mã giấc mơ, nhưng tôi có thể thử dùng Dịch Lý để luận giải và tìm hiểu ý nghĩa giấc mơ của chị.

Tuy hơi e ngại việc xác thực nhưng chị quyết định thử và đã kể về giấc mơ đêm qua để tôi luận giải:

“Đêm qua chị mơ thấy có một người thân gọi điện rủ chị về quê. Ban đầu chị nghĩ là về thăm nhà, nhưng hóa ra là chị bị lừa gạt, bắt cóc và hãi hùng. Khi phát hiện ra sự việc, chị đã hoảng loạn tìm cách chạy trốn và cuối cùng đã thoát ra được. Tỉnh dậy trong lòng vẫn còn vương vấn nỗi tức giận xen lẫn với sợ hãi. Chị có linh cảm không tốt, và tò mò không biết đó có phải điềm báo gì hay không, em luận giải giúp chị”.

Động tâm mở quẻ Ngẫu Nhiên, được quẻ: Lâm – Phục – Phục



Lâm	Phục	Phục
Đại dã. Bao Quản	Phản dã. Tái hồi	Phản dã. Tái hồi

Việc lớn, đứng đầu, bao bọc, nuôi dưỡng ⇒ Đầu tư, làm việc lớn	Tái diễn, phản phục, lật lại, làm phản ⇒ Suy xét, xem lại	Tái diễn, phản phục, lật lại, làm phản ⇒ Suy xét, xem lại
---	--	--

Quẻ Lâm cho thấy có thể là chị đang quan tâm đến một việc gì đó lớn lao, quyết định quan trọng, trong tư thế của một người làm chủ, bao quản công việc. Khi hỏi ra thì biết chị có người quen đang rủ chị cùng hùn vốn đầu tư xưởng may mặc.

Phần cuối trong giấc mơ, chị phát hiện bị lừa và thoát được, chính là tượng của quẻ Phục. Phục nghĩa là quay lại, trở về bản tâm, xem xét lại vấn đề. Lúc đó chị vẫn còn do dự, chưa quyết đoán đầu tư, có thể đây là một điều nhắc nhở chị nên suy xét cẩn thận.

Sau khi trao đổi và luận giải, tôi nhắc nhở chị nên cân nhắc về việc đầu tư, ngẫm nghĩ, suy xét lại, xem lại thiệt hơn mà cẩn trọng quyết định. Sau hôm đó 2 tuần, chị liên hệ lại kể rằng, khi kiểm tra lại hồ sơ đầu tư, có nhiều điểm mập mờ, không rõ ràng nên chị quyết định không đầu tư. Sau khi vừa chốt không đầu tư thì người đó liền mắng chửi, chặn hết mọi liên lạc và biến mất.

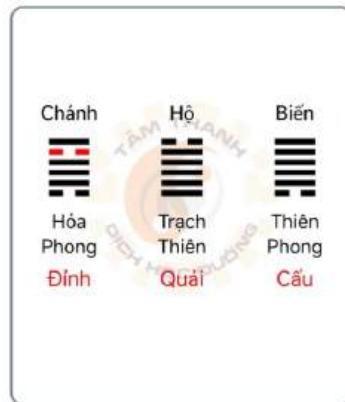
PHONG THUỶ QUÁN ĂN

Châu Thanh

Có một chị khách hàng phong thuỷ trước đây của tôi là chủ một quán ăn liên hệ lại vì lúc trước sau khi chỉnh sửa, bố trí phong thuỷ cho quán thì quán buôn bán khá tốt và ổn định. Nhưng gần đây, có vài ngày doanh thu sụt giảm không thể lý giải được dù là ngày trong tuần hay cuối tuần. Nên chị có ý định nhờ tôi đến chỉnh sửa lại phong thuỷ cho quán ăn của chị xem có bị gặp vấn đề gì không.

Khi đến quán, tôi kiểm tra hết tất cả nhưng cảm thấy không có vấn đề gì về mặt phong thuỷ, kích vượng, hoá sát vẫn đúng như tôi đã bố trí lúc trước. Không tìm được nguyên nhân nên tôi dành mở quẻ Dịch xem thử có vấn đề gì.

Sau khi mở Thời Quẻ, được Đỉnh – Quái – Cầu



Đỉnh	Quái	Cầu
Định dã. Nung đúc Nung đúc, nung nấu ⇒ Bếp	Quyết dã. Dứt khoát Dứt hết, chặt đứt, ranh giới ⇒ Kết nối, nối tiếp nhau	Ngộ dã. Tương ngộ Cầu kết, móc nối, liên kế ⇒ Ô cắm điện

Tôi nhìn thấy có quẻ Đỉnh nên dự đoán có thể vấn đề nằm ở bếp và khu vực chế biến. Cầu là một vật gì đó có cấu kết, móc nối với nhau nhưng có thể tách rời nhau. Sau khi mở quẻ, tôi liền vào bếp để xem xét thì thấy các ổ điện đang móc nối chằng chịt với nhau, ổ này cắm vào ổ kia để chia điện rất lộn xộn.

Tôi hỏi chị chủ lý do vì sao lại kết nối điện chồng chéo nhau như vậy thì chị báo do máy hôm đó có 1 ổ điện bị hư nhưng chưa kịp thay thế nên đành cắm đỡ. Tôi liền nhận định có thể nguyên nhân chính là những ổ điện (Cầu – liên kết, cắm vào nhau) ở trong bếp gây ảnh hưởng. Tôi yêu cầu chị thay những ổ điện hư và tìm cách không để tình trạng cắm chồng chéo nhau. Sau vài ngày, tôi nhận được phản hồi từ chị chủ quán dù đã thay thế ổ điện hư, sắp xếp đường điện gọn gàng nhưng thỉnh thoảng sự vắng khách vẫn xảy ra. Tôi liền mở lại quẻ một lần nữa. Lần này lại được quẻ: Cầu – Kiền – Đỉnh.

Một lần nữa tôi đoán chắc là nguyên nhân chính vẫn là khu vực bếp, nhưng vẫn chưa giải quyết được và Cầu có phải là những cái ổ điện trước đó hay là vật gì khác.

Quan sát căn bếp vẫn không thấy vấn đề gì khác ngoài những ô điện là Cầu. Tôi mô tả và hỏi chị chủ trong bếp có vật gì mà có thể móc nối nhau, có kết dính với nhau nhưng mở đóng lại được...(Cầu) hay không? Sau một hồi suy nghĩ thì chị chạy thẳng vào bếp, lôi ra một cái bẫy chuột nằm sâu trong góc bếp. Lúc đó tôi biết chắc chắn nó chính là Cầu mà tôi muôn tìm.



Cầu	Kiên	Đinh
Ngô dã. Tương ngộ Cầu kết, móc nối, liên kế ⇒ Bẫy chuột	Kiên dã. Chính yếu Cứng mạnh, mạnh mẽ, hoàn thành ⇒ Bẫy bị sập	Đinh dã. Nung đúc Nung đúc, nung nấu ⇒ Bếp

Sau khi tôi chỉ ra Cầu mà chúng tôi tìm mấy hôm nay chính là bẫy chuột, chị chủ ngẫm nghĩ một hồi thì xác nhận đúng là những hôm quán bán é ẩm chính là những hôm có chuột chạy và bẫy sập, còn những hôm khác thì quán vẫn bán tương đối tốt.

Sau một tuần tìm ra nguyên nhân, chị chủ phản hồi quán đã bán ổn định hơn, tốt hơn nhiều, cho dù có một vài hôm không quá đắt khách nhưng vẫn không rơi vào tình cảnh é ẩm cả ngày.

TỐI CÀN VỀ PHÉP NÓI DỊCH.

Tâm Thanh

Muốn nói dịch, trước phải thuộc quái nghĩa, do quái nghĩa của dịch tượng ấy mà suy lý, kế đó mới xem xét nào động là hào thứ mấy, rồi coi hào Dương động hóa ra Âm, hay hào Âm động biến thành Dương. Thứ phải xét vị trí của hào là Âm cư Dương* hay Dương cư Âm hoặc Âm cư Âm hay Dương cư Dương (hào đang động). Sau cùng phần phụ mới ghép lục thú vào để xem tính cách động rồi xét Hưu, Tù, Vượng, Tướng đều là phụ.

- 1/- Quái nghĩa là nhịp cầu Hậu Thiên để hội lý với Tiên Thiên.
- 2/- Tiên Thiên là lý ẩn trong quái nghĩa Hậu Thiên.
- 3/- Động hào thứ mấy là cơ sự chính xảy ra đương thời, nhỏ to, xa gần, thứ bậc.
- 4/- Dương động hóa ra Âm là việc ngày càng giảm sức theo quái nghĩa.
- 5/- Âm động biến thành Dương là việc ngày càng tăng sức theo quái nghĩa.
- 6/- Dương cư Âm hoặc Âm cư Dương mà động mà vẫn đề có lỗi, không lỗi, có hối, không hối.
- 7/- Lục thú là LONG, TUỐC, TRẦN, XÀ, HỒ, VŨ để biết tính cách vui buồn, thiện ác, chân giả, mau chậm của sự động.
- 8/- Hưu, Tù, Vượng, Tướng là để biết lực lượng đã qua, hiện tại, chưa đến, mạnh yếu, nhiều ít.

Người muốn nói Dịch mà quên các điều tôi nói trên này thì suốt đời sẽ chẳng nói được Dịch.

*Dịch học khái niệm số Cơ (số Dương) là các số lẻ như 1,3,5,7... và số Ngẫu (số Âm) là số chẵn như 2,4,6,8... Hào Dương nằm tại các vị trí hào 1,3,5 gọi là Dương cư Dương, Hào Dương nằm tại các vị trí hào 2,4,6 gọi là Dương cư Âm. Tương tự như vậy cho trường hợp Âm cư Âm và Âm cư Dương.

Tối cần về phép nói dịch.

Muốn nói dịch, trước phải thuộc quái nghĩa, do Quái nghĩa của Dịch Tượng ấy, mà suy lý, kể đó mới xem xét Hào Động là hào thư may, rồi coi hao Dương động hóa ra Âm, hay hao Âm động biến thành Dương. Ta phải xét vị trí của hao là Âm cùi Dương hay Dương cùi Âm hoặc Âm cùi Âm hay Dương cùi Dương (hao dang dong). Sau cùng phân phuy mọi ghép lục thu vào để xem tính cách động dụng rồi xét Hữu, Tù, Vương, Tương đều là phụ.

1/- Quái nghĩa là nhịp cầu của Hậu Thiên để bội lý với Tiên Thiên.

2/- Tiên Thiên là lý an trong Quái Nghĩa Hậu Thiên.

3/- Động hào thư may là có sự chính xác ra đương thời, nhỏ to, xa gần, thứ bậc.

4/- Dương động hóa ra Âm là việc ngày càng giảm sút theo quái nghĩa.

5/- Âm động biến thành Dương là việc ngày càng tăng sút theo quái nghĩa.

6/- Dương cùi Âm hoặc Âm cùi Dương mà động mà van dè có lỗi, không loi, có hối, không hối.

7/- Lục thu là LONG, TUỐC, TRÂN, XÀ, HỒ, VŨ để biết tính cách vui buồn, thiện ác, chán ghét, mau chậm của sự động.

8/- Hữu, Tù, Vương, Tương là để biết lực lượng đã qua, hiện tại, chưa đến, mạnh yếu, nhiều ít.

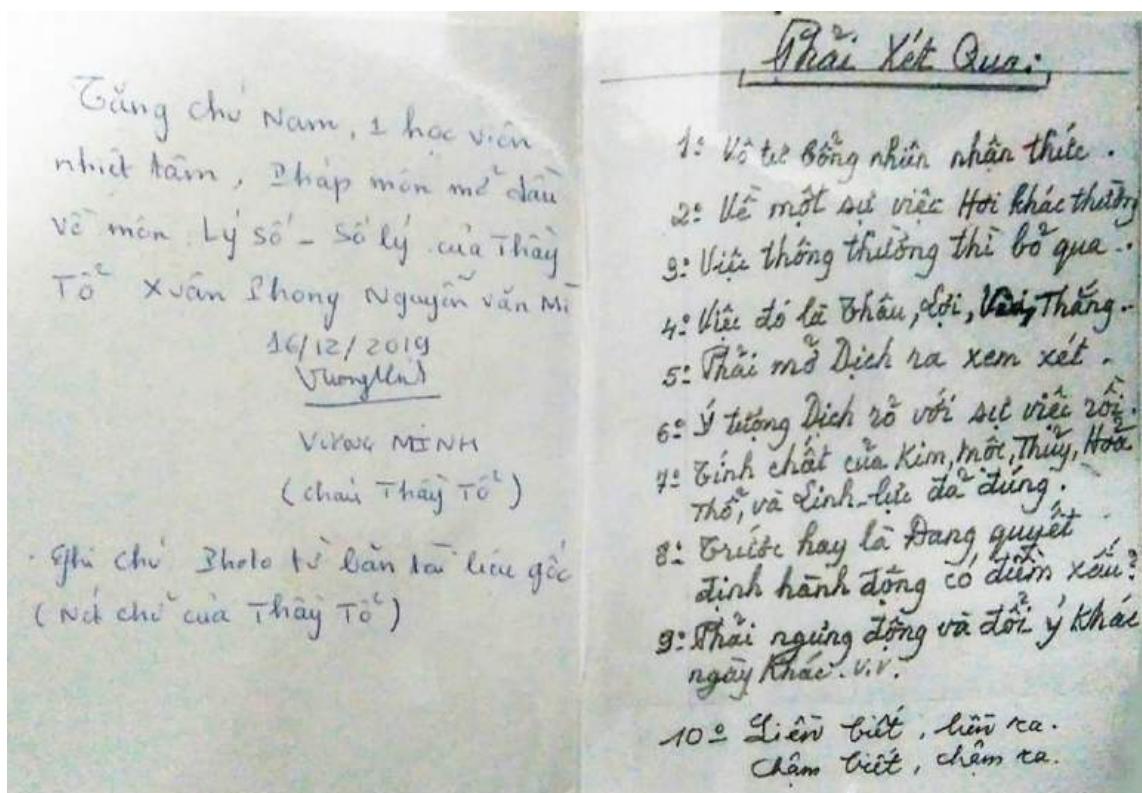
Người muốn nói Dịch mà quên các điều tối cần này thì suốt đời chẳng nói được Dịch.

(Theo Tài liệu do Hội DLVN phát hành của Sư Tổ Nguyễn Văn Mì
được Bs Hồ Việt Minh cung cấp)

10 BÍ QUYẾT NÓI DỊCH CỦA THẦY TỔ XUÂN PHONG NGUYỄN VĂN MÌ¹ (Văn Thanh thọ nhận và ghi chép lại)

1. Vô tư bỗng nhiên nhận thức.
2. Về một sự việc hơi khác thường.
3. Việc thông thường thì bỏ qua.
4. Việc đó là Thâu, Lợi, Vui, Thắng.
5. Phải mở Dịch ra xem xét.
6. Ý tượng Dịch rõ với sự việc rồi.
7. Tính chất của Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ và Linh lực đã đúng.
8. Trước hay là đang quyết định hành động có điềm xấu.
9. Phải ngưng động và đổi ý khác, ngày khác v.v...
10. Liền biết liền ra Chậm biết chậm ra

(Kèm theo di bút của Sư Tổ)



CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ LUẬN ĐOÁN *Tâm Thanh*

Trong nhiều trường hợp, học viên khoa Dịch lý báo tin hay dự đoán sai, đa phần là bị chi phối bởi các yếu tố sau đây:

- Tâm lý lo sợ dự đoán sai sẽ bị người cười chê.
- Sợ ý nghĩa của quẻ tiêu cực, sẽ ảnh hưởng đến tinh thần, tạo sự bất an cho bản thân.
- Sợ ý nghĩa của quẻ báo rằng kết quả công việc của mình xấu.
- Mở quẻ gặp ý nghĩa xấu rồi tự mình “xé nháp”, đợi lúc khác mở quẻ tiếp, chứng nào tốt mới chịu luận đoán.
- Chọn giờ tốt mới mở quẻ để dự đoán.
- Cho rằng mình biết thiên cơ, muốn mở quẻ để khoe với thiên hạ là mình hay, để cho người ta nể phục.
- Quá mong muốn đạt được điều gì đó rồi mỗi ngày đều mở quẻ ra để chiêm nghiệm.

- Nghĩa quẻ không sáng nhưng vẫn cố ép mình dẫn đến suy diễn chứ không dựa vào ý nghĩa của Dịch tượng mà suy luận.

Điều kiện để có kết quả chiêm nghiệm chính xác

- Bỗng vụt nảy ý muốn biết điều gì mà không có toan tính trước, đó là vào lúc Thiên Cơ máy động trong Nhân cơ. Ý muốn biết lúc bấy giờ Vô Tư không do nơi Vọng Động, nên Người học Dịch nhơn đó mà Nói Dịch rất Chính Lý.
- Mở quẻ ra là liền thấy sự tương quan của ý nghĩa của quẻ dịch và sự lý mình muốn biết.
- Thần trụ: tâm vô tư không lo lắng đến kết quả luận đoán đầu cho nó tốt hay là xấu.
- Có các hiện tượng tự nhiên xuất hiện bất ngờ phù hợp với sự lý muốn biết: gọi là thiên ứng.
- Đang thắc mắc bỗng dung xuất hiện một sự lý khác có “tương quan, tương ứng, tương hợp” với sự lý mình đang thắc mắc diễn ra. Lấy kết quả của sự lý diễn ra trước mắt để trả lời cho sự lý mình đang thắc mắc.
- Khi mở quẻ Dịch mà không thấy sáng ý, ta cố bình tĩnh vô tư, đừng hấp tấp, cứ đọc đi đọc lại, đoán xem người bạn cảm nín của ta (Tạo hóa: quẻ Dịch) ra bộ tịch, muốn nói lên điều gì. Cố gắng chiết tinh tình ý (phân tích) sự lý để tìm sự tương đồng với ý tượng Dịch.

Muốn dự đoán chính xác cần để tâm tĩnh lặng, vô tư và nồng quan sát; tức là gồm cả tai nghe, mắt thấy, trí hiểu và tâm tư.

Trời đất còn có ngày và đêm, đến bậc thánh nhân cũng có lúc sáng trí, tối trí, rồi trí mà huống chi là chúng ta. Các bạn hãy thuận theo thời thế, gặp quẻ sáng ý thì thưa thốt, không biết thì bảo rằng không, đừng vì chìu lòng thiên hạ hay vì lý do nào đó mà đoán bừa dẫn đến kết quả chiêm nghiệm bị sai lệch.

Tóm lại, để chiêm nghiệm Dịch Lý chính xác không những phải thông thuộc và hiểu rõ ý tượng Dịch, nắm vững phương pháp chiết tinh tình ý kết hợp khả năng quan sát tỉ mỉ, mà còn đòi hỏi công phu hàm dưỡng để tâm tánh được vô tư trước mọi hoàn cảnh.

Có như thế mới mong thấu hiểu được người bạn vô ngôn trung thành tuyệt đối của mình là Tạo hóa, ngõ hầu quán thông Thiên Địa.

DỊCH LÝ VÀ SỰ HÌNH THÀNH THẾ GIỚI VẠN HỮU

Tâm Thanh

Khởi từ tạo Thiên lập Địa (có Biến hóa đầu tiên) đến hôm nay, thế giới đã luôn Biến Động - Biến Đổi - Biến Hóa không ngừng, hệ quả là đến ngày nay vạn hữu đã được thành hình. Cái vạn hữu mà chúng ta thấy ngày hôm nay đã trải qua không biết bao nhiêu tỉ tỉ lần Biến hóa - Hóa thành để có được hình hài như vậy. Tiền nhân đã ghi dấu lại diễn trình biến hóa đó bằng nhiều mô hình tổng quát để diễn tả chu kỳ đê nhiên sinh hóa của vạn hữu trong Vũ trụ như: Vòng Trường sinh, Vượng - Tường - Hữu - Tù - Tử, Thập can, Thập nhị chi, Thành Trụ Hoại Không, Nguyên Hanh Lợi Trinh, ... Những mô hình đó là sự mô phỏng một giai đoạn diễn tiến trong chu trình Biến hóa đê nhiên sinh khắc, vòng đời của vạn hữu bao gồm rất nhiều giai đoạn diễn tiến như vậy xảy ra liên tiếp nhau không có giây phút nào ngừng nghỉ. Khi phân tích nhiệm nhặt hơn nữa thì mỗi giai đoạn của các quá trình trên cũng bao gồm nhiều giai đoạn diễn tiến ngắn hơn kết nối với nhau, cứ như thế rốt cuộc cứ mỗi mỗi vô hữu giây vạn hữu sẽ lần lượt trải qua các chu kỳ đê nhiên sinh hóa.

Ví dụ:

Vòng đời của mỗi con người hay vạn hữu đều phải trải qua các giai đoạn NGUYÊN - HANH - LỢI - TRINH. Trong giai đoạn NGUYÊN thì có Nguyên Hanh Lợi Trinh nhỏ hơn tạm gọi là NGUYÊN F1; phân tích tiếp ở giai đoạn NGUYÊN F1 lại có các Nguyên Hanh Lợi Trinh nhiệm nhặt hơn tạm gọi là NGUYÊN F2; tiếp tục phân tích thì trong NGUYÊN F2 lại có Nguyên Hanh Lợi Trinh càng nhiệm nhặt hơn nữa tạm gọi là NGUYÊN F3; và cứ như thế nếu muốn ta có thể phân tích tiếp và có đến NGUYÊN Fn ... Cả HANH LỢI TRINH cũng có thể phân tích tương tự như NGUYÊN vậy. Vậy khi nói Nguyên Hanh Lợi Trinh là tiền nhân chỉ nhắc đến mô hình tổng quát của chuỗi cấu tạo hóa thành đê mô phỏng chu trình đê nhiên sinh hóa của vạn hữu mà thôi.

Thí dụ: Muốn hóa thành một cây cổ thụ, thì trước hết hạt phải nảy mầm rồi thành cây con, rồi thành cây cao 50cm, rồi thành cây cao 1m, thành cây cao 2m,... cuối cùng mới thành cây cổ thụ.

Mỗi Hóa thành là kết quả của một chu kỳ biến hóa được hình hiển bằng công thức tối giản: **Chưa ± Manh nha ⇔ Hóa thành**. Như vậy mỗi hóa thành tối thiểu phải có 3 yếu tố. Sau mỗi chu kỳ Biến hóa – Hóa

thành thì bộ mặt Mới phủ lên bộ mặt Cũ và tạo ra một cái khác Đồng Dị với chính nó.

Ví như nhìn trái bí hôm nay thấy giống và khác hơn trái bí ngày hôm qua; nhìn em bé thôi noi thấy giống và quá khác em bé mới sinh ra...

Ví dụ như: Âm được/bị mạnh nha sẽ hóa thành Dương, Khôn được/bị Manh nha sẽ hóa thành Kiền, quá trình biến hóa này phải lần lượt trải qua các giai đoạn hóa thành ra: Cấn, Khảm, Tốn, Chấn, Ly, Đoài. Có thể ví như KHÔN (**Chura**): là **đầu vào** của hộp đen, được/bị **Manh nha** (lần lượt hóa thành ra Cấn → Khảm → Tốn → Chấn → Ly → Đoài: là quá trình diễn tiến xảy ra bên trong hộp đen) để biến ra KIỀN (**Hóa thành**), là một bộ mặt hoàn toàn mới phủ lên que Khôn, là **đầu ra** của cái hộp đen. Mỗi Biến hóa – Hóa thành phải trải qua 8 giai đoạn (Bát quái) nêu trên.



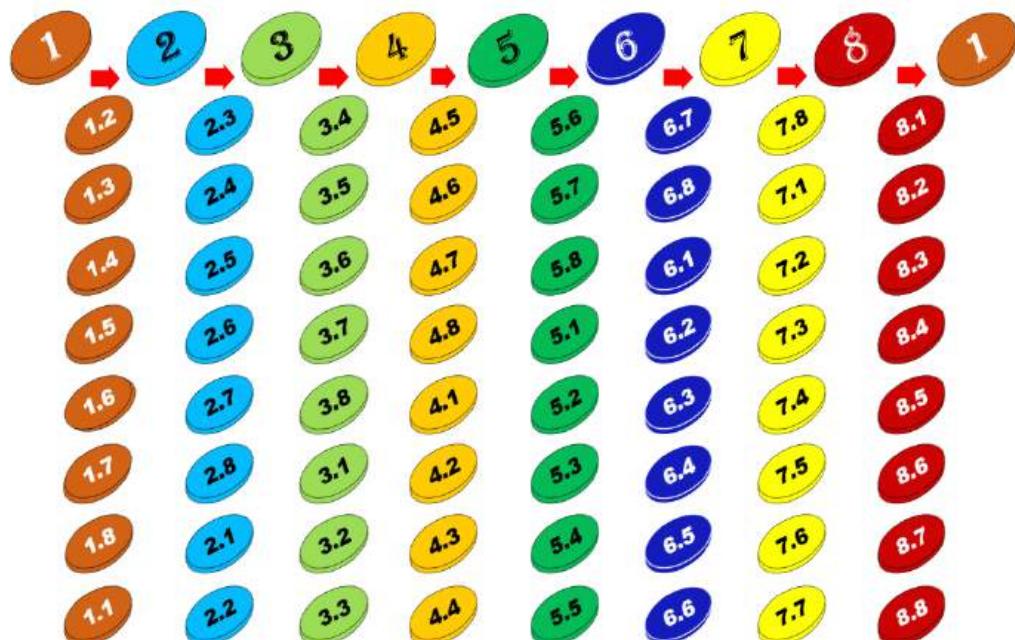
Nếu phân tích nhiệm nhặt hơn nữa thì từ Khôn biến hóa thành Cấn cũng phải trải qua 8 giai đoạn tương tự. Vậy toàn bộ quá trình biến hóa từ Khôn → Cấn → Khảm → Tốn... → Đoài → Kiền khi phân tích nhiệm nhặt phải trải qua 64 giai đoạn được gọi là 64 que Dịch hay là 64 bộ mặt của Tạo Hóa. Đó là một chu kỳ Biến Hóa – Hóa Thành của vạn hưu và cái lý của mỗi que chính là một giai đoạn diễn tiến của chuỗi Cấu Tạo - Hóa Thành. (Xem hình minh họa dưới đây)

Quá trình Biến hóa, Cấu tạo Hóa thành xảy ra rất nhiệm nhặt, từ từ, có tuần tự, trật tự theo quy luật Tạo Hóa (Nhất lý, Nhất luật), Âm trước Dương sau tuần tự diễn ra. Ta nhìn thấy mọi hiện tượng xảy ra trong đời sống thực tại dường như hỗn độn, rối mù nhưng thực tế nó đang diễn ra như có sự sắp đặt sẵn, theo một trật tự nhất định nào đó vậy. Nếu tinh ý, ta chỉ cần dõi theo chu kỳ vận động của Nhật, Nguyệt, Thời mùa, Khí Tiết, ngày đêm, con nước, tuần trăng, độ nhạy cảm của cơ thể, của động vật, cây cỏ... sẽ nắm được luật ấy. Biết được sinh, diệt, nguồn gốc, đường đi dãy nhiên của vạn loài.

Xin nói thêm về môn Dịch Lý Báo Tin của Khoa Học Dịch Lý Việt Nam còn được gọi là môn Biện Minh Chứng Nghiệm Chân Lý. Học viên được hướng dẫn quy luật biến hóa và các nguyên tắc biến hóa trong tự nhiên, ví như đang luyện tập phương pháp dõi theo đường đi dãy nhiên của

Tạo Hóa, đó chính là cách mà vạn vật đang vận động trong vũ trụ này. Dùng Dịch Lý Báo Tin để dự đoán chẳng qua là chúng ta đang mô tả các giai đoạn diễn tiến của các vạn vật trên tiến trình biến hóa mà thôi. Đây là lý thuyết nền tảng cho khoa Dịch Lý Báo Tin.

Điều kiện tiên quyết để có Biến hóa – Hóa thành là có sự hiện diện của Âm Dương, của lý Đồng Nhi Dị. Nói cách khác có Đồng nhi Dị là có Biến hóa, có Biến hóa là có Đồng nhi Dị. Diễn trình Biến hóa đến lúc cùng cực thì sẽ Hóa Thành, vừa Hóa thành xong lại bắt đầu Biến hóa tiếp. Cứ như thế vạn vật biến hóa không ngưng nghỉ.



Tóm lại: KHTK Cực hay Vô Cực là động lực là gốc tạo ra Vũ Trụ muôn loài, Bát quái, hay 64 quẻ là hiện tượng là bông trái của gốc đó vậy.

CẢM NHẬN CỦA MỘT HỌC VIÊN VỀ MÔN GIAO DỊCH XÃ HỘI

Loan Thanh

Thiên - Nhiên Xã - Hội - Học là một trong những môn học của Khoa Dịch Lý Việt Nam, có tên gọi khác là môn Giao - Dịch Xã - Hội. Môn học này noi theo qui luật tự nhiên của TẠO HÓA, nên gọi là Thiên-Nhiên Xã - Hội - Học, tức là một Khoa Học về Tổ chức của Xã hội muôn đời mà muôn loài vạn vật, dù là vô hình hay hữu hình, đều rập khuôn như thế, không thể nào khác được.

Âm Dương luôn Giao - Dịch Sóng - Động Biển - Hóa Tiêu - Trưởng Ân - Hiện. Khoa Thiên - Nhiên Xã - Hội ứng dụng lý tánh đương nhiên của Âm Dương để Vận Hành, Quân Bình Sinh Hóa, Biển Hóa - Hóa Thành, để xử - thế tiếp - vật, xuất xứ sao cho khôn khéo thành sự cho loài người và muôn vật, tức là Thuận Thiên Hành Đạo, Khai Vật Thành Vũ, tập trung vận dụng Nhất lý là Âm Dương Lý (Yếu lý Đồng Nhi Dị) và Nhất Luật là Biển Hóa Luật (qui luật Dịch Biển).

Đây không chỉ đơn thuần là một khóa học về kỹ năng ứng xử giữa các mối quan hệ, mà thực thụ là một triết lý sống đầy đủ về cách đối nhân xử thế mà thầy *Nam Thanh Phan Quốc Sử* đã chắt lọc và ngày hôm nay thầy Tâm Thanh đã trao truyền lại cho chúng tôi.

Trước đây, tôi luôn nghĩ con đường dẫn đến thành công là một đường thẳng, là kết quả của sự nỗ lực không ngừng. Nhưng sau khóa học này tôi đã nhận ra rằng vạn vật luôn động tĩnh lẩn lộn, luôn luôn đổi mới. Muốn thành công bền vững, chúng ta không thể cứng nhắc, mà phải hiểu và nương theo dòng chảy của sự biến hóa không ngừng của vũ trụ. Lớp học đã giúp tôi ghi nhớ những bài học quan trọng.

- **Bài học về sự Cho đi:** Thầy nói “*Choi với thiên hạ thì mình phải chơi lỗ*”, thoát nghe khá mâu thuẫn. Xã hội bây giờ, ai cũng muốn mình phải “lời”, phải được phần hơn thiên hạ. Nhưng giờ tôi đã hiểu ra, sự “lỗ lá” đang nói đến là cái lỗ của bậc quân tử, là sự rộng lượng, bao dung, là cho đi mà không toan tính. Để rồi, cái chúng ta được nhận lại không phải là vật chất trước mắt, mà là ân nghĩa, là sự tin tưởng. Đó là cách để cho “*thiên hạ nợ mình*” - một món nợ ân tình, có giá trị hơn bất cứ tài sản nào.
- **Bài học về qui luật Cung Cầu:** Danh - Lợi - Tình là những nhu cầu thiết yếu trong xã hội loài người. Người Cầu đi kiếm người Cung, ngược

lại người Cung cũng kiếm người Cầu, đây là nhu cầu quân bình sinh hóa của Âm Dương. Ai hiểu và đáp ứng được các nhu cầu này sẽ là người làm chủ cuộc chơi.

- **Bài học về sự Ân tàng:** Chúng ta thường được dạy phải “*show off*”, phải thể hiện tài năng. Nhưng Thầy lại dạy cho tôi “*Không được tiết lộ tài năng và mục tiêu*”. Thầy nhắc nhở về sự phức tạp của thế sự nhân tình, rằng “*cây cao thì gió cả*”. Việc “*không xuất đầu lộ diện sớm*” hay cảnh giác với lời tâng bốc chính là cách tự bảo vệ cho mình. Ứng dụng trong cuộc sống có thể là khi bạn mới vào một công ty, một tổ chức, đừng vội vàng nhân lấy một chức vụ quá cao, hoặc đừng vội thể hiện mình là “*ngôi sao*”, việc này cực kỳ nguy hiểm. Bạn chưa hiểu văn hóa của tổ chức đó, chưa có tri âm (đồng minh), mà đã ở vị trí cao thì bạn sẽ là mục tiêu cho mọi sự soi mói, tấn công. Hãy kiên nhẫn quan sát, lắng nghe, xác định cho được Nguyên, Cùu, Tiết, Kị - Thần, xây dựng các quan hệ trước khi lên lanh đạo. Khi có ai tâng bốc hãy mỉm cười, không phủ nhận hay xác nhận để cho đối phương luôn bị mơ hồ, không biết suy nghĩ thực sự của mình. Hãy để cho mọi người có đủ thời gian xem xét, đánh giá đúng năng lực của bạn và bạn có đủ thời gian cũng như không gian xét đoán môi trường, tình huống. Từ đó quyết định cách cư xử đúng mực. Ngay cả khi đã thành công, việc biết “*ân tàng*” là “*lùi đúng lúc*” khi đã giúp tri âm đạt thành chí nguyện mới là cảnh giới cao nhất, là biết tuân thủ Luật Biển Hóa: tiến thoái đúng lúc cho thật đắc sách.

- **Bài học về Thời cơ và sự Chuẩn bị:** Thành công không thể một bước có thể lập tức đạt được, Giao dịch Xã hội dạy phải biết “*Thành công giai đoạn*”, tuân theo quy luật “*Cầu Tạo Hóa Thành*”. Mọi thứ đều phải diễn ra theo tuần tự, trật tự đệ nhiên sinh, cần phải có một quá trình diễn biến theo thê Phong Sơn Tiệm. Và trong quá trình đó, phải luôn chờ đợi đến đúng lúc Thiên cơ và Nhân cơ hợp nhất thì hành sự mới mong đắc thắng được. Dịch hiện diện trong từng giây, thời cơ chỉ đến với người đã có sự chuẩn bị sẵn. Và sự chuẩn bị quan trọng nhất, là phải “*xét người, xét ta rồi tới công việc*”. Ta chưa đủ tâm, Tri âm chưa đồng lòng, thì công việc không thể thành.

- **Bài học về sự Liên kết:** Con đường thành công không thể đi một mình, khoa Thiên Nhiên Xã Hội nhấn mạnh việc “*Tìm tri âm*”- những người thực sự thấu hiểu và tự nguyện đồng hành với ta - là tối cần thiết.

Hãy học cách tìm được tri âm cùng chí hướng với mình. Đối tác, sếp, đồng nghiệp, bạn bè - họ có phải là tri âm không? Họ có thấu hiểu, có cùng chí hướng, có sòng phẳng với mình không? Bao nhiêu dự án thất bại không phải từ thị trường, mà lại tan rã vì “bạn”. “Xét mình” xong mà “xét bạn” thấy không ổn, thì cũng rất nên dừng lại.

- **Luật Giang hồ Sòng phẳng:** Đây là đạo lý làm người, mọi giao dịch trong xã hội, dù là tình cảm hay lợi ích, đều phải dựa trên sự công bằng, rõ ràng và sòng phẳng.
- **Luật Tạo Hóa Quyền biến:** Đây là quy luật của tự nhiên, Âm Dương luôn thiêng thăng gây ảnh hưởng lên nhau. Khi giao dịch với người phải cơ mưu quyền biến, tùy thời mà hành động cho đắc sách. Tạo hóa có tám tánh (Bát Quái) vậy tại sao ta không noi theo đó mà hành sự lại tự tạo dựng cho mình một nét cá tính nào đó để rồi ôm lấy thiệt thòi vào thân. Chúng ta chỉ là những thành viên nhỏ bé trên “sân khấu Dịch Biến” nên tùy thời mà hành động cho đắc sách.

Tôi đã hiểu rằng, môn học này chính là tấm bản đồ chi tiết về “*địa hình và thời tiết*” của các mối quan hệ trong cuộc sống. Dịch Lý là quy luật vận hành của vũ trụ, các nguyên tắc trên chính là “*kỹ năng lái xe*” an toàn nhất trong xã hội loài người. Xin được gửi lời tri ân sâu sắc đến thầy. Những bài học này, tôi sẽ áp dụng trong suốt hành trình giao dịch với đời của mình, để sống thuận theo Đạo Dịch và Luật Tạo Hóa.

PHONG THỦY MẶN ĐÀM - ÚNG DỤNG

NIÊN LỊCH DỊCH HỌC ĐƯỜNG TÂM THANH CÓ GÌ THÚ VỊ.

Tỉnh – Thuần Khảm,
Tp. Hồ Chí Minh, 12/11/2025
Truy Thanh

Niên lịch Dịch học đường Tâm Thanh – Sự kết tinh từ tinh hoa của trí tuệ và huyền học Đông Phương.

Niên lịch do Ban Khoa giáo Dịch học đường Tâm Thanh biên soạn là một thành quả thật tuyệt vời, thể hiện sự kết hợp tinh tế và sâu sắc giữa Kinh Dịch – Dịch lý Việt Nam cùng Phong thủy huyền không phi tinh. Đây không chỉ đơn thuần là một cuốn lịch, mà còn là một công trình khoa học huyền học, nơi thời gian và không gian được hòa quyện trong một chỉnh thể nhịp nhàng, phản ánh quy luật vận hành vi diệu của vũ trụ.

Trong từng trang của niên lịch, ta có thể cảm nhận được nhịp đập của tú lưu tinh – Niên, Nguyệt, Nhật, Thời, là sự vận hành tinh tế của thiên khí, địa khí và nhân khí. Mỗi chu kỳ, mỗi tiết khí đều được luận giải tường tận, giúp con người chúng ta thuận thiên nhiên, sống hòa hợp với dòng chảy của tự nhiên và vạn vật.

Điều đáng quý hơn cả là Niên lịch Dịch học đường Tâm Thanh không chỉ dựa trên tri thức cổ điển, mà còn kế thừa tinh thần dân tộc – đưa Dịch lý Việt Nam vào thực tiễn đời sống. Đó là sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại, giữa minh triết cổ xưa và khoa học ứng dụng ngày nay.

Có thể nói, công trình này là một minh chứng sống động cho trí tuệ, tâm huyết và đạo tâm của những người dịch học sĩ làm công tác nghiên cứu Dịch học. Niên lịch không chỉ giúp con người định hướng thời vận, mà còn gợi mở con đường sống thuận đạo – thuận thời – thuận nhân.

Bởi vậy, mỗi khi mở niên lịch Dịch học đường Tâm Thanh, ta không chỉ xem ngày, xem tháng, mà như đang chiêm nghiệm một phần của vũ

tru, một tấm gương phản chiếu mối liên kết huyền diệu giữa Trời – Đất – Con người.

Để nối tiếp cũng như lý giải về sự ra đời của Niên lịch do Ban Khoa giáo Dịch học đường Tâm Thanh biên soạn,

Tôi Truy Thanh xin mạn phép chia sẻ thêm cùng chư vị hữu duyên, như một lời tri ân gửi đến chư vị Tổ, Thầy, cùng những người đã góp tâm – góp trí trong quá trình biên soạn này.

Niên lịch Dịch học đường Tâm Thanh không chỉ đơn thuần là sự tổng hợp của tri thức huyền học Đông phương, mà còn là kết tinh của tâm huyết, đạo tâm và tinh thần nghiên cứu nghiêm cẩn. Mỗi con chữ, mỗi số liệu, mỗi biểu đồ thời vận đều là kết quả của quá trình khảo cứu tỉ mỉ, đúc chiết kinh điển, luận giải bằng cả tâm và trí, để đem lại cho người đọc một công cụ chuẩn xác và hữu ích trong đời sống.

Sau đây sẽ được trình bày qua 2 phần chính:

1. Hướng dẫn sử dụng niên lịch.
2. Cách biên soạn niên lịch.

A. CÁCH SỬ DỤNG NIÊN LỊCH - DHĐ TÂM THANH

* Dòng đầu tiên: THÁNG GIÊNG (Canh Dần) - NĂM BÍNH NGỌ (1) - 2026

- THÁNG GIÊNG: Tháng 1,
 - BÍNH NGỌ (1): Niên tinh là sao 1 nhập trung cung.
- VD 1: Muốn tìm xem năm nay Ngũ hoàng (sao 5) đang ở cung nào?
Với Niên tinh là (1).

Tốn Thìn	Tị 9	Bính 5	Ngo 5	Đinh	Mùi 7	Khôn Thân
Ất Mão Giáp	8		1		3	Canh Dậu Tân
Dần Cán	4	Quý	Tý	Nhâm	2	Tuất Hợi Càn

Hình minh họa 1

- Sau khi cho Niên tinh (1) nhập cung và Phi tinh thì kết quả Niên tinh của năm 2026 sẽ đến Vị trí Bính Ngọ Đinh (hướng Nam), như hình 1 phi tinh bên trên).

* Tiêu đề: **THÚ, AL, DL, CAN CHI, NGUYỆT, NHẬT, THỜI, QUỄ,**

- THÚ: Các thứ trong tuần tương ứng (Thứ hai đến Chủ nhật)
- AL: Viết tắt của Âm Lịch
- DL: Viết tắt của Dương Lịch
- CAN CHI: Ngày tương ứng theo Thiên Can và Địa Chi.

- NGUYỆT: Nguyệt tinh là sao của tháng tương ứng nhập trung cung

VD 2: Muốn tìm xem tháng Giêng Nhị Hắc (sao 2) đang ở cung nào? Theo Lịch có số 8 (hay Sao 8). (Từ ngày 1/1 ÂL~16/1 ÂL)

Tốn Thìn 7	Bính Ngọ 3	Đinh Thân 5
Át Mão Giáp 6	8	Canh Dậu Tân 1
Dần Cấn 2 Sửu	Quý Tý Nhâm 4	Tuất Hợi Càn 9

Hình minh họa 2

Vậy sau khi cho Nguyệt tinh (8) nhập cung và Phi tinh thì kết quả Nhị hắc của Nguyệt tinh của Tháng Giêng (Từ ngày 1~16) năm 2026 sẽ đến Vị trí Sửu Cấn Dần (hướng Đông Bắc). (như hình 2 phi tinh bên trên).

- NHẬT: Nhật tinh là sao của ngày tương ứng nhập trung cung.

VD 3: Muốn tìm xem Ngày **mùng 3** tháng Giêng Cửu Tử Hỏa (sao 9) đang ở cung nào? Theo Lịch có số 7 (hay Sao 7).

THÁNG GIÊNG (Canh Dần) - NĂM BÍNH NGỌ (1) - 2026

THỨ	AL	DL	CẠN CHỈ	NGUYỆT	NHẬT	THỜI	QUÈ		GHI CHÚ
Ba	1	17/2	Nhâm Tuất		5	4+	1	5	
Tư	2	18	Vũ Thùy		3	7+	2	6	
Năm	3	19	Giáp Tý		7	1+	3	1	
Sáu	4	20	Át Sửu		8	4+	4	2	
Bảy	5	21	Bính Dần		9	7+	5	3	
CN	6	22	Đinh Mão		1	1+	6	4	
Hai	7	23	Mậu Thìn		2	4+	7	5	
Ba	8	24	Kỷ Tỵ		3	7+	8	6	
Tư	9	25	Canh Ngọ		4	1+	1	1	
Năm	10	26	Tân Mùi		5	4+	2	2	
Sáu	11	27	Nhâm Thân	∞	6	7+	3	3	

Tốn Thìn	Tị 6	Bính Ngọ Đinh	Mùi 2	Khôn Thân
Ất Mão Giáp	5		7	Canh Dậu Tân
Dần Cán	1 Sửu	Quý Tý Nhâm	3	Tuất Hợi Càn

Hình minh họa 3

Vậy sau khi cho Nhật tinh (9) nhập cung và Phi tinh thì kết quả Bát Bạch của Nhật tinh mùng 3 Tháng Giêng năm 2026 sẽ đến Vị trí Canh Dậu Tân(hướng Tây). (như hình 3 phi tinh bên trên).

- THỜI: Thời tinh là sao của Giờ tương ứng nhập trung cung

VD 4: Muốn tìm xem Giờ Tị Ngày **mùng 5** tháng Giêng Nhất Bạch Thủy (sao 1) đang ở cung nào? Theo Lịch có số 7+ (hay Sao 7+), trường hợp 1

Tương ứng như sau: (7+) sẽ tính theo chiều thuận (Tăng dần), tính xem sao nhập trung tại giờ Tị là: **Tý (7)**, **Sửu (8)**, **Dần (9)**, **Mão (1)**, **Thìn (2)**, **Tị (3)**, **Ngọ (4)**, **Mùi (5)**, **Thân (6)**, **Dậu (7)**, **Tuất (8)**, **Hợi (9)**

Tốn Thìn	Tị 2	Bính Ngọ Đinh	Mùi 7	Khôn Thân
Ất Mão Giáp	1		3	Canh Dậu Tân
Dần Cán	6 Sửu	Quý Tý Nhâm	8	Tuất Hợi Càn

Hình minh họa 4

Vậy sau khi cho Thời tinh (3) giờ Tị nhập cung và Phi tinh thì kết quả Nhất Bạch Thủy (sao 1) của Thời tinh giờ Tị mùng 5 Tháng Giêng năm 2026 sẽ đến Vị trí Giáp Mão Ất (hướng Đông). (như hình 4 phi tinh bên trên).

※ Sau **Đông Chí**: Thời tinh sẽ có 4+, 7+, 1+, Cách tìm sao nhập cung của 4+ và 1+ cũng tương tự như 7+.

VD 5: Muốn tìm xem Giờ Tị Ngày mùng 1 tháng Sáu Cửu Tử Hỏa (sao 9) đang ở cung nào? Theo Lịch có số 6- (hay Sao 6-), trường hợp 2

Tương ứng như sau: (6-) sẽ tính theo chiều Nghịch (Giảm dần), tính xem sao nhập trung tại giờ Tị là: **Tý (6)**, **Sửu (5)**, **Dần (4)**, **Mão (3)**, **Thìn (2)**, **Tị (1)**, **Ngọ (9)**, **Mùi (8)**, **Thân (7)**, **Dậu (6)**, **Tuất (5)**, **Hợi (4)**,

Tốn Thìn	Tị 9	Bính Sửu	Ngọ 5	Đinh Quý	Mùi 7	Khôn Nhâm
Ất Mão Giáp			1		3	Canh Dậu Tân
Dần Cán	4	Quý Tý	6	Nhâm	2	Tuất Hợi

Hình minh họa 5

Vậy sau khi cho Thời tinh (1) giờ Tị nhập cung và Phi tinh thì kết quả Cửu Tử Hỏa của Thời tinh giờ Tị mùng 7 Tháng Sáu năm 2025 sẽ đến Vị trí Thìn Tốn Tị (hướng Đông Nam). (như hình 5 phi tinh bên trên).

※ Sau **Ha Chí**: Thời tinh sẽ có **6-, 3-, 9-**, Cách tìm sao nhập cung của 3- và 9- cũng tương tự như 6-.

- QUẾ: Quέ kép tương ứng vào giờ Mùi trong ngày.

VD 6: Muốn tìm xem Giờ Tị Ngày mùng 3 tháng Giêng là Quέ gì?
Theo Lịch có số 3¹.

THÁNG GIÊNG (Canh Dần) - NĂM BÌNH NGỌ (1) - 2026									
THỨ	AL	DL	CAN CHI	NGUYỆT	NHẬT	THỜI	QUẾ		GHI CHÚ
Ba	1	17/2	Nhâm Tuất		5	4+	1	5	
Tư	2	18	Vũ Thủy		3	7+	2	6	
Năm	3	19	Giáp Tý		7	1+	3	1	
Sáu	4	20	Ất Sửu		8	4+	4	2	

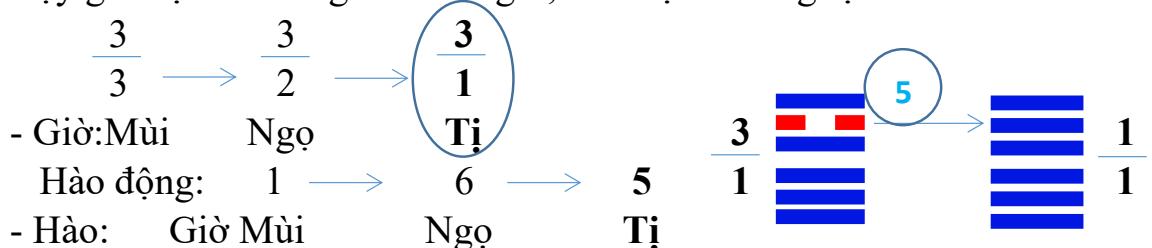
Theo số 3¹ tương ứng trong quέ Dịch tại giờ Mùi trong ngày, Có Tiên tượng, Hậu Tượng của Quέ chánh là giống nhau. 3/3 và động hào 1.



Giờ Mùi có Quέ là: Thuần Ly

Hỏa Sơn Lữ

Vậy giờ Tị sẽ trước giờ Mùi 2 giờ, Sẽ được tính ngược như sau:



Đại HỮU Thuần Kiền

Và kết quả QUẾ tại giờ Tị là: HỎA THIÊN ĐẠI HỮU – THUẦN KIỀN

※ Trên đây là toàn bộ hướng dẫn sử dụng Niên Lịch do Ban Khoa Giáo
Dịch Học Đường Tâm Thanh biên soạn.

B. HƯỚNG DẪN CÁCH BIÊN SOẠN NIÊN LỊCH – DHĐ TÂM THANH

I. Xác định

1. Thứ, Ngày Âm Lịch, Ngày Dương Lịch, Theo Can Chi.
2. Xác định Tứ Lưu Tinh
3. Tính quẻ giờ Mùi trong ngày.

II. Cụ thể.

1. Để đơn giản chúng ta làm trên file Excel hoặc sử dụng theo lịch vạn niên có lịch Âm Dương, Can Chi trên các trang web.

2. Xác định Tứ Lưu Tinh.

Tứ Lưu Tinh Bàn gồm: **Niên tinh – Nguyệt tinh – Nhật tinh – Thời tinh**, là bộ phi tinh vận hành theo thời gian, phản ánh sự lưu động của thiên khí – địa khí – nhân khí trong không gian Cửu cung.

Hệ thống này được ứng dụng trong Phong thủy Huyền Không Phi Tinh và trong Niên lịch Dịch học Đường Tâm Thanh để quan sát vận khí theo từng cấp độ thời gian..

- **Niên tinh (Sao lưu niên):** Là sao chủ năng lượng của năm, thuộc đại khí vận hành chu kỳ dài. Căn cứ vào vận 20 năm (Tam nguyên Cửu vận) và phi tinh của năm, mỗi năm có một sao nhập Trung cung, từ đó phân bố khí cát – hung ra tám phương.

Tác dụng: Định đại khí của năm, ảnh hưởng tổng thể đến phong thủy trạch vận, hướng cát – hung, tài – bệnh.

- **Nguyệt tinh (Sao lưu nguyệt):** Là sao chi phối khí tháng, ảnh hưởng ngắn hạn, thay đổi theo tiết khí (nhị thập tứ tiết). Khi tiết khí chuyển, nguyệt khí thay, sao chủ tháng đổi – do đó mỗi tháng mang một “vận khí riêng”.

Tác dụng: Dự đoán xu hướng tốt xấu của tháng, xem vận trình sinh hoạt, khai trương, động thổ, cưới hỏi...

- **Nhật tinh (Sao lưu nhật):** Là sự dao động nhiệm nhật của khí trong chu kỳ một ngày của vũ trụ. Nhật tinh thể hiện mức độ vượng – suy của cửu tinh tùy theo nhị thập tứ tiết khí, được xác định dựa trên “Khởi Nhật Bách Quyết”.

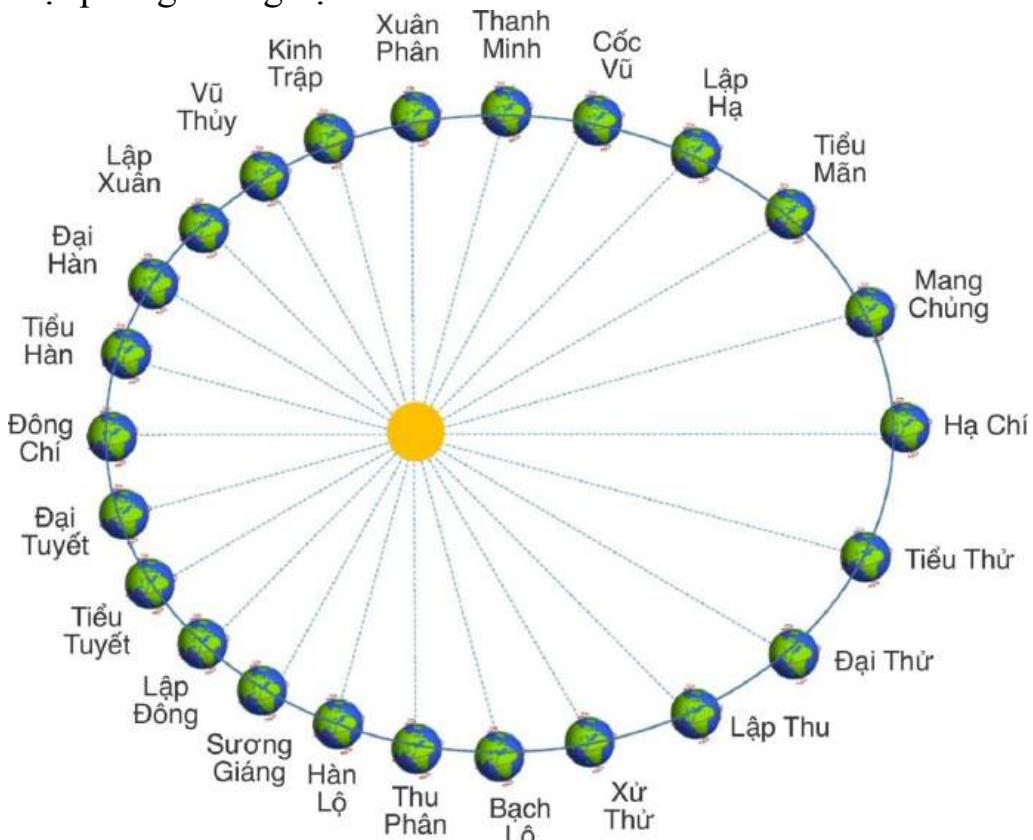
Tác dụng: Xem cát – hung ngày trong tháng, chọn hướng làm việc, đi lại, khởi sự...

- **Thời tinh (Sao lưu thời):** Là khí tức thời (vi khí), phản ánh dao động nhỏ nhất của vũ trụ trong từng canh giờ. Căn cứ “Khởi Thời Bạch Quyết”, sao khởi từ Trung cung theo nhật tinh bàn, phi thuận (dương) hoặc nghịch (âm) tùy mùa khí Đông chí – Hạ chí.

Tác dụng: Dùng để chọn giờ cát hung, khởi sự quan trọng, hoặc xem “thời vận giao khí” trong ngày.

3. 24 Tiết khí.

Trong phong thủy, 24 tiết khí được xem là “nhip thở của Trời Đất”, thể hiện sự chuyển động của khí Âm – Dương. Nhị thập tứ tiết khí là 24 mốc chia trong một năm dương lịch, phản ánh sự vận hành của Trái Đất trên mặt phẳng hoàng đạo.



Sự vận hành của Trái Đất trên mặt phẳng hoàng đạo.

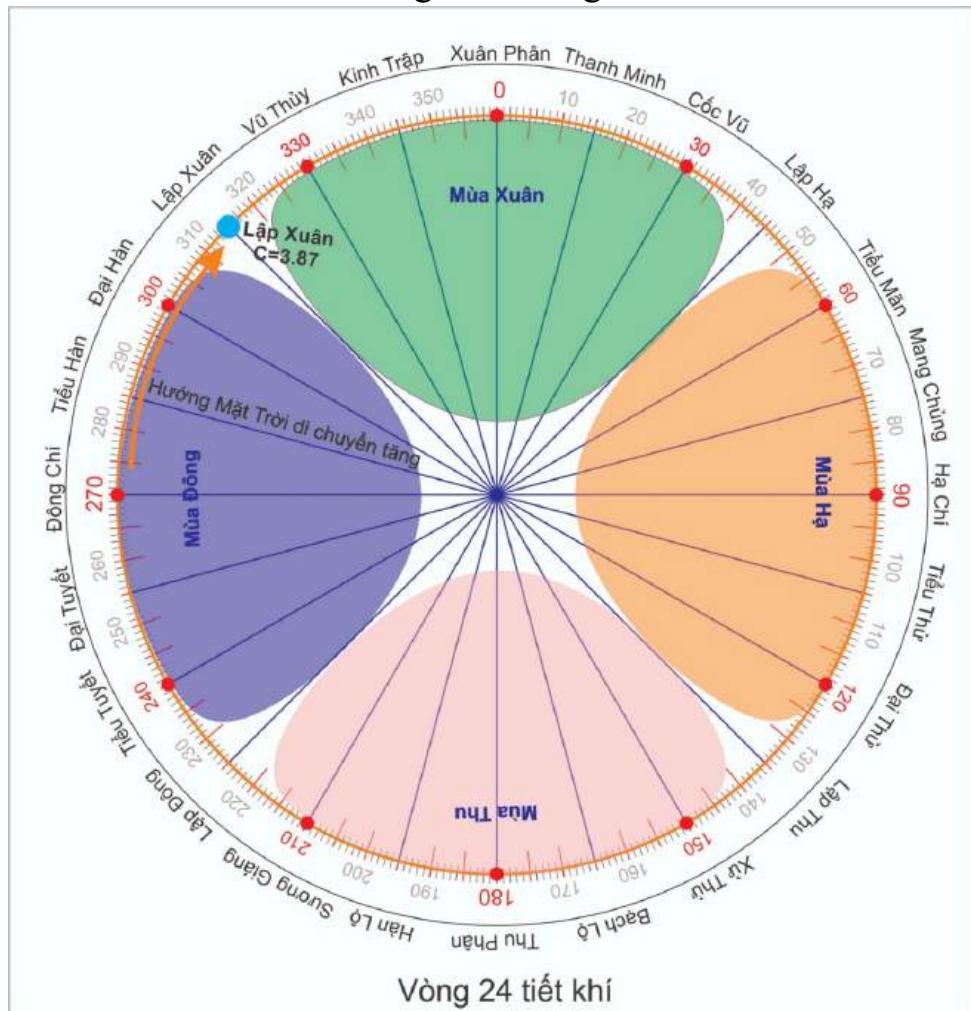
Mỗi tiết khí tương ứng với một giai đoạn khí hậu, thời tiết, năng lượng tự nhiên khác nhau, bắt đầu từ Lập Xuân và kết thúc bằng Đại Hán qua sự chuyển động liên lũy không ngừng.

Nhi thập tứ tiết khí là 24 điểm chia đều trên quỹ đạo chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời. Quay hết Một vòng là 360° , chia cho 24 thì mỗi tiết khí cách nhau 15° . Mỗi tiết khí phản ánh sự biến đổi của thời tiết và mùa màng, khí hậu và ánh sáng, được các tiền nhân ghi nhận từ hàng ngàn năm trước.

Danh sách 24 tiết khí và vị trí trên mặt phẳng hoàng đạo

Thứ tự	Tiết khí	Kinh độ Mặt Trời ($^\circ$)
1	Lập Xuân	315°
2	Vũ Thủy	330°
3	Kinh Trập	345°
4	Xuân Phân	0°
5	Thanh Minh	15°
6	Cốc Vũ	30°
7	Lập Hạ	45°
8	Tiểu Mãn	60°
9	Mang Chủng	75°
10	Hạ Chí	90°
11	Tiểu Thủ	105°
12	Đại Thủ	120°
13	Lập Thu	135°
14	Xử Thủ	150°
15	Bạch Lộ	165°
16	Thu Phân	180°
17	Hàn Lộ	195°
18	Sương Giáng	210°
19	Lập Đông	225°
20	Tiểu Tuyết	240°
21	Đại Tuyết	255°
22	Đông Chí	270°
23	Tiểu Hán	285°
24	Đại Hán	300°

Được minh họa chi tiết bằng hình vòng 24 tiết khí như bên dưới.



* Cách xác định tháng dương lịch tương ứng: Mỗi tiết khí được quy ước nằm trong một tháng cố định như sau:

Danh sách 24 tiết khí theo tháng Dương lịch

STT	Tiết khí	Tháng Dương lịch
1	Lập Xuân	2
2	Vũ Thủy	2
3	Kinh Trập	3
4	Xuân Phân	3
5	Thanh Minh	4

6	Cốc Vũ	4
7	Lập Hạ	5
8	Tiểu Mãn	5
9	Mang Chủng	6
10	Hạ Chí	6
11	Tiểu Thủ	7
12	Đại Thủ	7
13	Lập Thu	8
14	Xử Thủ	8
15	Bạch Lộ	9
16	Thu Phân	9
17	Hàn Lộ	10
18	Sương Giáng	10
19	Lập Đông	11
20	Tiểu Tuyết	11
21	Đại Tuyết	12
22	Đông Chí	12
23	Tiểu Hàn	1
24	Đại Hàn	1

Công thức chung dùng để tính ngày dương lịch của các tiết khí là:

$$D = [Y \times 0.2422 + C] - [(Y - 1)/4]$$

Trong đó:

- Y: Hai chữ số cuối của năm (ví dụ: 2026 → Y = 26)
- C: Hằng số hiệu chỉnh cho từng tiết khí
- $[(Y-1)/4]$ = hiệu chỉnh năm nhuận
- D: Ngày dương lịch tính được trong tháng tương ứng với tiết khí đó

$$D = [26 \times 0.2422 + 3.87] - [(26 - 1)/4]$$

$$D = [26 \times 0.2422 + 3.87] - [25/4]$$

$$D = [6.2972 + 3.87] - 6.25 = [10.1672] - 66.25 = 3.918$$

→ D = ngày trong tháng của tiết khí : Kết quả D = 3, tức là ngày 3 tháng 2 năm 2026 là ngày Lập Xuân.

D = 3.918 nghĩa là gì?

- “3.918” là ngày “dư thừa” kể từ đầu tháng 2 khi Mặt Trời đạt kinh độ 315° , tức Lập Xuân.

- Giá trị $3.918 = 3$ ngày + 0.918 ngày dư.

$>> 0.918$ ngày $\times 24$ giờ ≈ 22.02 giờ \rightarrow tức là khoảng 22 giờ ngày 3/2.

Vậy nên:

C = 3.87 → Lập Xuân rơi vào ngày 3/2 lúc 22 giờ trong năm gốc (1900)

Vì chuyển động của Trái Đất và Mặt Trời rất ổn định, nên từ năm 1900–2099, sai số chỉ khoảng ± 1 ngày.

Tuy nhiên, do dao động quỹ đạo (sự lệch tâm và tué sai), nên từ thế kỷ 22 trở đi, người ta điều chỉnh lại C (thường ± 0.1 – 0.2).

Bảng 24 tiết khí năm 2026, Từ bảng này chúng ta đã xác định được ngày của 24 tiết khí.

STT	Tiết Khí	Hàng số C (2001–2100, GMT+7)	Số D của năm 2026	Ngày
1	Lập Xuân	3.870	3.918	3
2	Vũ Thủy	18.730	18.777	18
3	Kinh Trập	5.628	5.675	5
4	Xuân Phân	20.910	20.957	20
5	Thanh Minh	4.810	4.857	4
6	Cốc Vũ	20.100	20.147	20
7	Lập Hạ	5.520	5.567	5
8	Tiểu Mãn	21.040	21.087	21
9	Mang Chủng	5.700	5.747	5
10	Hạ Chí	21.370	21.417	21
11	Tiểu lhurst	7.108	7.155	7

12	Đại Thủ	22.830	22.877	22
13	Lập Thu	7.500	7.547	7
14	Xử Thủ	23.150	23.197	23
15	Bạch Lộ	7.646	7.693	7
16	Thu Phân	23.042	23.089	23
17	Hàn Lộ	8.318	8.365	8
18	Sương Giáng	23.438	23.485	23
19	Lập Đông	7.438	7.485	7
20	Tiểu Tuyết	22.360	22.407	22
21	Đại Tuyết	7.180	7.227	7
22	Đông Chí	21.940	21.987	21
23	Tiểu Hàn	5.406	5.453	5
24	Đại Hàn	20.120	20.167	20

NHỊ THẬP TỨ TIẾT
Xuân Vũ Kinh Xuân Thanh Cốc Thiên
Lập xuân – Vũ thủy – Kinh trập – Xuân phân –
Thanh minh – Cốc vũ.

Hạ Mãn Mang Hạ Thủ Tương Liên
Lập hạ – Tiểu mãn – Mang chủng – Hạ chí –
Tiểu thủ – Đại thủ.

Thu Xử Lộ Thu Hàn Sương Giáng
Lập thu – Xử thủ – Bạch lộ – Thu phân –
Hàn lộ – Sương giáng.

Đông Tuyết Tuyết Đông Tiểu Đại Hàn
Lập đông – Tiểu tuyết – Đại tuyết – Đông chí –
Tiểu hàn – Đại hàn.

Cách tìm lưu NIÊN tinh.**TỬ BẠCH KHỎI NIÊN QUYẾT****Niên bạch tam nguyên cát bất đồng,**

Sao Tử Bạch (Cửu tinh) mỗi nguyên vận khởi khác nhau; sự cát – hung tùy theo tam nguyên mà định.

Thượng nguyên Giáp Tý khởi Khảm cung,

Vận 1, 2, 3 Thượng nguyên Giáp tý khởi Nhất bạch.

Giáp Tý năm đầu tiên của Thượng nguyên, sao Nhất Bạch khởi ở Khảm cung, rồi phi thuận đến các cung khác.

Trung nguyên Tứ lục trung cung khởi,

Vận 4, 5, 6 Trung nguyên Giáp tý khởi Tứ lục.

Trung nguyên (Tứ – Lục vận), sao Tứ Lục khởi ở Trung cung, rồi bắt đầu phi thuận hành.

Hạ nguyên Thất xích nghịch hành cung.

Vận 7, 8, 9 Hạ nguyên Giáp tý khởi Thất xích.

Hạ nguyên (Thất – Cửu vận), sao Thất Xích khởi tại Trung cung, phi nghịch hành (ngược chiều kim đồng hồ)

Ví dụ: Muốn biết năm 2026 sao nào nhập trung cung

Lấy $2 + 0 + 2 + 6 = 1 + 0 = 1$ (Cộng đến khi còn một con số, sẽ lấy số đó cộng với hằng số)

Lấy $1 + \text{hằng số } 4, >>> 1+4 = 5(a)$

Nếu $(a) < 6$, lấy $6 - (a)$

Nếu $(a) \geq 6$, lấy $15 - (a)$

Vậy $6 - 5 = 1$, $>>>$ sao 1 nhập cung.

Muốn truy Ngũ hoàng năm 2026, phi tinh để biết sao Ngũ Hoàng đáo phương vị nào của Cửu cung đồ.

KHỎI NGUYỆT BẠCH QUYẾT

Tý Ngọ Mão Dậu khởi Bát Bạch,

Các năm thuộc địa chi là **Tý, Ngọ, Mão, Dậu** thì khởi tinh **Bát Bạch** tại Tháng Giêng đặt tại Trung cung rồi phi tinh (Phi thuận số)

Dần Thân Tỵ Hợi Nhị Hắc cầu,

Các năm thuộc địa chi là **Dần, Thân, Tỵ, Hợi** thì khởi tinh **Nhị Hắc** (Cự mòn tinh) tại Tháng Giêng đặt tại Trung cung rồi phi tinh (Phi thuận số)

Thìn Tuất Sửu Mùi Ngũ Hoàng khởi,

Các năm thuộc địa chi là **Thìn, Tuất, Sửu, Mùi** thì khởi tinh **Ngũ Hoàng** (Liêm trinh tinh) tại Tháng Giêng đặt tại Trung cung rồi phi tinh (Phi thuận số)

Nghịch hành thuận bá bát phương du.

Sau khi xác định sao khởi (**Bát Bạch, Nhị Hắc** hoặc **Ngũ Hoàng**),

Trung cung rồi phi hành 8 cung còn lại.

* Năm Tý sao nhập cung trung của tháng Giêng là 8, tháng 2 là 7,*
Nguyệt tinh là khách, lấy sơn hướng làm chủ, luận ngũ hành sinh khắc mà đoán cát hung.

KHỎI NHẬT BẠCH QUYẾT

Nhật gia bạch pháp bất nan cầu,

Phi tinh nhật vận rất hệ thống và có quy luật, không khó như tưởng tượng

Nhị thập tứ khí Lục cung chu,

Dựa vào 24 tiết khí (Lập Xuân, Vũ Thủy, Kinh Trập...) và 6 cung phi trong Dịch học, tinh bàn hàng ngày được lập theo chu kỳ 6 cung.

Đông chí Vũ Thuỷ cập Cốc Vũ,

Lấy mốc tiết khí Đông Chí – Vũ Thủy – Cốc Vũ để khởi tinh nhật

Dương thuận, Nhất, Thất, Tứ trung du,
Khi dương thuận hành, các sao Nhất Bạch – Thất Xích – Tứ Lục sẽ
phi tuần tự qua Trung cung

Hạ Chí, Xử Thủ, Sương Giáng hậu,
Từ Hạ Chí – Xử Thủ – Sương Giáng, thuộc thời kỳ dương suy → tinh
phi nghịch hành.

Cửu, Tam, Lục tinh nghịch hành cầu.

Khi phi tinh **nghịch hành**, sao **Cửu Tử – Tam Bích – Lục Bạch** sẽ tuần tự đi ngược chiều kim đồng hồ, ứng với từng ngày sau tiết khí trên.

1. Xác định xem đang ở tiết nào.

* Nếu là sau **Đông chí**: 1; sau **Vũ thủy**: 7; sau **Cốc vũ**: 4, đi thuận (ngược chiều kim đồng hồ nhưng số tăng dần).

* Nếu là sau **Hạ chí**: 9; sau **Xử thủ**: 3; sau **Sương giáng**: 6, đi nghịch (ngược chiều kim đồng hồ nhưng số giảm dần).

2. Giáp khởi tại Địa chi ngày hôm đó tính tiếp: Ất, Bính, Đinh... đến Thiên can ngày hôm đó thì dừng lại và ghi nhớ vị trí đó để xem nó thuộc giáp nào.

3. Từ Giáp Tý (tại Tý) cách đốt ngón tay đi ngược chiều kim đồng hồ đến vị trí Thiên can đã tính ra ở trên, sau đó đi thuận chiều kim đồng hồ liên tiếp đến Địa chi ngày hôm đó để biết sao nào nhập trung cung.

KHỎI THỜI BẠCH QUYẾT

Tam nguyên thời bạch, nhật tương đồng,

Thượng nguyên – Trung nguyên – Hạ nguyên → phi tinh giờ trong một ngày phải xuất phát từ tinh bàn của chính ngày đó, tức căn cứ vào sao lưu ngày (Lưu Nhật Phi Tinh) để khởi tinh giờ.

Dương thuận, Âm nghịch, nhập cung trung,

Dương thuận hành, Âm nghịch hành. Tinh sau khi khởi được nhập vào Trung cung làm trung điểm để phi ra các cung còn lại

Đông chí Nhất, Tú, Thất, dương ký,
 Từ **Đông Chí**, các sao **Nhất Bạch – Tú Lục – Thất Xích** phi thuận hành,
 biểu thị dương khí thịnh trong mùa đông dương đầu năm.

Hạ chí Cửu, Lục, Tam thị tông,
 Từ **Hạ Chí**, các sao **Cửu Tú – Lục Bạch – Tam Bích** phi nghịch hành,
 biểu thị âm khí tăng trong mùa hè âm thịnh

Thiên Nhất Cửu, Địa Tú Lục, Nhân Thất Tam.
 Quy tắc phi tinh theo Thiên – Địa – Nhân, Thiên tinh: **Nhất, Cửu, Địa**
 tinh: **Tú, Lục, Nhân** tinh: **Thất, Tam**

Nhất, Tú, Thất vi dương: thuận.

TÚ LUU TINH BÀN					
STT	CẠN CHỈ	NIÊN	NGUYỆT	NHẬT	THỜI
Sao Nhất – Tú – Thất là dương tinh, phi thuận hành					

Tam, Lục, Cửu vi âm: nghịch.
 Sao **Tam – Lục – Cửu** là âm tinh, phi **nghịch hành**.

Xem ngày hôm đó thuộc Địa chi nào để xác định nguyên long.

Thiên nguyên long:

- * Sau **Đông chí** thì giờ Tý là: **1**, đi thuận chiều kim đồng hồ, **đêm thuận**.
- * Sau **Hạ chí** thì giờ Tý là: **9**, đi thuận chiều kim đồng hồ, **đêm nghịch**.

Địa nguyên long:

- * Sau **Đông chí** thì giờ Tý là: **4**, đi thuận chiều kim đồng hồ, **đêm thuận**.
- * Sau **Hạ chí** thì giờ Tý là: **6**, đi thuận chiều kim đồng hồ, **đêm nghịch**.

Nhân nguyên long:

- * Sau **Đông chí** thì giờ Tý là **7**, đi thuận chiều kim đồng hồ, **đêm thuận**.
- * Sau **Hạ chí** thì giờ Tý là: **3**, đi thuận chiều kim đồng hồ, **đêm nghịch**.

Sau khi tổng hợp ta được bảng Tú Lưu Niên như sau:

3. Cách tính Quẻ giờ Mùi trong ngày, Số lý của Năm, Tháng, Ngày, Giờ theo Âm lịch.

Năm	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Số lý	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số lý	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Số lý	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

Ngày	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Số lý	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30

Giờ	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tị	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Thời gian	23:00 -01:00	01:00 -03:00	03:00 -05:00	05:00 -07:00	07:00 -09:00	09:00 -11:00	11:00 -13:00	13:00 -15:00	15:00 -17:00	17:00 -19:00	19:00 -21:00	21:00 -23:00
Số lý	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Tìm Tiên tượng & Hậu tượng tại giờ Mùi.

Lấy số lý của: Năm + (cộng) Tháng + (cộng) Ngày: (chia) 8 hoặc – (trừ) 8 để tìm số dư. Nếu số dư bằng 0 thì số lý của tiên tượng là 8, ngược lại Số dư nhỏ hơn 8 thì chính số dư đó là Tiên tượng tại giờ Mùi ngày hôm đó.

Tìm Hào động tại giờ Mùi.

Lấy **số lý** của: Năm + (cộng) Tháng + (cộng) Ngày + (cộng) Giờ Mùi (8): (chia) 6 hoặc – (trừ) 6 để tìm số dư. Nếu số dư bằng 0 thì số Hào động là 6, ngược lại Số dư nhỏ hơn 6 thì chính số dư đó là Hào động tại giờ Mùi ngày hôm đó.

Và sau khi tính toán VD: ta có kết quả là 3 (Tiên tượng Hậu tượng) bằng nhau và Hào động là 1, (3^1)

Vậy là chúng ta có quẻ của ngày cần tìm.

Đến đây chúng ta sẽ được lịch như sau;

SỐ T	CAN CHI	NIÊN			NGUYỆT	NHẬT			THỜI	
		Thượng Nguyên	Trung Nguyên	Hạ Nguyên		Đông Lưỡng Hàn Xuân (Đông chi, Triều Hán, Đại Hán, Lập Xuân)	Vũ Kinh Xuân Thành (Vũ Thú, Cảnh Tráp, Xuân Phản, Thành Minh)	Cốc Hạ Mãn Mang (Cốc Vũ, Lập Hạ, Triều Mãn, Mang Chung)		
1	Giáp	Tý	1	4	7	8-	1	7	9	3
2	Ất	Sửu	9	3	6	5-	2	8	5	2
3	Bính	Dần	8	2	5	2-	3	9	6	7
4	Đinh	Mão	7	1	4	8-	4	1	7	6
5	Mậu	Thìn	6	9	3	5-	5	2	8	5
6	Kỷ	Tị	5	8	2	2-	6	3	9	4
7	Canh	Ngọ	4	7	1	8-	7	4	1	3
8	Tân	Mùi	3	6	9	5-	8	5	2	2
9	Nhâm	Thân	2	5	8	2-	9	6	3	1
10	Quý	Dậu	1	4	7	8-	1	7	4	9
11	Giáp	Tuất	9	3	6	5-	2	8	5	2
12	Ất	Hợi	8	2	5	2-	3	9	6	7
13	Bính	Tý	7	1	4	8-	4	1	7	6
14	Đinh	Sửu	6	9	3	5-	5	2	8	5
15	Mậu	Dần	5	8	2	2-	6	3	9	4
16	Kỷ	Mão	4	7	1	8-	7	4	1	3
17	Canh	Thìn	3	6	9	5-	8	5	2	2
18	Tân	Tị	2	5	8	2-	9	6	3	1
19	Nhâm	Ngọ	1	4	7	8-	1	7	4	9
20	Quý	Mùi	9	3	6	5-	2	8	5	8
21	Giáp	Thân	8	2	5	2-	3	9	6	7
22	Ất	Dậu	7	1	4	8-	4	1	7	6
23	Bính	Tuất	6	9	3	5-	5	2	8	5
24	Đinh	Hợi	5	8	2	2-	6	3	9	4
25	Mậu	Tý	4	7	1	8-	7	4	1	3
26	Kỷ	Sửu	3	6	9	5-	8	5	2	2
27	Canh	Dần	2	5	8	2-	9	6	3	1
28	Tân	Mão	1	4	7	8-	1	7	4	7
29	Nhâm	Thìn	9	3	6	5-	2	8	5	8
30	Quý	Tị	8	2	5	2-	3	9	6	7
									Sau Đông Chí	Sau Hạ Chí

STT	CAN CHI		Thượng Nguyên	Trung Nguyên	Hạ Nguyên	NGUYỆT	NHẬT					THỜI	
							Dông luồng Hán Xuân	Vũ Kinh Xuân Thành	Cốc Hà Mǎn Mang	Hạ Thủ liên Thủ	Xử Lộ Thủ Hán		
31	Giáp	Ngọ	7	1	4	8-	4	1	7	6	9	1+	9-
32	Ất	Mùi	6	9	3	5-	5	2	8	5	8	4+	6-
33	Bính	Thân	5	8	2	2-	6	3	9	4	7	1	7+ 3-
34	Đinh	Dậu	4	7	1	8-	7	4	1	3	6	9	1+ 9-
35	Mậu	Tuất	3	6	9	5-	8	5	2	2	5	8	4+ 6-
36	Kỷ	Hợi	2	5	8	2-	9	6	3	1	4	7	7+ 3-
37	Canh	Tý	1	4	7	8-	1	7	4	9	3	6	1+ 9-
38	Tân	Sửu	9	3	6	5-	2	8	5	8	2	5	4+ 6-
39	Nhâm	Dần	8	2	5	2-	3	9	6	7	1	4	7+ 3-
40	Quý	Mão	7	1	4	8-	4	1	7	6	9	3	1+ 9-
41	Giáp	Thìn	6	9	3	5-	5	2	8	5	8	2	4+ 6-
42	Ất	Tị	5	8	2	2-	6	3	9	4	7	1	7+ 3-
43	Bính	Ngọ	4	7	1	8-	7	4	1	3	6	9	1+ 9-
44	Đinh	Mùi	3	6	9	5-	8	5	2	2	5	8	4+ 6-
45	Mậu	Thân	2	5	8	2-	9	6	3	1	4	7	7+ 3-
46	Kỷ	Dậu	1	4	7	8-	1	7	4	9	3	6	1+ 9-
47	Canh	Tuất	9	3	6	5-	2	8	5	8	2	5	4+ 6-
48	Tân	Hợi	8	2	5	2-	3	9	6	7	1	4	7+ 3-
49	Nhâm	Tý	7	1	4	8-	4	1	7	6	9	3	1+ 9-
50	Quý	Sửu	6	9	3	5-	5	2	8	5	8	2	4+ 6-
51	Giáp	Dần	5	8	2	2-	6	3	9	4	7	1	7+ 3-
52	Ất	Mão	4	7	1	8-	7	4	1	3	6	9	1+ 9-
53	Bính	Thìn	3	6	9	5-	8	5	2	2	5	8	4+ 6-
54	Đinh	Tị	2	5	8	2-	9	6	3	1	4	7	7+ 3-
55	Mậu	Ngọ	1	4	7	8-	1	7	4	9	3	6	1+ 9-
56	Kỷ	Mùi	9	3	6	5-	2	8	5	8	2	5	4+ 6-
57	Canh	Thân	8	2	5	2-	3	9	6	7	1	4	7+ 3-
58	Tân	Dậu	7	1	4	8-	4	1	7	6	9	3	1+ 9-
59	Nhâm	Tuất	6	9	3	5-	5	2	8	5	8	2	4+ 6-
60	Quý	Hợi	5	8	2	2-	6	3	9	4	7	1	7+ 3-

THÁNG GIÊNG (Canh Dần) - NĂM BÍNH NGỌ (1) - 2026

THỨ	AL	DL	CAN CHI	NGUYỆT	NHẬT	THỜI	QUẾ		GHI CHÚ
Ba	1	17/2	Nhâm Tuất	∞	5	4+	1	5	
Tư	2	18	Vũ Thủy		3	7+	2	6	
Năm	3	19	Giáp Tý		7	1+	3	1	
Sáu	4	20	Ất Sửu		8	4+	4	2	
Bảy	5	21	Bính Dần		9	7+	5	3	
CN	6	22	Đinh Mão		1	1+	6	4	
Hai	7	23	Mậu Thìn		2	4+	7	5	
Ba	8	24	Kỷ Tị		3	7+	8	6	
Tư	9	25	Canh Ngọ		4	1+	1	1	
Năm	10	26	Tân Mùi		5	4+	2	2	
Sáu	11	27	Nhâm Thân		6	7+	3	3	
Bảy	12	28	Quí Dậu		7	1+	4	4	
CN	13	1/3	Giáp Tuất		8	4+	5	5	
Hai	14	2	Ất Hợi		9	7+	6	6	
Ba	15	3	Bính Tý		1	1+	7	1	
Tư	16	4	Đinh Sửu		2	4+	8	2	

Niên lịch Dịch học đường Tâm Thanh không chỉ là một công cụ thời gian, mà còn là một bản đồ của minh triết, mở ra con đường Hiểu mình – Hiểu đời – Thuận thiên hành đạo.

Hy vọng rằng mỗi độc giả, khi lật giở từng trang niên lịch, đều cảm nhận được hơi thở của vũ trụ, ánh sáng của trí tuệ, và lòng an nhiên giữa vòng quay bất tận của thời gian.

TRAO ĐỔI: SAO NHỊ HẮC THỒ TRONG VẬN 9 – MỘT SAO LUÔNG TÍNH GIỮA CÁT VÀ HÙNG?

Minh Thanh

Trong quá trình đi làm phong thủy thực địa, tôi có nhiều dịp quan sát ảnh hưởng của sao Nhị Hắc Thổ trong vận mới - Vận 9 (2024 – 2043).

Đây là một chủ đề rất đáng để suy ngẫm, bởi dù theo lý thuyết Huyền Không Phi Tinh, Nhị Hắc đã bước vào thời kỳ “*Tiến Khí*” - tức là có xu hướng hóa cát - nhưng trên thực tế, sát khí của nó vẫn chưa hoàn toàn tan biến.

Bước sang vận 9, Nhị Hắc chuyển từ Suy sang Vượng, từ Hung Tinh hóa thành Cát Tinh. Tôi thường nói vui rằng: “*Sang vận 9 sao Nhị Hắc cải tà quy chính.*” Vì thế, dù đang được sinh trợ bởi hành Hỏa, Nhị Hắc vẫn ẩn chứa nhiều biến động khó lường.

Nhị Hắc là Bệnh Phù tinh, từ đầu vận 3 đến hết vận 8, nó rơi vào trạng thái suy, chủ về bệnh tật, tai ương, đặc biệt ảnh hưởng đến phụ nữ trung niên và sức khỏe của nữ chủ nhà.

Bước sang Vận 9, hành Hỏa vượng, mà Hỏa sinh Thổ, nên Nhị Hắc được sinh khí – có cơ hội hóa hung thành cát. Tuy nhiên, bản chất Thổ âm vẫn tồn tại, khiến sao này trở thành một sao luông tính, vừa mang phúc đến lại vừa tiềm ẩn hung họa.

Trong những năm đầu vận 9 (2024–2027), khi khí trường đang chuyển vận, Nhị Hắc thường biểu hiện rõ nét “cát hung song hành”:

- Nếu loan đầu ứng hợp phi tinh, gặp Hỏa sinh trợ → sinh tài, sinh điền sản, đặc biệt tốt cho nữ chủ.
- Nếu bô cục thất cách, bị Thủy khắc Thổ → dễ phát sinh tranh cãi, bệnh tật, ly tán.

Năm 2025, tôi gặp hai ngôi nhà cùng hướng Tuất (300°) – cùng chịu ảnh hưởng của Nhị Hắc đáo môn, nhưng sự tác động lại cho ra 2 kết quả trái ngược hoàn toàn:

1. Nhà thứ nhất: Nhị Hắc đáo môn → vợ chồng ly hôn.
2. Nhà thứ hai: Nhị Hắc đáo môn → mua thêm đất, sinh tài đắc lợi.

Hai trường hợp này khiến tôi càng tin rằng: “*Sao không tự cát, cũng chẳng tự hung; cát hung là do cách bố trí phong thủy trong nhà có phù hợp không và do lối sống của con người quyết định.*”

Cùng là một sao, nhưng kết quả khác biệt – bởi sự khác nhau trong cục khí, hành vận và nhân khí của mỗi gia đình.

Kết luận:

Trong Vận 9, sao Nhị Hắc Thổ không còn hoàn toàn là *Hung tinh*, nhưng cũng chưa thật sự trở thành *Phúc tinh*. Nó là một sao Lưỡng tính – ở giữa sáng và tối, sinh và sát.

Hiểu và áp dụng đúng, Nhị Hắc có thể sinh tài, sinh điền sản. Áp dụng sai, có thể sinh họa, chia ly.

Và chính điều đó là nghệ thuật – cũng như thử thách lớn nhất của người làm phong thủy trong thời vận mới.

TRÀ ĐÀM DỊCH LÝ VIỆT NAM

Võ Thành Nhân

(Đây là 1 kịch bản để dựng phim ngắn trên Youtube bằng công nghệ AI)

Trong không gian yên tĩnh tại một quán trà truyền thống, có 2 người cùng nhau thưởng trà đàm đạo về đề tài Dịch Lý Báo Tin. Trên bàn có 3 quyển **Kinh Dịch Xưa và Nay** đang mở ra, cạnh bên là laptop của Đạt đang bật màn hình mã hóa nhị phân.

Nhân: (*nhấp một ngụm trà*)

Đạt này, hôm nay ngồi đây suy ngẫm lại, anh thấy thật thú vị. Trước đây, anh cứ luôn tự hỏi, làm sao mà chỉ với 64 quẻ Dịch lại có thể lý giải được muôn trùng sự vật, hiện tượng trong vũ trụ? Chỉ có 64 quẻ thôi đấy! Quá đơn giản so với cái thế giới phức tạp này.

Đạt: (*gật đầu, chỉ vào bộ sách trên bàn*)

Em cũng nghĩ như thế, anh à. Hồi mới nghiên cứu bộ Kinh Dịch Xưa và Nay này, em cứ cảm thấy khó tin. Nhưng giờ càng học càng thấy thâm thúy. Thật sự, chỉ cần những **vạch đứt – vạch liền** trong 64 quẻ, mà có thể suy xét mọi thứ từ vũ trụ bao la, đất trời, vận mệnh cho đến những sự kiện hàng ngày... Quá ư kỳ diệu!

Nhân: (*mỉm cười*)

Đúng là kỳ diệu. Nhưng rồi anh liên tưởng đến một thứ rất hiện đại – công nghệ thông tin. Em có để ý không, chỉ với hai ký hiệu cơ bản, 0 và 1 (*có điện - không có điện*), **hệ Nhị phân** đã xây dựng nên cả thế giới số mà chúng ta đang sống. Mọi thứ phức tạp trong máy tính đều từ hai ký hiệu đơn giản đó mà ra.

Đạt: (*đôi mắt sáng lên*)

Anh nói đúng! Hệ Nhị phân chỉ có 0 và 1, và từ đó phát triển thành 64 bit – nền tảng của mọi thứ trong máy tính. Cả trò chơi, video, hệ điều hành... tất cả đều bắt đầu từ hai con số ấy. Chẳng phải giống với Dịch Lý sao? **Lưỡng Nghi** là **Âm và Dương**, từ đó mà phân thành **Bát Quái**, rồi lại phát triển thành **64 quái**. Rõ ràng có một sự tương đồng đáng ngạc nhiên!

Nhân: (*gật đầu, hứng khởi*)

Chính xác! Anh nghĩ, điều mà người xưa đã khám phá từ ngàn năm trước là Dịch Lý, là kiến thức nền tảng được mã hóa thành vạch đứt vạch liền, một cách nhìn tổng thể và toàn diện về sự vận hành của vũ trụ. Giống như 0 và 1 mã hóa mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới số; thì Âm và Dương mã hóa toàn bộ sự vật, hiện tượng trong thế giới tự nhiên.

Đạt: (*phản khích*)

Vậy là có thể nói, cả Dịch và công nghệ thông tin đều đi từ những nền tảng đơn giản nhưng lại bao hàm toàn bộ cái phức tạp. Có khi nào... các bậc tiền bối đã thấu hiểu sâu sắc điều này và truyền lại cho hậu thế thông qua khoa học Dịch lý? Mỗi quê, mỗi biến dịch, chính là một dạng “công thức” giúp ta nhìn ra mọi sự vật, hiện tượng từ góc độ tổng quát nhất.

Nhân: (*cười*)

Anh tin là vậy. Quê Dịch giống như một tập hợp dữ liệu, trong đó mọi khả năng có thể xảy ra đều được mã hóa. Điều này giúp chúng ta suy xét không chỉ một cách cứng nhắc, mà còn linh hoạt theo từng bối cảnh, sự kiện. Chính cái nền tảng Lưỡng Nghi đó đã phát triển thành 64 trạng thái, giúp chúng ta phân tích được toàn diện mọi thứ.

Đạt: (*suy tư*)

Nếu nghĩ theo hướng này, em lại càng thấy con đường học Dịch không có điểm dừng. Giống như công nghệ thông tin luôn tiến hóa không ngừng, Dịch Lý cũng là một môn học giúp ta không ngừng mở mang tri thức. Cứ mỗi lần chiêm nghiệm một quê là một lần thấy rõ hơn về sự vận hành của cuộc đời.

Nhân: (*gật đầu đồng tình*)

Anh cũng nghĩ vậy. Có lẽ cái hay của Dịch Lý chính là nó không chỉ dừng ở việc giải thích sự vật hiện tượng. Nó còn giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn về bản chất của vạn vật, từ cái nhỏ nhất đến cái lớn nhất, từ quá khứ đến hiện tại, tương lai. Và nếu nhìn sâu hơn, chúng ta sẽ thấy sự tương đồng giữa các nguyên lý của Dịch và khoa học hiện đại.

Đạt: (*mỉm cười*)

Anh nhắc em nhớ đến câu “Thiên hạ chi lý, nhất Dịch nhi dĩ”. Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà Dịch được gọi là “căn nguyên của mọi lý”. Giờ em thấy càng đúng, giống như trong công nghệ, từ những nguyên tắc cơ bản nhất, người ta có thể phát triển ra vô vàn ứng dụng, lý giải cả thế giới.

Nhân:

“Thiên hạ chi lý, nhất Dịch nhi dĩ” nghĩa là: “Lý lẽ của thiên hạ, chỉ từ Dịch mà ra”. Câu này thể hiện quan điểm rằng mọi lý lẽ, nguyên tắc vận hành trong vũ trụ đều có thể được giải thích thông qua Dịch Lý, tức là nguyên lý Âm - Dương, sự biến đổi của các quẻ trong Kinh Dịch.

Đạt:

Như vậy, Dịch Lý không chỉ là một công cụ để hiểu về tự nhiên mà còn là nền tảng của mọi quy luật trong cuộc sống, từ những điều nhỏ nhặt trong đời thường đến những hiện tượng vĩ mô của vũ trụ. Dịch ở đây không chỉ là một hệ thống bói toán hay triết lý cổ xưa, mà còn được hiểu là bản chất biến dịch, chuyển hóa của mọi sự vật, hiện tượng, từ đó dẫn đến sự phát triển và tiến hóa.

Nhân: (*nâng chén trà*)

Đạt này, vậy thì chúng ta càng phải động viên nhau cùng học hỏi, chiêm nghiệm môn học ảo diệu này. Mỗi lần suy xét một quẻ, cũng như mỗi lần lập trình một chuỗi lệnh, đều là cơ hội để ta hiểu thêm về vũ trụ, về cuộc sống và chính mình.

Đạt: (*cười lớn, nâng chén trà cùng Nhân*)

Đúng rồi, anh Nhân! Chúng ta nên tiếp tục hành trình này. Dịch Lý quả là một môn học tuyệt vời, chẳng khác nào công nghệ của vũ trụ!

Nhân:

Vậy chúng ta hãy cùng nhau đọc và nghiên ngẫm 3 quyển **Kinh Dịch Xưa và Nay** để để liễu tri những kiến giải uyên thâm mà Thầy Tổ Dịch Lý Sĩ Xuân Phong Nguyễn Văn Mỳ đã gửi gắm trong khoa học Dịch Lý Việt Nam.

Cả hai cùng uống trà, không khí vừa trầm mặc vừa đầy hứng khởi khi họ bàn về những bí ẩn và sự kỳ diệu của Dịch Lý.

KHÍ TRONG PHONG THỦY: GIẢI MÃ LINH HỒN CỦA VẬN VẬT

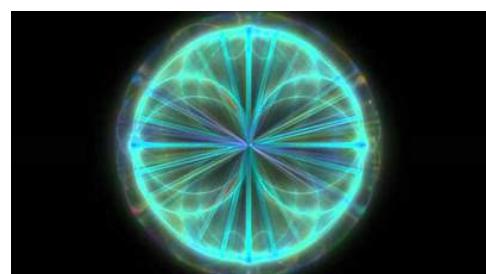
Đắc Thanh

Khái niệm Khí trong phong thủy là một chủ đề quen thuộc nhưng rất khó để giải thích một cách cặn kẽ. Có nhiều cách hiểu giống, khác nhau về khí:

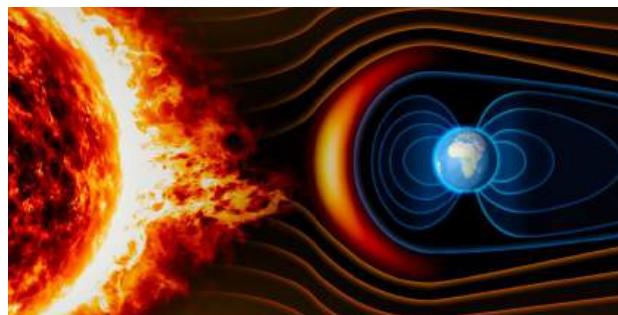
Là nguồn năng lượng của sự hình thành và phát triển của vận vật, ví như nhiên liệu cho động cơ... là một dạng tồn tại của vật chất, tính chất của khí phụ thuộc vào tính chất cấu trúc và tương tác của các vật thể vật chất... khí là tinh túy, linh hồn và phần quan trọng nhất của vận vật. Đó là năng lượng hợp nhất, bao gồm toàn bộ, lan tỏa và là phần cốt yếu của thiên, địa và nhân.

Trong cuốn sách bán chạy nhất của mình là “Đạo của vật lý” (*The Tao of Physics*), Fritjof Capra đưa ra sự tương quan: “Giống như trường lượng tử, khí được hình dung là một dạng vật chất loãng và không thể nhận biết, tồn tại trong không gian và có thể tụ lại thành các vật thể rắn. Khí không chỉ là phần cốt yếu của mọi vật thể, mà còn chứa sự tương tác giữa các vật thể dưới dạng sóng”.

Đơn giản hơn, khí là chất liệu của vận vật và là cái ẩn chứa trong vận vật... Khí luôn luôn vận động, khí biến chuyển không ngừng, khí tích tụ, phân tán, nở ra và co lại... Khí là những luồng năng lượng di chuyển không thể nhìn thấy được bằng mắt thường và cũng không thể cảm nhận được bằng bất cứ giác quan nào của con người trừ giác quan thứ 6. Gió là một hiện tượng trong tự nhiên giúp đưa khí luân chuyển trong 1 không gian. Khí không giống với gió nên không thể quan niệm rằng những nơi nào có gió thì có khí.



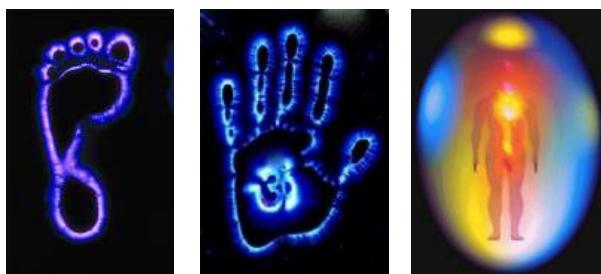
Hình 1. Khí bao xung quanh nguyên tử

*Hình 2. Khí trong vũ trụ*

Có một cách diễn giải khác, họ hình dung Khí như những **hạt bụi ion nhỏ li ti**, vô hình bay lơ lửng trong không khí. Giống như gió không phải là khí nhưng gió là phương tiện chuyên chở khí, gió mạnh thì bụi bay tán loạn, gió nhẹ thì bụi lắng xuống. Khí thừa phong tán, mạch ngộ thủy chỉ (*khí gấp gió thì tán, gấp nước thì dừng*), nhấn mạnh rằng khí không tồn tại độc lập mà luôn tương tác với môi trường.

Kết luận lại, chúng ta gom cả bốn ý tưởng: nhiên liệu vận hành này, sản phẩm tương tác vật chất, trường năng lượng vũ trụ và các hạt ion từ thì chúng ta sẽ có một định nghĩa tổng hợp khá là vững chắc. Có thể đúc kết, **khí là năng lượng phát sinh từ vật chất và tồn tại trong môi trường bao quanh vật chất đó**. Nó có thể mang nhiều tên gọi hiện đại khác như: trường năng lượng, trường điện từ, địa từ trường, trường sinh học... bản chất đều là một. Nói tóm lại khí là bản thể còn hình dạng là hình thể, hay khí là thể hình dạng là dụng. Thể quyết định sự tồn tại của dụng.

*Hình 3. Khí xung quanh vật thể*

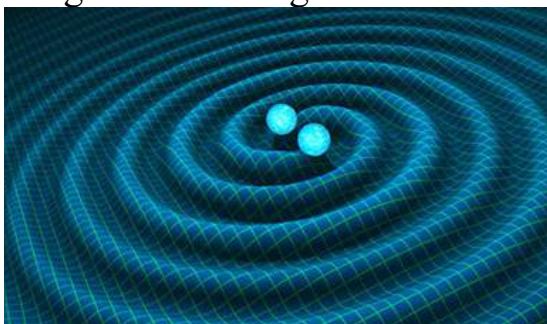


Hình 4. Khí xung quanh con người



Hình 5. Mô tả về Trường Khí

Vậy cái gì đã tạo ra trường năng lượng này? Câu trả lời kinh điển của Dịch học rất đơn giản nhưng rất sâu sắc. **Nhất âm nhất dương chi vị đạo**, có thể hiểu nôm na là ở đâu có sự tương tác giữa hai thái cực Âm và Dương, ở đó có năng lượng sinh ra, đó chính là nguồn gốc của khí. Nó giống như một cục pin, bản thân cực âm hay cực dương thì không làm được gì cả, nhưng khi chúng được kết nối, một dòng điện tức là năng lượng sẽ chảy qua. Một ví dụ khác như Bluetooth chẳng hạn, điện thoại và cái tai nghe đều là vật thể riêng biệt, nhưng khi chúng giao tiếp với nhau thì một trường năng lượng vô hình mang thông tin được tạo ra giữa chúng. Ngay cả trong mối quan hệ giữa người với người. Sự hấp dẫn tình cảm giữa hai người khác giới cũng là một dạng khí mạnh mẽ sinh ra từ sự tương tác âm dương.



Hình 6. Âm Dương giao nhau phát sinh Khí



Hình 7. Khí phát khi Nam Nữ tương giao

Vậy làm thế nào để chúng ta nhận biết, phân tích nó trong thực tế mà không cần đến những thiết bị đo đặc phức tạp?

Đây chính là phần thực tiễn và thú vị nhất, các bậc thầy phong thủy xưa đã hệ thống hóa một bộ công cụ gồm **ba yếu tố** để đọc khí, chỉ bằng các giác quan thông thường.

Đầu tiên và cơ bản nhất là **Hình Khí** - *Hình nào khí đó*, có nghĩa là hình dạng của một vật sẽ quyết định tính chất của dòng năng lượng mà nó phát ra. Ví dụ: một ngọn núi hình dáng nhọn hoắt sẽ phát ra một loại năng lượng khác hẳn một ngọn đồi tròn trịa, thoai thoái; một vật nhọn dù là tòa nhà chọc trời hay mũi dao đều phát ra năng lượng có tính chất tập trung mạnh mẽ, có phần hung hăng. Ngược lại, một vật có đường cong mềm mại, dù là một ngọn đồi hay một chiếc ghế bành đều phát ra năng lượng có tính bao bọc, nuôi dưỡng hơn. Cũng giống như khí động học vậy, hình dạng của chiếc xe sẽ quyết định luồng không khí di chuyển xung quanh nó như thế nào?

Yếu tố thứ hai là **Lượng Khí** tức là quy mô và số lượng. Một tòa nhà chọc trời đơn độc sẽ có trường khí khác hẳn với hai tòa nhà chọc trời đứng san sát nhau. Khi các vật thể kết hợp lại, chúng không chỉ cộng dồn lượng khí mà còn có thể **tạo ra một trường khí hoàn toàn mới**. Sự tương tác giữa hai tòa nhà đó đôi khi lại tạo ra một trường khí mới ở giữa, là những luồng gió hút rất mạnh mà người ta hay gọi là **hiệu ứng đường hầm gió**.

Yếu tố thứ ba quyết định chiều sâu đó là **Chất Khí** - **Bản chất vật liệu** làm nên vật đó. Vật liệu khác nhau thì năng lượng, từ trường khác nhau. Vòng tay đá, năng lượng khác vòng bằng gỗ,... Về hình và lượng thì chúng giống hệt nhau nhưng chỉ có chuỗi thạch anh tự nhiên, thứ đã nấm hàng triệu năm trong lòng đất, hấp thụ năng lượng của trái đất mới thực sự có chất khí mạnh mẽ. Lời của người bán hàng ngoài yếu tố marketing cũng có phần khoa học của nó.

Khi ta nhìn rộng ra, áp dụng ba yếu tố này vào quy mô lớn hơn, ta sẽ thấy sự phân biệt giữa **Địa mạo học** chính là nghiên cứu về hình khí, hình dáng của núi sông, trong phong thủy gọi là “long mạch”. Còn **Địa chất học** lại nghiên cứu về Chất Khí, thành phần của đất đá, vị trí của các mỏ khoáng sản. Một vùng đất có nhiều quặng sắt sẽ có từ trường rất khác và chất khí ở đó cũng sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ, lâu dài có thể tác động đến

hệ tuần hoàn máu, đến các quá trình sinh học trong cơ thể, sức khỏe của các sinh vật sống bên trên.

Tóm lại, để cảm nhận đầy đủ về năng lượng của một địa điểm, ta phải kết hợp cả ba: **nhìn (Hình Khí), cảm nhận (Lượng Khí) và phân tích bản chất (Chất Khí)**. Vậy câu hỏi thực tế trong thời đại này là **chúng ta có thể đo khí bằng máy bằng những con số cụ thể không?**

Câu trả lời là Có, ta có thể đo được rất nhiều biểu hiện của khí: nồng độ, bước sóng... định lượng các khía cạnh khác nhau của khí. Tuy nhiên, chúng ta không thể có một con số duy nhất để đại diện cho toàn bộ khái niệm khí, vì khí là một khái niệm tổng hòa. Nó giống như ta cố gắng đo sức khỏe của một người bằng một con số duy nhất vậy. Có thể đo nhiệt độ, huyết áp, nhịp tim, nhưng không con số nào trong đó có thể diễn tả trọn vẹn trạng thái khỏe mạnh của người đó cả. Cũng không có cái máy nào có thể trả lời câu hỏi ngôi nhà này có bao nhiêu phần trăm khí âm, bao nhiêu phần trăm khí dương? Vì khí là một tổng thể phức hợp. Điều này dẫn đến một nguyên lý rất sâu sắc trong triết học Đông Phương. **Trong âm có dương, trong dương có âm, không có gì là thuần khiết 100% cả**, khi ta nói một nơi có âm khí nặng, điều đó có nghĩa là phần âm trong nó trội hơn, có thể là 60–70% chứ không phải nó hoàn toàn là âm. Máy móc rất khó để đo lường sự cân bằng vi tế đó, chỉ dựa vào **cảm nhận tinh nhạy của con người. Khi âm khí hoặc dương khí thái quá sẽ thành Sát Khí, hài hòa thì Sinh Khí**.

Một vấn đề thực tế, khi tôi cảm nhận được tất cả các loại khí xung quanh mình, vậy làm sao tôi biết được **cái nào tốt và cái nào xấu? Nhìn tượng biết lý, tượng nào lý đó**. Về cơ bản thì phong thủy chia khí thành hai loại đối lập giống như hai mặt của một đồng xu vậy: **Sinh Khí và Sát Khí**.

Sinh khí là luồng năng lượng tích cực, hài hòa, khi tiếp xúc với nó, con người cảm thấy sảng khoái, minh mẫn, thư thái. Đặc điểm di chuyển của sinh khí là **mềm mại, nhẹ nhàng, êm ái, uốn lượn, từ tốn**. Nó thường được tìm thấy ở những nơi không khí trong lành, cây cối xanh tốt, gần những dòng sông sạch chảy quanh co. Cảm giác khi đứng ở một nơi có nhiều sinh khí thường là mát mẻ, dễ chịu, rất dễ chịu, giống như cảm giác khi mình đứng dưới một tán cây cổ thụ vào một ngày hè oi ả. Nếu ta đào một cái ao ở vùng có sinh khí, nước ao sẽ tự nhiên trong và sạch, cá tôm trong đó cũng khỏe mạnh, linh hoạt.

Và ngược lại là Sát Khí, đây là năng lượng tiêu cực. Ở lâu trong môi trường có sát khí sẽ gây cảm giác mệt mỏi, uể oải, đầu óc trì trệ, tù túng, bất an thậm chí sinh bệnh tật. Đặc điểm của sát khí là **di chuyển rất mạnh, nhanh, ào ạt theo đường thẳng**, trong phong thủy gọi là “Trục xung”; hoặc tù hâm, hôi hám. Cảm giác khi ở trong vùng sát khí là sự ngọt ngạt, nóng bức khó chịu hoặc những luồng gió hun hút lạnh lẽo và nếu có 1 cái cái ao ở vùng này, nước sẽ rất nhanh bị vẩn đục, bốc mùi hôi, mọc đầy rêu tảo, cá trong đó cũng lờ đờ, yếu ớt.

Cuối cùng, **khí không bao giờ đứng yên**. Sinh khí có thể chuyển hóa thành sát khí và ngược lại. Đó là quy luật sâu sắc nhất của vũ trụ - **Trong sinh có sát, trong sát có sinh**, mọi thứ đều có giới hạn của nó. Một dòng nước chảy hiền hòa là sinh khí, nhưng nếu nó chảy quá chậm và ngừng lại, nó sẽ trở thành nước tù, tạo ra sát khí. Một cơn gió nhẹ nhàng là sinh khí, nhưng khi mạnh lên thành bão, nó trở thành sát khí hủy diệt. Năng lượng của khí không thực sự tốt hay xấu một cách tuyệt đối mà **trạng thái của nó mới là điều quan trọng**. Trên cơ sở này, ta có thể **dự đoán được khi nào một luồng sinh khí sắp đạt đến cực độ và chuyển hóa thành sát khí** hay không. Đây sẽ là một tầng nhận thức cao hơn về năng lượng, một chủ đề còn sâu sắc hơn nữa để chúng ta tiếp tục khai thác.

Vậy mục tiêu của thực hành phong thủy chính là phát huy, điều chỉnh, cân bằng âm dương, cân bằng năng lượng; **nhận biết, thu hút và giữ lại Sinh Khí, đồng thời tìm cách hóa giải, ngăn chặn hoặc là tránh xa hoặc giảm bớt Sát Khí (minh sinh ám tử)**. Khí trong phong thủy không phải là một thứ gì đó thần bí, ma thuật hay mê tín, nó là **năng lượng có thật của môi trường, thứ mà chúng ta có thể cảm nhận và phân tích được** thông qua hình dạng, quy mô và bản chất của vạn vật xung quanh. Thực tế, khi cân bằng, điều chỉnh hình dạng, kiến trúc, che chắn hợp lý là đã hóa giải được sát khí trong phong thủy. Và phong thủy về cơ bản là nghệ thuật sắp đặt môi trường để đón nhận và điều hòa khí sao cho có lợi cho chúng ta, chuyển từ vai trò bị động chịu ảnh hưởng của môi trường sang chủ động kiến tạo một không gian sống hài hòa. Một nhà tư vấn phong thủy giỏi không phải là người đặt những vật phẩm may mắn rồi bảo người ta tin vào nó mà họ phải là người có khả năng thay đổi thực sự dòng chảy năng lượng cho một không gian. Khi sinh khí được tạo ra,

môi trường sống tốt lên thì khí vận của con người sống trong đó cũng tự nhiên được cải thiện, đó là nền tảng của hiệu quả và sự tin tưởng.

Qua đó chúng ta đã thấy rằng Khí, linh hồn của vạn vật trong phong thủy, không phải là một khái niệm siêu hình mù mờ, mà là một tông hòa năng lượng có thật của môi trường. Các phương thức nhận biết Khí truyền thống, gồm Hình Khí, Lượng Khí và Chất Khí cho thấy khả năng đáng kinh ngạc của con người trong việc đọc và phân tích môi trường xung quanh, vượt xa sự đo đạc của máy móc.

Tóm lại, Khí trong Phong Thủy là nghệ thuật sắp đặt môi trường một cách khoa học và tinh tế. Khi dòng chảy năng lượng của môi trường hài hòa, sức khỏe, tài lộc và các mối quan hệ của con người sống trong đó sẽ tự nhiên được cải thiện.

*Đắc Thanh
Tp. HCM, giờ Kiên – Cầu, 15/11/2025*

GÓC SỨC KHỎE

BỆNH Ú HUYẾT, CHÍCH LỄ VÀ THUỐC

Văn Thanh

I.Trung triệu ra ngoài, gọi là ngoại chứng

Cỗ nhân có câu: Khôn ngoan hiện ra nét mặt, què quặt hiện ra chân tay, đó là bởi tính tình người ta biểu lộ ra bên ngoài, tật bệnh cũng thế, nếu có bệnh độc phát ở trong thân thể, cái ứng trung tất phải hiện ra ngoài biểu, cụ Biển Thước nói rằng: “Ứng trung của bệnh hiện ra bè ngoài”, cũng là ý nghĩa này.

II. Ngoại chứng của ú huyết: tụ huyết; chảy huyết; súc huyết, dấu vết của bệnh.

- Bệnh nhân ngực đầy, môi trễ lưỡi xanh, miệng ráo, chỉ muốn súc miệng mà không muốn nuốt nước, không sốt không rét, xem bụng họ không đầy mà họ cứ nói là bụng tôi đầy, đó là có ú huyết.

- Thân thể sopping vảy, lồng ngực sopping vảy, da dẻ sopping vảy.

- Hai chân nổi gân tía ngang dọc như đan lưới (tức là chứng phình tĩnh mạch); xem huyết sắc, sau xem những Tế lạc (mạch máu nhỏ nổi ngoài da) ở Ủy trung (chỗ lõm trong kheo chân) và Xích trạch (chỗ lõm ở khuỷu tay) mà quyết định, ở Xích trạch hiện ra ít mà Ủy trung hiện ra nhiều, sắc nó phần nhiều xen lẫn tía, đen, hồng. Cỗ thư dấu gọi là bệnh Thanh cân, song gân xanh lại ít máu độc, tuy có khi không hiện hẳn ra ở bì phu, nếu chỉ thấy xanh nhò nhè là bệnh Sa (vết ú huyết), hoặc thấy như cái chấm đen là bệnh Sa, lấy kim thích vào đây thì máu ra nhiều, kết hợp uống thuốc thì công hiệu rất mau.

Bệnh Sa là vì độc đọng ở trong mạch máu, khiến cho khí huyết không thể lưu hành được; nếu tế lạc nào không có máu độc khi chích vào thì không chảy máu, ấy là một bằng chứng vậy. Danh từ bệnh Sa, xưa nay vẫn quen dùng, song kỳ thực là sự ngộ nhận, bởi nó là chứng trạng của bệnh ú huyết ẩn nấp mà phát tác ra, ngoại chứng ú huyết.

- Phàm sắc mặt những người có ú huyệt, đại khái là màu tía đen sạm, hoặc màu đỏ sạm, mà tựu trung hiện ra miệng môi nhiều nhất.

- Người phát ban, lớn như đồng tiền nhỏ như hạt đậu, sắc tía đen, cứ đến buổi chiều thời đau ngứa tay lên, lại thêm chứng chân răng thường chảy máu, bụng dưới rốn đau thắt ran ra đến lưng, là một loại bệnh ú huyệt, từ nội tới lý mà chuyền biếu, chứng ban tía, ra máu, đau nhức, ngứa ngáy đều là ngoại chứng của ú huyệt;

- Chứng chốc đầu đã lâu, mủ hôi thối nhỏ giọt mãi không dứt, tóc dính bết, không chải được, thầy thuốc cho là bệnh giang mai mà dùng thuốc công độc không khỏi, Tiểu phúc đau thắt chằng đến lưng đùi là ngoại chứng của ú huyệt;

- Bé gái nhỏ tuổi đã thấy kinh, lúc đầu nghi là tiểu tiện ra máu, nhân xem xét kỹ mới biết là đúng là kinh thuỷ, sắc lưỡi mà miệng môi cũng thấy đỏ tươi nữa cũng là ngoại chứng của ú huyệt.

- Kinh nguyệt không đều, mất kinh, bụng dưới (tiểu phúc) quặn đau.

- Chứng súc (đọng) huyệt, trên lưỡi không rộm gai gì khác, mà khắp lưỡi có những vằn nốt đỏ tía, đối với chứng súc huyệt như thế là đáng lo lắng, mức nóng dầu nhẹ đến đâu cũng không thể coi thường, có khi thô huyệt hoặc hạ huyệt mà vong dương cũng nên, trước khi người áy dấu chưa hiện ra chứng xuất huyệt, theo sắc lưỡi trên cũng nên đoán là chứng súc huyệt mà chữa ngay đi. Chẳng riêng gì bệnh thương hàn ôn dịch ngay như trong các tạp chứng, nếu mà trên lưỡi cũng có chứng hậu áy thì phải nên nghĩ ngay là có chứng súc huyệt. Lại như những chứng suyễn thở, ngực đau, vai lưng đau, đều vì súc huyệt, mà huyệt áy nếu tự khiếu khác tiết ra thì khỏi, nếu lục đục ở trong dạ dày là đưa ngược lên mà làm ra chứng thô huyệt, nếu súc huyệt áy không thể xông ngược tiết xuôi được thì chết, đang lúc áy nếu thô huyệt nhiều quá cũng chết, thô huyệt nhiều mà chết là thoát khí, không thô huyệt được mà chết là ủng tắc.

III. Phép bị Châm/Chích lỗ (xem thêm: CHÍCH LỖ RẤT HAY DỄ HỌC DỄ LÀM của tác giả Nguyễn Oắng; CHÍCH LỖ TOÀN KHOA – tác giả Nam Thanh Phan Quốc Sỹ).

Phép Bị châm (lấy kim thích vào tia máu cho máu độc chảy ra, để loại bỏ máu độc, công hiệu to lớn thì không thể dự tính được. Sách Nội-kinh cũng dùng Bị châm lấy máu độc ra. Dịch Giã Đài Châu cũng soạn ra Thích lạc Thiên từ nói về phép Bị châm để bỏ máu độc. Cụ Biển Thước

cũng dùng phép này mà cứu được Quắc Thái tử. Dùng thuật này chữa khỏi khá nhiều phế tật và bệnh kinh niêm.

IV. Thuốc:

Khi chích lẻ gặp khó, có thể dùng thuốc để trực máu độc, huyết ú ra. Tùy chứng mà dụng. Như:

Qué chi phục linh hoàn

Qué chi phục linh hoàn gia đại hoàng

Đào hạch thừa khí thang

Đại sài hồ thang hợp với Đào hạch thừa khí thang

Ví dụ 1:

Sách Sản luận của Tử Huyền Tử nói rằng: Phàm sau khi sinh nở 3 hôm, bất cứ ngoại chứng và hư thực, tất nên trước dùng phương Triết xung ẩm (tức là Qué chi phục linh hoàn mà gia vị) vì máu hối chưa ra hết, sinh ngày càng nhiều bệnh lo ngại, thực là nguy lâm, phải nên cẩn thận ở chỗ đó.

Sách Sản dục luận nói rằng: Phàm sau khi sinh nở, ngọc môn (âm hộ) không khép lại hoặc máu hối không ra, trong bụng trường đau, đều phải cho uống phương Qué linh hoàng thang (tức là Qué chi phục linh hoàn gia đại hoàng) để trừ được hết ú huyết, cho máu tốt chu lưu điều hòa thì tự khắc khép kín ngay. Sau khi sinh sản, ác lộ (máu hối) ra lâu ngày không dứt, thường thường rò ra từng giọt một, nên xét xem huyết sắc thế nào? loãng, nhạt, vẫn đục, hôi hám để mà phân biệt phương thuốc, nếu loãng nhạt nên dùng Khung quy giao ngải thang, nếu vẫn đục hôi hám nên dùng Qué linh hoàng thang.

Sản hậu có chứng khí suyễn là bệnh nguy, ở trong sách Nguy cấp tiệm phương gọi là bại huyết thương công, sắc mặt tái tía đen nên dùng Qué linh hoàng thang và Độc long tán.

Phụ nữ nhiều bệnh ú huyết, rồi từ đó phát sinh ra mọi bệnh như đã nói ở trên, song bệnh ú huyết này chẳng những riêng phụ nữ mới có, về phần nam giới cũng có nhiều.

Ví dụ 2:

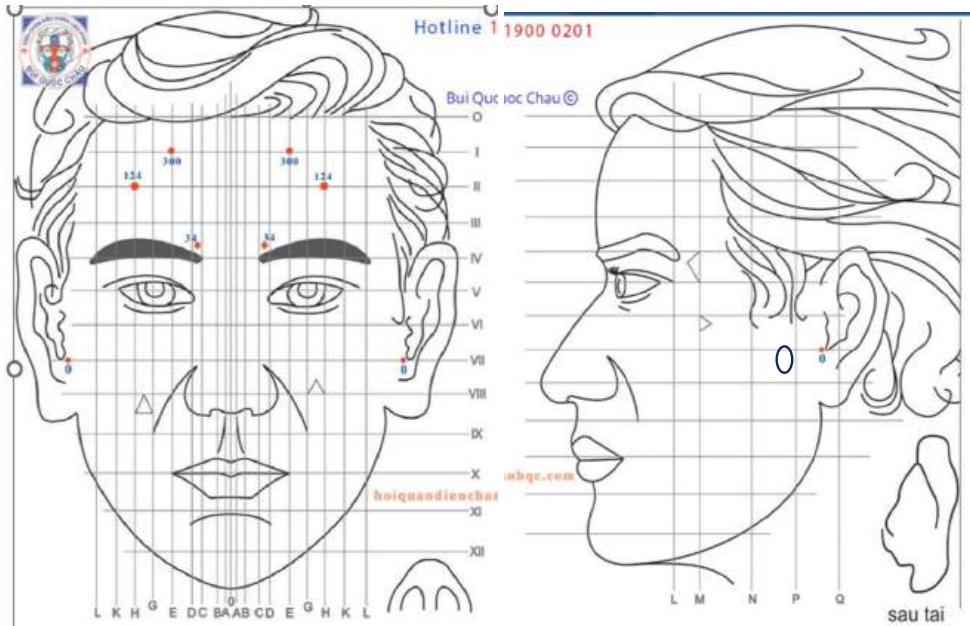
Bs Thang Bản Cầu Chân vốn béo khoẻ, tuy đôi khi có mắc bệnh nhỏ, thường không để ý, thường thường cảm thấy phát ra những phúc chứng như: Dạ dày đầy căng, đình trệ, đại tiện bí, nhức đầu lâm không ngủ được v.v... liền dùng hợp phương Đại sài hồ thang với Qué chi phục linh hoàn, uống thuốc chỉ một lúc liền đi ra có phân đính máu, chẳng

những chứng nhức đầu đỡ nhiều, mà những chứng nói trên cũng vì thế mà bớt nhiều, song nếu chỉ dùng riêng Đại sài hồ thang thì tuy có thể tả hạ, tất không đi ra phân có dính máu, và lại những chứng không ngủ với nhức đầu chẳng bớt chút nào, xem đó thì Quê chi phục linh hoàn có cái tác dụng khu trừ ú huyết càng rõ lầm, lại nhò đó được biết rằng: Nam giới cũng có chứng ú huyết.

Văn Thanh

(V.T. 15/5/2025 Ất Tỵ, 10/6DL, Canh Tuất, Nhâm Ngọ, Ất Tỵ, Tùy 6 Vô Vọng, Đằng Xà)

ĐIỀU TRỊ ĐỤC THUỶ TINH THỂ huyệt 34, 124, 300, 0



Bước 1:

- Ăn huyệt và hơ nóng huyệt **34,124,300,0**
- Dán cao và cứu (hơ nóng) vùng huyệt thận và tam giác.
- Cứu hơ đầu ngón tay út, cả 2 ngón út
- Cứu theo đồ hình phản chiếu bàn tay trên mặt

Bước 2:

- Lăn chung quanh hai mắt (3 lần ngắt quãng)
- Cứu chung quanh hai mắt (3 lần ngắt quãng)

Bước 3:

- Ăn ngày 50g đậu đen xanh lòng nấu nhừ, vài hạt muối.

Tất cả các bước đều thực hiện trong 1 ngày.

TÁC DỤNG

Một đợt 1 trong vòng 14 ngày, tiếp tục 14 ngày, nếu mắt không quá nặng và thực hiện đúng, mắt sáng trở lại bình thường.

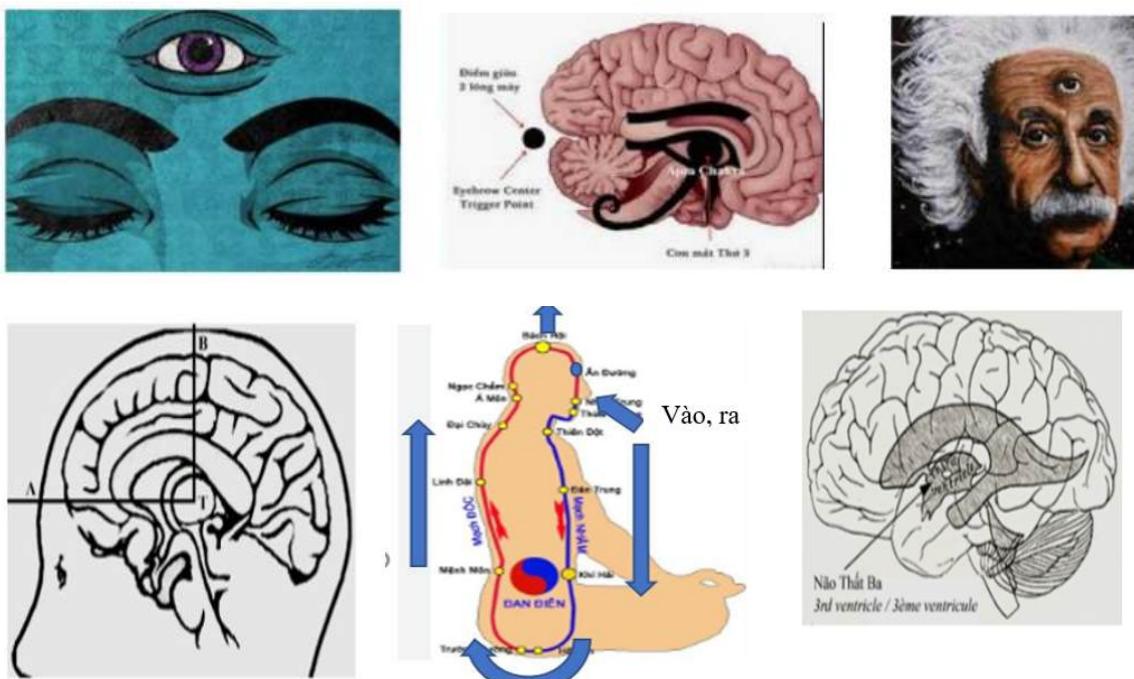
Chú ý: khi cứu phải cẩn thận, đảm bảo không bị phỏng, tránh cứu bằng ngải vì bụi tàn dễ rơi vào mắt

V.T. 23h14, 15.03. Át Ty, 12.04.25DL

PHÉP LUYỆN THẦN HIỆN

Văn Thành

Trong DLVN thường nói đến: Thần Thông Giao, Thần Thông Tri, Thần Tri Hóa, Thần hoạt bát Biến thông... giúp ta biết đúng Lý Tiên Thiên - Hậu Thiên, biết được Huyền vi, Hiển hiện. Trong cơ thể người con mắt thứ ba được gọi là Thiên mục, là Mi gian hay là Chánh pháp nhän tạng; Thiên môn là Thiên tâm còn được gọi là Nê Hoàn hay là Niết bàn diệu Tâm. Tại đó Thượng Đế ngự trị và các Thần chầu xung quanh. Tâm làm chủ tể “lưỡng quang” của đôi mắt, tức Âm Dương hay Nhựt Nguyệt, nhờ Chánh pháp mà hiệp Một tại Thiên môn, thì Thần hiện. Cần luyện Phép Thở để có định lực. Nếu ta quan tâm, kính trọng, chăm lo, luôn hướng về nơi ấy một cách vô tư, không mong cầu thì hiệp nhứt được giữa ta và Thượng Đế. ***Mục đích luyện tập là để câu thông, thanh lọc tạo hành lang giúp Thần Thức-Đức Thần Minh trực ngự.*** Thượng Đế hay Thần ở đây nói về Ý thức làm chủ, Trí tuệ mờ mang. **Phép thở:** Thả lỏng cơ thể, nhíu hậu môn, lưỡi cong, ngậm miệng. Hít vào tối giữa 2 đầu chân mày, dùng ý dẫn khí xuống ngực, phình bụng, đan điền, qua xương cụt, lên xương sống, dọc theo xương sống, đi lên đỉnh đầu, ra ở bách hội, thở ra bằng mũi. Trong khi hít thở có thể có ý niệm: Nam mô Đại nguyện Địa tạng Vương Bồ Tát, hoặc câu linh thiêng nào đó theo tín ngưỡng riêng, là trọn một kỳ thở. Lặp lại nhiều lần như thế. Bất cứ nơi đâu, lúc nào, ngồi hay nằm đều được. Ngoài ra phải luyện tập lòng biết ơn, yêu thương, nhân ái đối với vạn vật.



(Nguồn: Trung tâm điểm của mỗi con người, Huệ Khải, 18/3/2014, Đại đạo Văn Uyển; Chánh pháp Nhãm tạng Niết bàn Diệu tâm, Thiện Chí, 22/4/2013, www.nhipcaugiaoly.com; Kinh dịch Xưa và Nay, Nam Thành Phan Quốc Sử; Cách nhận dạng ý thức và hằng thấy hằng biết, QLNL Thiền). (VT.21.7.25DL, 26.7al, Mông-Vị Tế, Chu Tước)

TÀ KHÍ “THỦ” ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC KHỎE CON NGƯỜI *Vưu Thanh*

Theo quan điểm của Đông Y các yếu tố gây bệnh gọi là lục tà gồm có: Phong, Hàn, Thủ, Thấp, Táo, Hóa. Trong đó Thủ là loại khí đặc trưng phân bố giữa bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Thuộc nhóm tà khí có dương tính mạnh, thường kết hợp với Thấp gây nên bệnh lý đặc trưng của thời mùa. Chúng tôi xin chia sẻ đôi điều về loại tà khí này.

1. Bản chất của Thủ

Là tà khí phân bố giữa 4 mùa.

Tính chất: Dương nhiệt cực thịnh, thiêu đốt, bốc tán mạnh làm tiêu hao tân dịch của cơ thể.

Dễ làm tổn thương khí âm trong cơ thể. Nói cách khác, Thủ là thời tiết giao thời giữa mùa Đông và mùa Xuân, cái nóng gay gắt của trời hè,

cái khô hanh của mùa Thu, cái se lạnh và khô của mùa Đông làm tiêu hao năng lượng cơ thể, gây khát nước, mệt mỏi.

Thứ thường xuất hiện sau các cơn mưa đầu tiên của những ngày nắng gắt giữa mùa hạ.

Trong 1 năm Thứ sẽ hiện diện trong thời gian khoảng 60 ngày, phân bố đều vào các tháng chuyển tiết khí của 4 mùa giữa các tháng âm lịch là 3 (Thìn), 6 (Mùi), 9 (Tuất), 12 (Sửu). Mỗi đợt chuyển khoảng 7,5 ngày như vậy có tất cả 8 giai đoạn.

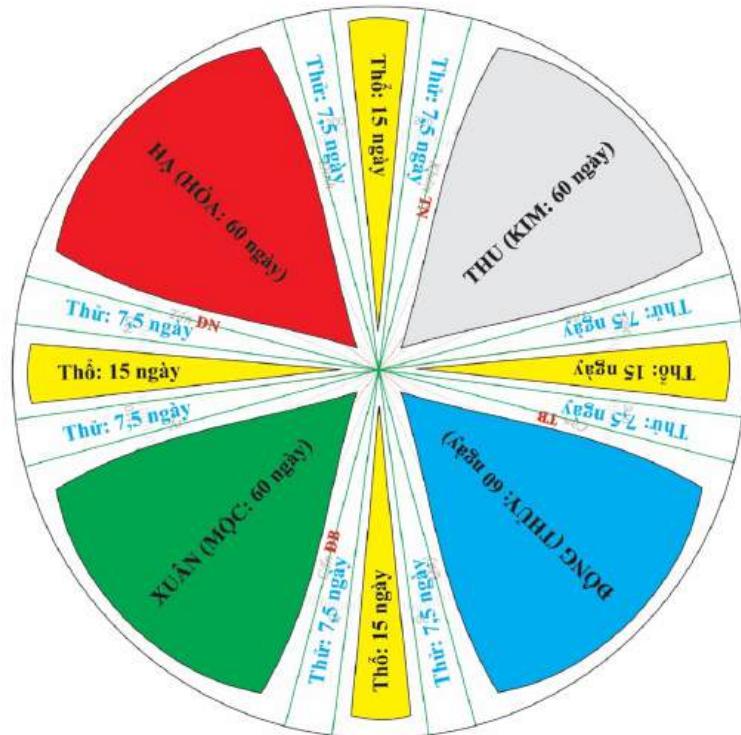
Ví dụ:

- Chuyển tiết Khí của Tiết Đại hàn và Lập Xuân. Thứ sẽ xuất hiện trước 7,5 ngày và sau 7,5 ngày. (*Quyết âm Phong Mộc và Thiếu dương Thủ Hỏa*).

- Chuyển tiết Khí của Tiết Xuân Phân và Thanh Minh. Thứ sẽ xuất hiện trước 7,5 ngày và sau 7,5 ngày. (*Thái âm Tháp Thổ*)

- Chuyển tiết Khí của Tiết Hạ Chí và Tiểu Thủ. Thứ sẽ xuất hiện trước 7,5 ngày và sau 7,5 ngày. (*Thiếu âm Quân Hỏa*)

- Chuyển tiết Khí của Tiết Đại Thủ và Lập Thu. Thứ sẽ xuất hiện trước 7,5 ngày và sau 7,5 ngày. (*Dương minh Táo Kim và Thái dương Hàn Thủy*).



2. Đặc tính quan trọng của Thủ

❖ Dễ làm hao tổn nguyên khí

Thủ khiến cơ thể nóng bức bần thần → sinh ra:

Mệt lả; Đuối sức; Chóng mặt; Khó thở

❖ Dễ tổn thương tân dịch (âm dịch)

Thủ hanh và nóng làm mất nước qua mồ hôi, hơi thở, khiến:

Khô miệng, khát nước; Da khô; Tiêu ít

❖ Dễ kết hợp với Thấp

Đặc trưng khí hậu Việt Nam là Hè nóng ẩm → Thủ Thấp rất phổ biến:

Nóng nhưng người vẫn nặng nề, mệt mỏi; Đầu nặng, tay chân uể oải
Giảm ăn, buồn nôn; Tiêu chảy mùa hè

Đông y thường gọi đây là Thủ thấp phạm trung tiêu.

3. Thủ gây bệnh như thế nào? (Cơ chế phát bệnh)

❖ Thủ nhiệt phạm biếu:

Nóng mạnh đánh vào lớp ngoài cơ thể:

Sốt cao; Khát nhiều;

Ra mồ hôi nhiều; Nhức đầu, khó chịu

❖ Thủ nhiệt nhập lý

Thủ vào sâu trong cơ thể → làm hao thương tân dịch:

Sốt cao kéo dài; Mát đỏ, miệng khô

Mạch hồng đại; Vật vã, mê sảng (nặng)

❖ Thủ thấp uẩn kết

Thủ + Thấp kết lại trong trung tiêu (tỷ vị):

Chán ăn, đầy bụng; Tiêu chảy mùa hè

Mệt nặng toàn thân; da vàng, nhạt miệng.

4. Triệu chứng thường gặp khi bị Thủ:

Mệt mỏi, lả người; Khát liên tục; Ra mồ hôi nhiều;

Hoa mắt chóng mặt; Tiêu ít, vàng; Chán ăn, buồn nôn

Bệnh do Thủ thường khởi phát nhanh, mạnh, cấp tính.

5. Người dễ bị Thủ tấn công:

Trẻ nhỏ (âm dịch yếu)

Người làm việc ngoài trời

Người già (khí âm suy)
 Người uống ít nước
 Người dùng nhiều rượu bia, đồ nóng

6. Cách phòng ngừa ảnh hưởng của Thủ:

- Uống đủ nước, đặc biệt nước điện giải
- Bổ sung trái cây, rau mát
- Hạn chế làm việc ngoài trời lúc nắng gắt
- Mặc đồ thoáng, mỏng
- Không uống bia rượu lúc trời nóng
- Nghỉ ngơi đầy đủ, tránh mất sức

THƠ CA - TÂM TÌNH

NGỒI BUỒN NHỚ MẸ TA XUẨA

Bàn thần hương huệ thơm đêm
 Khói nhang vẽ néo đường lên niết bàn
 Chân nhang lấm láp tro tàn
 Xăm xăm bóng mẹ trần gian thuở nào
 Mẹ ta không có yếm đào
 Nón mê thay nón quai thao đội đầu
 Rối ren tay bí tay bầu
 Váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa
 Cái cò... sung chát khé chua
 Câu ca mẹ hát gió đưa về trời
 Ta đi trọn kiếp con người
 Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru

Bao giờ cho tới mùa thu
Trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rẫm
Bao giờ cho tới tháng năm
Mẹ ra trải chiếu ta nằm đếm sao
Ngân hà chảy ngược lên cao
Quạt mo vỗ khúc nghêu ngao thăng Bờm...
Bờ ao đom đóm chập chờn
Trong leo leo những vui buồn xa xôi
Mẹ ru cái lẽ ở đời
Sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn
Bà ru mẹ... mẹ ru con
Liệu mai sau các con còn nhớ không
Nhìn về quê mẹ xa xăm
Lòng ta – chỗ ướt mẹ nằm đêm mưa
Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa
Miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương...
(Nhà thơ Nguyễn Duy)

THƠ VỀ HẬU THIÊN BÁT QUÁI VĂN VƯƠNG

Thơ rỗng:

*Muôn loài từ Chán phát ra,
Chán cung, áy chính cũng là phương Đông.
Muôn loài hòa điệu Tốn cung,
Đông Nam phương: Tốn lẽ ưng xưa rày,
Điều hòa, tè chỉnh đó đây,
Sữa sang cho vẹn, cho ngay muôn loài.
Ly là rực rõ, sáng người,*

*Làm cho vạn vật, tỏ soi rõ ràng.
 Cùng nhau gấp gối, phân minh,
Ly, là quẻ vốn đã dành phuơng Nam.
 Thánh nhân, Nam diện đường đường.
 Tiếp nhân, trị quốc, đường đường sáng soi.
 Dưa dân về chốn rạng ngời,
 Hướng về sáng láng, âu thời theo Ly.
Đất Khôn, đáng măt mău nghi,
 Đường nuôi vạn vật, chẳng khi nào ngừng.
 Việc Khôn, trọng đại vô cùng...
Trời thu bảng láng, Đoài cung vui mừng,
 Nên rằng vui vẻ Đoài cung,
 Kiên, thời ngùn ngút bùng bùng đấu tranh.
Quẻ Kiên, Tây Bắc chênh vênh,
 Âm Dương, xô xát tranh dành áy noi.
Khảm cung, là nước dành rồi.
 Quẻ này chính Bắc, phân ngôi đàng hoàng.
 Cho nên vất vả, nhiễu nhương,
 Là nơi vạn vật, muôn phuơng quay về.
 Cho nên, Khảm mới nhiều khê.
 Cho nên, Khảm mới ê chè, gian lao.
Cấn, phuơng Đông Bắc đóng vào,
 Là nơi đầu cuối, tương giao muôn loài.
 Nên rằng: Cấn áy xong xuôi,
 Xong xuôi công việc, cơ ngoại thành toàn.*

Nội dung:

Vạn vật xuất hồ Chấn. Chấn. Đông phuơng dã. Tè hồ Tốn. Tốn. Đông Nam dã. Tè dã giả. Ngôn vạn vật chi khiết tè dã. Ly dã giả.

Minh dã. Vạn vật gai tương kiến. Nam phuong chi quái dã. Thánh nhân Nam diện nhi thính thiên hạ. Hướng minh nhi trị. Cái thủ tri thủ dã. Khôn dã giả. Địa dã. Vạn vật gai trí dưỡng yên. *Có viết:* Trí dịch hò Khôn. Đoài. Chính thu dã. Vạn vật chi sở duyệt dã. *Có viết:* Duyệt ngôn hò Đoài. Chiến hò Kiền. Kiền. Tây bắc chi quái dã. Ngôn Âm Dương tương bắc dã. Khám giả thủy dã. Chính bắc phuong chi quái dã. Lao quái dã. Vạn vật chi sở qui dã. *Có viết:* Lao hò Khám. Cán. Đông bắc chi quái dã. Vạn vật chi sở thành chung nhi sở thành thủy dã. *Có viết:* Thành ngôn hò Cán.

Giai thích:

Ý nghĩa vũ trụ của Hậu Thiên Bát quái, Hậu Thiên Bát quái mô tả:

- Công việc của Thượng đế trong suốt chu kỳ biến hóa của hoàn vũ.
- Lịch trình tiến hóa của vạn hưu trong suốt chu kỳ biến hóa.
- Cánh tượng vạn hưu trong vòng một năm.

Vạn hưu chào đời nơi quê Chấn. Chấn ở phía Đông, nơi mặt trời mọc mỗi buổi bình minh. Vạn hưu trở nên tốt đẹp nơi cung Tốn. Tốn ở phía Đông Nam. Nơi đây, vạn hưu sẽ trở nên tinh thuần, cao khiết. Vạn hưu sẽ nhận biết nhau trong sự rực rỡ của quê Ly. Ly là quê ở phương Nam, phương trời tràn ngập ánh sáng, khi mặt trời rạng rỡ giữa khung trời khi chính Ngọ.

Vua chúa khi xưa, trị dân quay mặt về hướng Nam, phía ánh sáng, tức là ước muôn đem muôn dân đến văn minh, đến ánh sáng, đến lý tưởng, đến Chân Lý

***Khôn túc là Đất.** Đất lo nuôi dưỡng vạn loài. Đó là một sự phục vụ hết sức tận tình vậy.

***Đoài là giữa Thu,** lúc ấy Trời trong xanh, vạn vật hết sức hưu tình. Hoa màu đang kỳ thu hoạch, vì thế Đoài mang vui lại cho muôn loài.

***Kiền ở về phía Tây Bắc,** tức là nơi Âm Dương tương tranh. Sáng tối, nóng lạnh, kèn cựa lẩn nhau. Vì thế nên nói: **Chiến hò Kiền.**

* ***Khám ở phương Bắc***, là quẻ thấp nhất của chu kỳ biến hóa. Tới khi đó, vạn vật phải qua một thời kỳ điêu linh vát vả. Vì thế nói **Lao hổ Khám**.

* ***Cấn là quẻ ở Đông Bắc***. Đó là cuối chu kỳ biến hóa, và đồng thời cũng là khởi điểm của một chu kỳ mới, **mà biến hóa thời phải đi đến thành toàn**. Nên cuối chu kỳ, mới nói rằng: Thành toàn là ở Cấn.

Dẫu sao, thì Bát quái cũng gợi nên một chu kỳ biến hóa, cốt để đi đến chỗ thành toàn. **Cho nên Cấn là thành toàn**.

(Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ - Thuyết Quái)

DỊCH HỌC ĐƯỜNG TÂM THANH NGÔI NHÀ THÂN YÊU

Minh Huệ

Tôi tên Trần Kim Hoa sinh năm 1948, tại Sóc Trăng (nay là Cần Thơ), gia đình tôi theo đạo Thiên Chúa giáo, từ nhỏ tôi đã được Ba Má tôi cho vào học Trường Nữ Tu Chúa Quan Phòng ở Sóc Trăng, theo kiểu Pháp. Trong cuộc mưu sinh tôi có duyên đến với Ngành Nhân điện của Thầy Lương Minh Đáng 1991, được Thầy đặt cho tên là Minh Huệ, khắc phục mọi khó khăn trở ngại, tôi học tới lớp 6 Nhân điện năm 1996, được thầy Đáng và Hội đồng chọn gởi Luận án để xét bằng Cử Nhân Nhân Điện; tôi học y từ thầy Trương Thịn là bác sĩ Đông y và các thầy cô ở Viện Y học Dân tộc TPHCM về được lý, châm cứu... Năm 2000-2006 tôi làm phụ tá chữa bệnh tại Nhà thờ Tân Định do Linh mục Trần Văn Nhũ phụ trách, tôi ứng dụng Nhân điện, Điện chẩn và Túc liệu pháp vào chữa bệnh từ thiện. Cho đến năm 2013 tôi tình cờ được biết và đến học tại Dịch Học Đường Tâm Thanh, lớp Dịch lý đầu tiên, sau đó mãi đến 2018, tôi mới có điều kiện quay lại sinh hoạt ở Dịch học đường. Được sinh hoạt ở Dịch học đường tôi thấy mình như có được điểm tựa về tinh thần, không khí vui vẻ, ấm áp, gần gũi, đặc biệt sự tận tâm của Cô, Thầy Châu Ngọc và Thầy Văn Thanh. Tôi được tìm hiểu, học tập các môn học mà tôi ưa thích như Dịch Lý, Phong Thủy, Nhân Tướng học... Đặc biệt, tôi được Thầy Tâm Thanh Nguyễn Châu Ngọc tạo điều kiện để tôi chia sẻ Khoa Nhân Điện của Thầy Lương Minh Đáng, và dẫn dắt mọi người tiếp cận, học tập đến nay đã có trên

14 thành viên học xong lớp 20 Nhân điện; Tôi cũng vinh dự được hướng dẫn mọi người trong Dịch học đường Môn Túc Liệu Pháp, một môn y thuật rất có lợi cho việc chăm sóc sức khỏe, dễ học dễ làm. Sau năm 2021, do tuổi cao, tôi bị ngã một lần gãy xương vai; một lần mổ cột sống; gần đây lại phải mổ mắt, lần nào cũng được các bạn, Cô, Thầy Châu Ngọc quan tâm, hỏi thăm, giúp đỡ cả về tinh thần, vật chất, tôi và các con, gia đình tôi rất cảm động. Tôi luôn quý mến và kính trọng Thầy Châu Ngọc, người Thầy chân thành, giản dị, kiến thức uyên bác, luôn tận tâm tận lực với công việc, với mọi người. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 12 ngày thành lập Dịch Học Đường Tâm Thanh, tôi chúc cho Dịch Học Đường phát triển an khang, chúc Cô, Thầy Châu Ngọc và tất cả thành viên của Dịch học đường Tâm Thanh khỏe mạnh, an lành.

14/11/2025dl

THẦY TÔI

Minh Thanh

Tôi đến với **Dịch Học Đường Tâm Thanh** vào những tháng đầu của năm 2019, bén duyên với bộ môn Dịch Lý Việt Nam và Phong Thủy Huyền Không Phi Tinh. Thẩm thoát đã hơn 7 năm, thời gian trôi qua nhanh quá! Nhìn lại chặng đường ấy, tôi thấy mình thật may mắn khi được học cùng thầy *Tâm Thanh Nguyễn Châu Ngọc* - người đã không chỉ truyền dạy tri thức cho tôi, mà còn là tấm gương về lối sống giản dị, chân thành và tận tâm.

Từ những khóa học đầu tiên, tôi đã cảm nhận được sự khác biệt nơi Thầy: cách Thầy giảng bài rất mạch lạc, sâu sắc mà gần gũi; cách Thầy lắng nghe, động viên mỗi khi học trò chùn bước. Nhờ sự dùu dắt ấy, tôi đã thay đổi rất nhiều - từ nhận thức, tư duy cho đến lối sống. Tôi học được nơi Thầy sự bình dị, khiêm cung, và đặc biệt là sự chân thành, tận tâm.

Tháng 6/2025, tôi bắt đầu hành trình mở khóa **Reiki** đầu tiên của riêng mình - một cột mốc quan trọng trên con đường học và hành của bản thân. Trong suốt khóa học ấy, Thầy vẫn luôn ở bên, âm thầm động viên, khích lệ tôi từng ngày. Thầy không chỉ trao cho tôi niềm tin để bước đi,

mà còn trao cả trách nhiệm để tiếp nối và lan tỏa giá trị của những tri thức mà Thầy đã dạy.

Đến giờ mỗi khi nhìn lại, tôi vẫn tự hỏi: “Làm sao để có thể trả hết ơn Thầy?”

Có lẽ câu trả lời nằm ở chính hành động: tiếp tục học hỏi, rèn luyện và lan tỏa những giá trị chân chính mà Thầy đã gieo mầm cho tôi.

7 năm - một chặng đường không quá dài, nhưng đủ để tôi hiểu rằng: “Có những người Thầy, một khi đã gặp, sẽ mãi là ánh sáng soi đường cho cả cuộc đời mình.”

DỊCH LÝ: TIA SÁNG DẪN LỐI ĐƯA TÔI THOÁT KHỎI BÓNG MA TÂM LÝ

Kỳ Thanh

Lời đầu tiên, xin cảm ơn em trai tôi, người đã làm cầu nối để tôi biết đến thầy Châu Ngọc và Dịch Học Đường Tâm Thanh. Tiếp đến, tôi xin thể hiện lòng biết ơn sâu sắc của mình đến với thầy Châu Ngọc, người thầy hiền từ và nhiệt huyết đã hết lòng chỉ dẫn và truyền đạt tri thức cho tôi. Cùng với những anh em huynh đệ đồng môn tại Dịch Học Đường như thầy Trần Duy Bảo, các anh Vưu Thanh, Bảo Thanh, anh Đắc Thanh, em Châu Thanh, chị Kiều Hạnh ... những người đã nâng đỡ, hỗ trợ, điểm khuyết kinh nghiệm thực tế và góc nhìn đa chiều về cuộc sống cho tôi.

Trước khi biết đến Dịch Lý tôi là một con người rất chú trọng đến việc phát ngôn và hành động đúng chuẩn mực. Cái lẽ đúng sai trong tôi rất lớn, cũng chính vì sự chấp chước này mà tôi đã không ít lần mang đến cho mình và những người xung quanh sự bức dọc, phiền phức thậm chí khổ đau. Xuất phát điểm từ gia đình hay có sự bất hòa, nên tâm lý của tôi cũng có nhiều sự mâu thuẫn và bế tắc.

Một mặt tôi muốn buông lơi bản thân để cho nó trôi trong vô định, vì nhìn thấy cuộc sống xung quanh chỉ toàn là những vòng lặp cũ kỹ, vô nghĩa: sinh ra - lớn lên - đi học - đi làm - mưu sinh - kết hôn - sinh con - bệnh - già - rồi chết. Những động lực sống kiểu như không cầu tình, cầu danh thì cũng cầu lợi; nó ẩn tàng, chi phối tất cả các hành động, các mối quan hệ và những khía cạnh trong đời sống.

Mặt khác, trong tôi lại luôn có sự tò mò, trăn trở về ý nghĩa, mục đích thực sự của sự sống; cũng như những thê hệ trước, 1001 câu hỏi “vì sao?” cũng luôn ngày đêm tuôn chảy trong tâm trí tôi. Sự sống luôn đi liền với khổ đau, như vậy tại sao phải sống? Sống để làm gì? Quy luật nào, sức mạnh nào đang chi phối ẩn tàng sau đó? Tại sao tôi lại được và bị sinh ra để rồi tôi phải chứng kiến những điều mà tôi không hề mong muốn? Tôi đang ở đây, vậy ý nghĩa cuộc đời tôi là gì?...

Hiện thực gia đình trái ngược với mong muốn của tôi về một gia đình hạnh phúc, một mẫu hình người cha lý tưởng. Thực tại đó khiến cho cảm xúc và nội tâm của tôi luôn dằn xé giữa việc phải sống đúng, sống chuẩn mực theo quy chuẩn đạo đức hay là bộc lộ bản thân một cách tự do, chân thực với những cảm xúc, suy nghĩ mà tôi đang mang trong tư tưởng của mình. Hai thái cực đối lập trong tâm lý đã khiến tôi mãi lưỡng chừng như một vị khách qua đường ngay trong chính cuộc đời của mình và cũng chính sự đè nén cảm xúc này đã góp phần làm dày thêm sự bất mãn, tổn thương trong tôi.

Nhưng từ khi được học Dịch lý, tôi biết được quy luật cấu tạo hóa thành nên vạn vật, biết đường đi dĩ nhiên của Dịch. Tôi đã ngộ ra được rằng ánh sáng và bóng tối luôn đi cùng với nhau, đan xen và không thể tách rời, như Âm với Dương, mọi thứ chỉ là Đồng Nhi Dị - Dị Nhi Đồng.

Tôi đã luôn quá đề cao ánh sáng (tính Dương) trong mình, khát vọng truy cầu phải sống đúng, sống chuẩn mực mà chối bỏ “bóng tối” (tính Âm) trong mình. Chính vì sự phớt lờ, đè nén, chối bỏ những sự tiêu cực, suy nghĩ xấu trong mình mà tôi lại càng làm cho nó dày thêm. Càng cố tiến về phía trước, tôi càng bị kéo lại về sau.

Khi hiểu được rằng không thể nào có được hòa bình bằng cách đấu tranh như vậy, tôi đã vỡ òa khi hiểu được vì sao mình lại đang là mình ở hiện tại, và nhìn thấy được viễn cảnh tương lai của mình thông qua lăng kính của Dịch: một tương lai không mấy lạc quan và sáng sủa nếu vẫn đi theo phương hướng cũ và vẫn giữ cách sống thiên cục như hiện tại.

Dịch đã cho tôi thấy ánh sáng cuối con đường黑暗, cho tôi thấy lối ra. Bằng việc truy nguyên nguồn gốc những vấn đề hiện tại tôi đã dần hiểu mình hơn (những phản ứng, lựa chọn, cách làm, niềm tin chi phối). Đồng thời, nhận ra “bóng tối” & “ánh sáng” (Âm Dương) là một nhất thể; để phát triển tôi phải chấp nhận cả “ánh sáng” lẫn “bóng tối” trong mình và học cách cân bằng nó, làm cho nó hài hòa với nhau. Đầu tranh hoặc buông xuôi tùy lúc để tránh thiên lệch, mất cân bằng.

Cảm ơn thầy hiền trí và sư huynh đệ đồng môn đã luôn nâng đỡ, dùi dắt tôi trên con đường học Dịch. Cảm ơn những “thiện duyên” đã đưa tôi đến nơi đây.

Chân thành biết ơn và tôi cầu chúc Dịch Học Đường Tâm Thanh luôn vững bền và phát triển sâu sát đến từng người, từng nhà để mang ánh sáng của Dịch lý len lỏi khắp muôn nơi./.

Giờ Tý (11:48), ngày 12/11/2025

Tỷ - Tụy

TĨNH LẶNG, BIẾT ƠN, HÀNH ĐỘNG: BA CHÌA KHÓA ĐỂ TRỜI GỬI ĐÚNG ĐIỀU BẠN MUỐN

Vưu Thanh

Cảm thấy mệt mỏi vì đã nỗ lực mà vẫn trống tay? Bài viết giải thích dễ hiểu về lý tưởng “cái gì là của bạn trời sẽ mang đến” — từ khái niệm tần số đến những bước thực tế để buông bớt, chỉnh năng lượng và sống thuận thiên. Thích hợp cho ai tìm bình an và muốn thay đổi vận mệnh bằng nội tâm.

Giới thiệu

Ở Dịch Lý Việt Nam chúng tôi kết nối tri thức cổ truyền với lối sống hiện đại. Bài viết này giải thích bằng ngôn ngữ đơn giản về lý thuyết tần số và thuận thiên — giúp bạn hiểu vì sao có lúc phải buông để đón nhận, và cách chuyển mình để điều tốt là thực sự đến.

Khi niềm tin, hy vọng và trái tim không giữ nổi điều ta mong

Có những lúc bạn đã đặt hết niềm tin, nỗ lực không ngừng, vẫn cảm thấy mất mát. Cảm giác đó rất thật — nhưng không phải là dấu hiệu trời bỏ rơi bạn. Bài viết này giúp bạn hiểu vì sao điều ấy xảy ra, và cách thay đổi bối cảnh để điều thuộc về bạn tới đúng lúc.

Vì sao ta mất mà người khác lại được? — Một cách nhìn đơn giản

Không ai chạy đua với ai. Mỗi linh hồn có “nhịp” riêng, mỗi cuộc đời có thời điểm riêng.

Trời có nhịp, bạn có tần số. Điều bạn thu hút phản ánh trạng thái nội tại: sợ hãi thu sợ hãi; biết ơn thu thêm điều để biết ơn; bình an thu bình an.

Mất không phải là phạt — mà là dọn chỗ. Mất mát cho bạn không gian để điều phù hợp hơn bước vào khi bạn đủ “khả năng giữ”.

Từ lý thuyết đến cuộc sống — hai hình ảnh đối lập

Hình ảnh 1 — Người gồng mình

Làm việc không ngừng, lo lắng, sợ mất, lúc nào cũng căng thẳng. Dù có cơ hội, vẫn thấy bất an. Năng lượng phát ra là thiếu thốn, vũ trụ phản chiếu lại hoàn cảnh tương tự.

Hình ảnh 2 — Người thuận thiên

Làm việc chăm, nhưng giữ bình an, biết ơn, không đấu tranh gắt. Khi khó khăn, tin rằng đó là bài học. Năng lượng là đủ đầy — thu hút cơ hội phù hợp, được giúp đỡ tự nhiên.

Bài học: không phải người mạnh nhất được trời ủng hộ, mà người thuận nhất — hòa cùng nhịp vũ trụ — được thuận lợi.

Cách chuyển tần số — 6 bước thực tế (dễ làm hàng ngày)

Tĩnh 10 phút mỗi ngày — tắt điện thoại, thở chậm, để điều chỉnh nhịp tim và tâm.

Thực hành biết ơn — ghi nhanh 3 điều hôm nay biết ơn; thói quen này nâng tần số.

Buông những gì không thuộc về bạn — nhận rằng giữ chặt đôi khi cản lối cho điều tốt hơn tới.

Đổi thói quen tiêu cực — nếu thấy sợ, thay bằng hành động nhỏ can đảm; nếu hay so sánh, chuyển sang học hỏi.

Sống thật, trung thực — năng lượng chân thành dễ thu hút cơ hội bền vững.

Hành động hợp thời — biết khi nào cần chờ và khi nào cần bước; “thuận thời” mới gọi là khôn ngoan.

Một số hiểu lầm cần bỏ ngay.

Niềm tin phải đi đôi với thái độ sống đúng: yêu thương, sáng suốt, biết ơn.

Không phải mọi mát mát đều là phúc — nhưng nhiều mát mát mở đường cho phúc khác. Dọn sạch để nhận cái mới.

Vũ trụ không làm theo ý muôn cá nhân — nó phản chiếu tần số bạn phát ra, nên thay đổi bên trong trước khi đòi hỏi bên ngoài.

Khi tần số bạn khớp, điều bạn cần tự tìm đến

Khi bạn tĩnh, sáng, biết ơn, bạn “điều chỉnh num” để nghe đúng bản nhạc của mình. Lúc đó: cơ hội, người phù hợp, cơ duyên nghề nghiệp — đến tự nhiên, nhẹ nhàng, đúng thời. Đó là sống thuận thiên nhiên — biết thời mà chuyên, biết sống cùng luật trời.

Kết — Ba chìa khóa mở cửa phúc

Trống — đẹp những rác rưởi nội tâm (sợ, tham, ganh).

Tĩnh — dành thời gian lắng nghe, chỉnh nhịp.

Tin + Hành — tin không phải lời nói mà là cách sống: làm bằng tâm sáng, biết ơn, cho đi không tính toán.

Cái gì là của bạn, trời sẽ mang đến — nhưng theo cách bạn cần, khi bạn đủ tần số để giữ.

Từ khóa:

tần số, thuận thiên, niềm tin và buông bỏ, vũ trụ và năng lượng, sống thuận đạo, tinh thần Dịch lý, đổi vận bằng nội tâm

TRAO ĐỔI: THÀNH CÔNG - Ý THỨC VÀ TIỀM THỨC

Bình Thanh

**THÀNH CÔNG, CÓ QUAN HỆ VỚI CUỘC HÀNH TRÌNH
GIỮA Ý THỨC VÀ TÂM THỨC.**

Tâm thức (conscious mind) là phần nhận thức có ý thức của con người. Đây là nơi xử lý tư duy logic, suy luận và phân tích thông tin. Khi

bạn đang đọc bài viết này và suy ngẫm về nội dung, đó chính là tâm thức đang hoạt động; **Tiềm thức (subconscious mind)** là phần vô thức kiểm soát những suy nghĩ, hành vi và thói quen mà bạn không nhận thức được. Nó lưu trữ những ký ức, niềm tin và cảm xúc từ quá khứ, ảnh hưởng đến cách bạn hành động trong hiện tại.

Tiềm thức là những suy nghĩ trong tâm thức để tạo ra những hành động trong vô thức. Nó mang lại sức mạnh to lớn cho cuộc sống và bạn có thể khai thác sức mạnh tiềm thức của mình để đạt được thành công lớn hơn trong cuộc sống.

Trong cuộc sống hằng ngày, con người thường bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tiềm thức và ý thức. Cả tiềm thức và ý thức đều nằm trong tâm trí chúng ta, nhưng ý thức có tính chủ thể và được hình thành bởi bộ não, còn tiềm thức là thứ chưa được khám phá và ẩn sâu trong tâm trí con người. **Còn Tâm Thức ví như nhà của Tiềm Thức**, nó bao gồm Tiềm Thức và Ý Thức (*Văn Thanh*).

Vậy Ý THỨC (hình hiển) và TIỀM THỨC (ân tàng) là cặp Âm Dương Đồng Dị, tạo nên động lực, tạo nên sự biến hóa, cấu tạo hóa thành (*Văn Thanh*).



Trong những khoảnh khắc tĩnh lặng nhất của tâm hồn, khi tiếng ồn của cuộc sống vừa kịp lắng xuống, con người có thể nghe thấy hai giọng nói tồn tại song song:

Một giọng nói vang lên rõ ràng, mạnh mẽ – **đó là Ý thức**. Một giọng nói khác nhẹ như hơi thở nhưng bền bỉ, không ngừng nghỉ – **đó là Tiềm thức**.

Chính sự vận hành đồng thời của hai dòng chảy tưởng chừng tách biệt ấy góp phần tạo nên **thành công của đời người, một cái THÀNH**.

TAI SAO NHIỀU NGƯỜI CẦU NGUYỆN MÀ KHÔNG ĐẠT ĐIỀU MONG MUỐN?

Trong đời sống tâm linh, con người vẫn thường đến chùa, đến nhà thờ, đến những nơi linh thiêng để cầu xin sức khỏe, bình an, gia đình hòa thuận, công việc thuận lợi, tài lộc dồi dào. Có người chỉ cầu và chờ. Có người vừa cầu nguyện vừa hành động. Và kết quả?

Có người được rất nhiều, có người được một phần nhỏ, và cũng có những người cả đời chẳng chạm được điều mình mong ước rồi sinh ra thất vọng, suy sụp. Lúc đó lại quay về với suy nghĩ: “Do số phận”, tại cái số mà nén...

Vậy điều gì tạo nên sự khác biệt? Trong cuốn sách *Người Nam Châm*, tác giả nói rằng: **Tất cả những gì ta có ngày hôm nay chính là kết quả của tâm thức (tâm thức là nhà của tiềm thức).** Tâm thức giống như **bộ rễ của một cái cây.** Thân, cành, lá, hoa và trái tượng trưng cho **kết quả bên ngoài.**

Bộ rễ tượng trưng cho **bên trong – tâm thức.** Rễ khỏe thì cây tốt. Rễ yếu thì cây héo. Như vậy chúng ta thành công hay chưa thành công đó nhờ phần lớn tâm thức.

Lâu nay chúng ta vẫn biết: Gieo suy nghĩ, gặt hành động, gieo hành động gặt thói quen, gieo thói quen gặt tính cách, gieo tính cách gặt số phận.

Ý THỨC VÀ TIỀM THỨC- 5% VÀ 95% TẠO NÊN THÀNH CÔNG

Tâm thức gồm hai phần:

- **Ý thức – chỉ chiếm 5% thành công**
- **Tiềm thức – chiếm tới 95% thành công**

Ý thức là những gì chúng ta thấy, nghe, suy nghĩ, phân tích. **Tâm thức** lại giống như một “kho dữ liệu sống”, nơi lưu trữ, xử lý mọi trải nghiệm, cảm xúc, niềm tin, thói quen và những điều ta tiếp nhận lặp đi lặp lại và ra quyết định hợp thời.

Điều đặc biệt là **ý thức chọn điều gì - tâm thức sẽ ghi nhận điều đó.**

Có người thích đọc tin xấu, tin giật gân, thích nghe chuyện không may, thích đào sâu nỗi sợ.

Ngày đầu đọc → tiềm thức ghi lại: “Chủ nhân quan tâm điều này.”

Ngày thứ hai → tiếp tục ghi nhận.

Ngày thứ ba → tiềm thức xem đó là “mệnh lệnh”.

Và bằng cơ chế thu hút (tương tự như thuật toán của mạng xã hội), họ dần hút về mình những điều có cùng tần số rung động.

Trong một ngày não bộ con người có **khoảng 14.000 suy nghĩ thoáng qua**.

Tiềm thức đều “chạm nhẹ” vào từng ý nghĩ ấy.

Những suy nghĩ nào **mang cảm xúc mạnh và rung động sâu**, tiềm thức sẽ xem đó là

BA BUỚC HUẤN LUYỆN TIỀM THỨC ĐỂ ĐẠT ĐIỀU MÌNH MONG MUỐN

Để tiềm thức thực sự trở thành “người bạn trung thành” dẫn ta đến thành công, ta cần huấn luyện nó đúng cách. Với 3 bước như sau:

Bước 1: Xác định rõ điều mong muốn

Ví dụ: sức khỏe, thành công, giàu có, gia đình hạnh phúc, công việc thuận lợi... Điều mong muốn phải **rõ ràng, tích cực, cụ thể**.

Bước 2: Tạo cảm xúc thích thú như đã đạt được

Tiềm thức chỉ làm việc chủ yếu dựa trên **cảm xúc**. Nếu ta cảm thấy vui, hạnh phúc, biết ơn khi nghĩ về điều mình muốn, tiềm thức sẽ hiểu rằng: **“Đây là điều chủ nhân rất cần.”** Và nó bắt đầu thu hút mọi cơ hội tương ứng.

Bước 3: Thể hiện lòng biết ơn

Biết ơn chính mình – biết ơn tiềm thức – biết ơn vũ trụ. Biết ơn như thể điều mình muốn **đã đến rồi**.

*Lưu ý quan trọng:

- Tiềm thức **rất yêu người biết mang ơn**.
- Khi nó “ban” cho ta một phần của điều ta mong muốn mà ta **không biết ơn**, nó xem như ta **không trân quý**.
- Và lúc đó tiềm thức sẽ *không tiếp tục trao thêm*.
- Đó là lý do vì sao có người **đạt đỉnh cao rồi lại rơi xuống**, sức khỏe mất, công danh sụp đổ:

Họ đạt được nhưng **không biết cảm ơn – không biết trân trọng**.

THỰC HÀNH MỖI NGÀY - KỶ LUẬT CỦA TIỀM THỨC

Tiềm thức là một khu vườn màu mỡ. Gieo hạt gì – thì mọc cây đó. Không thể nào gieo hạt mít mà mọc lên cây sầu riêng, ...Tiềm thức trung thành tuyệt đối, nhưng cũng đòi hỏi **kỷ luật và sự lặp lại**.

Thời điểm vàng để lập trình tiềm thức:

- **Ngay trước khi ngủ**
- **Vừa tỉnh dậy sau giấc ngủ**

Đây là khoảnh khắc “cánh cửa tiềm thức mở rộng” để kết nối giữa ý thức và tiềm thức...

Bạn chỉ cần thầm nghĩ, không cần nói ra, những câu có chữ BIẾT ÔN, như là Biết ơn ông bà tổ tiên; Biết ơn cha mẹ, ...

Khi ta gieo những hạt giống BIẾT ÔN ấy mỗi ngày, khu vườn tiềm thức sẽ nở rộ. Từ đó, tiềm thức mang về cho ta điều ta đặt hàng và khao khát thật sự...

KẾT LUẬN

Thành công không phải là may mắn. Không phải là sự tình cờ. Và càng không đến từ những lời cầu xin mong manh. Thành công đến từ **cuộc đối thoại bền bỉ giữa Ý thức và Tiềm thức**. Ý thức chọn điều ta muôn. Tiềm thức biến điều ta muôn thành sự thật.

Khi ta biết rõ điều mình hướng đến, nuôi dưỡng cảm xúc tích cực, và sống trong sự biết ơn, ta trở thành **người kiến tạo vận mệnh**.

Hãy ghi nhớ:

- **Ý thức là người thuyền trưởng.**
 - **Tiềm thức là toàn bộ cỗ máy, thuyền, đại dương mênh mông.**
- Thuyền trưởng định hướng, **toàn bộ cỗ máy, thuyền, đại dương mênh mông**, đưa ta đến đích.

Và từ giây phút này, mỗi chúng ta đều có thể bắt đầu hành trình làm chủ tiềm thức – để mở cánh cửa bước vào một cuộc đời thành công, bình an và viên mãn.

Như vậy nói đến đây đó chính là lòng biết ơn tại sao tôi nói đến điều này trong cuộc đời của tôi như tôi được sinh ra lần thứ hai khi tôi về với Dịch Học Đường với một người giáo viên sau hơn 10 năm đi dạy.

Khi về với Dịch Học Đường, về với Thầy với Cô và được anh em đồng môn giúp đỡ. Nơi đây đã tạo cho tôi một cuộc sống mới - một cuộc đời mới gần như là sinh ra lần thứ hai.

Tôi xin ghi ơn cuộc sống, tri ân tất cả khách hàng, bạn bè, đối tác, mọi người xung quanh là bạn, là thầy và chia sẻ, tương thân tương ái đó là mong muốn của tôi

Thay cho lời kết. “Về” Dịch Học Đường. Đó là về nhà, về quê, về nước, đi đi rồi về đây, về trường, về lớp, về đây nghe em, về với đất tổ, về nguồn, về thăm, về thăm nhà... “về....” là nơi chúng ta đã từng ở đó, từng đi qua đó, từng coi nơi đó là nơi mình đã từng trải nghiệm, những nơi mang dấu ấn của bản thân chúng ta... nơi mà trong ký ức của chúng ta không thể thiếu. Về Dịch Học Đường nhé các huynh đệ đồng môn ơi!!! Nơi mà in dấu không những kiến thức, tri thức, nụ cười, lời thăm hỏi... mà đâu đó in đậm lòng yêu thương, biết ơn, sự cho đi đáng trân quý.

“Về” là được. Em xin cảm ơn thầy cô, quý vị đồng môn và tất cả những khách hàng, cảm ơn những người đã đọc bài viết này. Biết ơn tiềm thức. Cám ơn sự động viên và hỗ trợ của đồng môn Truy Thanh gợi ý và thêm ý hay.

TIN TỨC

2025 (19 THIÊN TAI) SO VỚI NĂM 2024 (12 THIÊN TAI) TÍNH ĐẾN 12/11/2025

STT	Tên	Bắt đầu	Kết thúc	Vùng ảnh hưởng
1	<u>Cơn bão số 14 - FUNG- WONG</u>	08/11/25	12/11/25	Vùng biển phía Đông Bắc khu vực Bắc Biển Đông
2	<u>Cơn bão số 13 - KALMAEGI</u>	02/11/25	07/11/25	Phía Tây khu vực Giữa Biển Đông, vùng biển từ Quảng Ngãi đến Đăk Lăk (bao gồm đặc khu Lý Sơn); đất liền phía Đông khu vực từ Quảng Ngãi đến Gia Lai. Vùng biển từ Nam Quảng Trị đếnTp. Đà Nẵng (bao gồm đảo Cù Lao Chàm) và Khánh Hòa; đất liền Nam

STT	Tên	Bắt đầu	Kết thúc	Vùng ảnh hưởng
				Quảng Trị đếnTp. Đà Nẵng, phía Đông tỉnh Đăk Lăk và phía Bắc tỉnh Khánh Hòa.
3	<u>Áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông</u>	22/10/25	23/10/25	Vùng biển phía Đông khu vực Bắc Biển Đông
4	<u>Cơn bão số 12 - FENGSHEN</u>	17/10/25	23/10/25	Vùng biển phía Tây khu vực Bắc Biển Đông (bao gồm đặc khu Hoàng Sa), vùng biển từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi (bao gồm đặc khu Cồn Cỏ, đảo Cù Lao Chàm và đặc khu Lý Sơn); đất liền ven biển các tỉnh từ Quảng Trị đếnTp. Đà Nẵng
5	<u>Cơn bão số 11 - MATMO</u>	01/10/25	06/10/25	Khu vực Bắc vịnh Bắc Bộ, đất liền khu vực Quảng Ninh và Lạng Sơn
6	<u>Cơn bão số 10 - BUALOI</u>	24/09/25	29/09/25	Vùng biển từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh (bao gồm đảo Hòn Ngư); Bắc vịnh Bắc Bộ (bao gồm đặc khu Vân Đồn, Cô Tô, Cát Hải và đảo Hòn Dáu)
7	<u>Cơn bão số 9 - RAGASA</u>	19/09/25	25/09/25	Khu vực Bắc vịnh Bắc Bộ, ven biển phía Đông Bắc Bộ
8	<u>Cơn bão số 8 - MITAG</u>	16/09/25	20/09/25	Vùng biển phía Bắc khu vực Bắc Biển Đông
9	<u>Cơn bão số 7 - TAPAH</u>	05/09/25	08/09/25	Vùng biển phía Tây Bắc khu vực Bắc Biển Đông
10	<u>Cơn bão số 6 - NONGFA</u>	27/08/25	30/08/25	Vùng biển từ Thanh Hóa đếnTp. Hué (bao gồm đảo Hòn Ngư, đặc khu Cồn Cỏ)

STT	Tên	Bắt đầu	Kết thúc	Vùng ảnh hưởng
11	<u>Cơn bão số 5 - KAJIKI</u>	22/08/25	26/08/25	Bắc vịnh Bắc Bộ, vùng biển từ Thanh Hóa đến Quảng Trị (bao gồm đảo Hòn Ngư, đặc khu Cồn Cỏ); Vùng biển ven bờ và đất liền các tỉnh từ Nam Thanh Hóa đến Bắc Hà Tĩnh
12	<u>Áp thấp nhiệt đới trên Biển Đông</u>	16/08/25	19/08/25	Khu vực phía Bắc vịnh Bắc Bộ (bao gồm các đặc khu Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Cô Tô và Vân Đồn), phía Đông Bắc Bộ và Thanh Hóa
13	<u>Áp thấp nhiệt đới trên biển Đông</u>	08/08/25	09/08/25	Vùng biển phía Đông khu vực Bắc Biển Đông
14	<u>Cơn bão số 4 - COMAY</u>	23/07/25	25/07/25	Vùng biển phía Đông của khu vực Bắc Biển Đông
15	<u>Cơn bão số 3 - WIPHA</u>	16/07/25	23/07/25	Khu vực vịnh Bắc Bộ, vùng biển ven bờ và đất liền các tỉnh từ Quảng Ninh đến Nghệ An
16	<u>Cơn bão số 2 - DANAS</u>	04/07/25	06/07/25	Bắc Biển Đông
17	<u>Áp thấp nhiệt đới trên biển Đông</u>	24/06/25	27/06/25	Bắc Biển Đông
18	<u>Cơn bão số 1 - WUTIP</u>	09/06/25	14/06/25	Bắc Biển Đông
19	<u>Áp thấp nhiệt đới trên biển Đông</u>	12/02/25	14/02/25	Biển Đông

Chiều ngày 9/10/2025, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức họp Đối tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai: Chia sẻ thông tin về tình hình lũ sau bão, đồng thời xây dựng kế hoạch đánh giá nhanh thiệt hại và nhu cầu tái thiết. Cuộc họp do Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Hoàng Hiệp chủ trì.

Tính đến 11h ngày 09/10/2025, thiên tai trên cả nước đã khiến 238 người chết và mất tích, 367 người bị thương; gần 260.000 ngôi nhà bị hư hỏng, tốc mái; gần 556.000 ha lúa, hoa màu và cây trồng khác bị ngập úng, thiệt hại; hơn 15.000 con gia súc và gần 1,45 triệu con gia cầm bị chết hoặc cuốn trôi; hơn 40.000 ha nuôi trồng thủy sản bị ảnh hưởng. Tổng thiệt hại ước tính gần 34 nghìn tỷ đồng.

Thiệt hại về người tương đương 47% so với cùng kỳ năm 2024, trong khi thiệt hại kinh tế bằng khoảng 37% so với cùng kỳ. Năm 2024, thiên tai đã khiến 501 người thiệt mạng và gây tổn thất kinh tế ước tính 90.277 tỷ đồng.

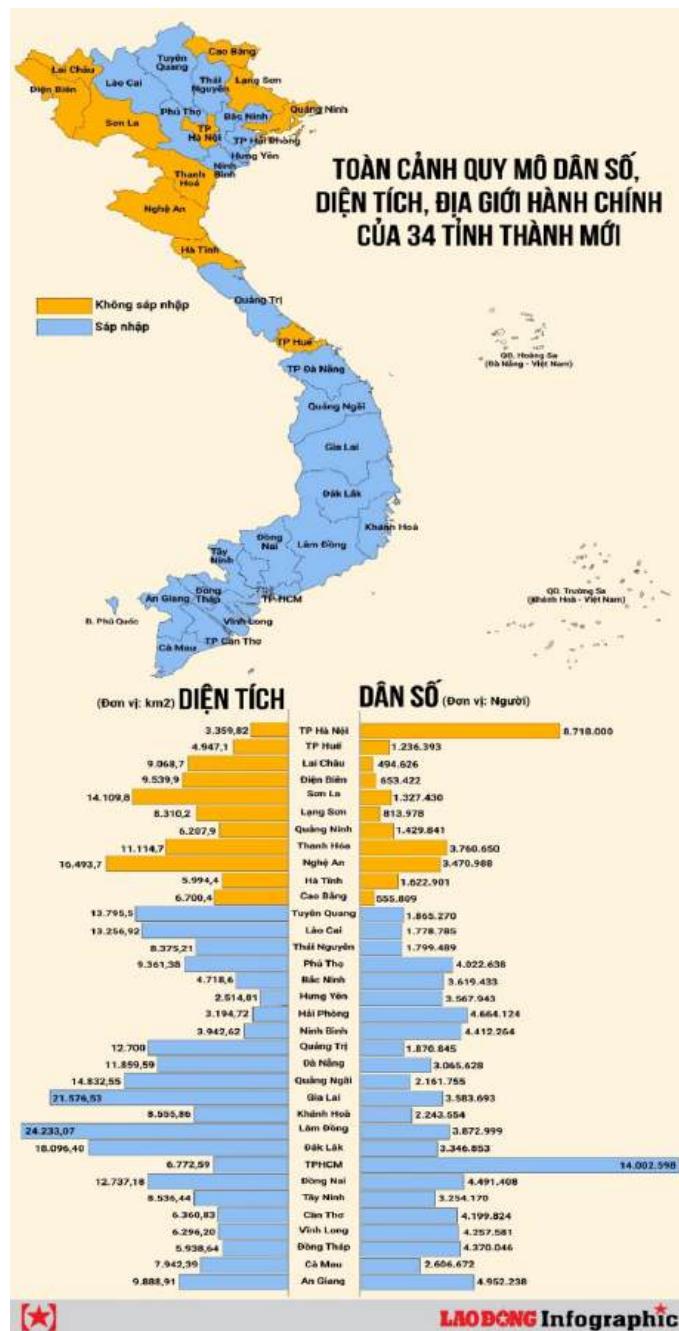
Các cơn bão gây mưa lớn cực đoan, dẫn đến lũ vượt mức lịch sử trên nhiều tuyến sông như sông Thương tại Cầu Sơn cao hơn lũ năm 1937 là 0,76m, sông Lô tại Hà Giang vượt mức năm 1969 là 0,90m, sông Bưởi tại Kim Tân (Thanh Hóa) vượt mức năm 1971 là 0,08m.

Hoàn lưu sau bão gây ngập lụt nghiêm trọng tại các đô thị và vùng trũng thấp, đặc biệt là ở Hà Nội, Thái Nguyên và Bắc Ninh.

Nhiều khu vực liên tiếp hứng chịu các đợt thiên tai, hình thành tình trạng "bão chồng bão, lũ chồng lũ", kèm theo lũ quét, sạt lở đất, nhất là tại các tỉnh miền núi và trung du Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

(*Tùng Dương, Báo vneconomy, ngày 10/10/2025, 6h50; Nguồn: Trung tâm chính sách và kỹ thuật phòng chống thiên tai, <https://dmc.gov.vn/thong-tin-thien-tai-pt32.html?lang=vi-VN>)*

Dân số, diện tích, địa giới của 34 tỉnh thành mới (<https://laodong.vn/infographic>)



CHÚ GIẢI BỘ KINH DỊCH XƯA VÀ NAY

Văn Thanh

Theo quyết định của Chủ nhiệm Dịch học đường Tâm Thanh mong muốn chú giải Bộ sách KINH DỊCH XƯA VÀ NAY của Thầy Nam Thanh Phan Quốc Sứ, nhằm hệ thống lại một số phần nội dung, chú giải thêm, cập nhật thêm thông tin, tư liệu. Chúng tôi sẽ đính kèm nội dung chú giải, vào sau bản gốc sách của Thầy Sứ, xem như phần phụ lục và giữ nguyên bản gốc của Thầy Sứ. Ban chủ nhiệm xin giới thiệu một phần chú giải trong nội san lần này, vì khuôn khổ nội san có hạn. Xin được chân thành nhận mọi góp ý xây dựng từ quý vị!

1. **Hội Việt Nam Dịch Lý (gọi tắt là Hội)** thành lập theo Nghị Định số 620 BNV/KS ngày 11/05/1965, do Tổng trưởng Nội Vụ Nguyễn Hòa Hiệp ký. Tiền thân Hội là Nhóm ÂM-DƯƠNG-HỌC TỬ-THANH, rồi tiếp nối theo đó hoá-thành ra, kể từ năm Ất-Tị (1965). Thành lập Hội là để khai-mở KỶ-NGUYÊN MỚI, KỶ-NGUYÊN TIÊN-HẬU-THIÊN TRÍ-TRI Ý cho Nhân-loại. Khi thành lập Văn Phòng Hội đặt tại số 82, Cao Thắng, Phường 4, Quận 3 (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (số 82, Cao Thắng, Xuân Hòa, TP HCM Sau sát nhập từ tháng 07/2025), nơi đây là Tam Tông Miếu. Tam Tông Miếu được xây dựng trên thửa đất do ông bà Trần Kim Ký hiến tặng dùng làm nơi thờ phượng và hành lễ của một tôn giáo mới xuất hiện, đạo Minh Lý. Công trình được xây dựng ngày 10/08/1926, hoàn thành vào cuối tháng 01/1927. Ngày 02/02/1927 khai buổi cúng đầu tại nơi thờ phượng mới. Sáu vị chức sắc khai đạo Minh Lý gồm có ông Âu Kiệt Lâm (pháp danh Minh Chánh), ông Nguyễn Văn Xưng (Minh Giáo), ông Nguyễn Văn Đề (Minh Đạo), ông Lê Văn Ngọc (Minh Truyền), ông Nguyễn Văn Miết (Minh Thiện), ông Võ Văn Thạnh (Minh Trực). Trong 6 vị này, sau ngài Âu Minh Chánh (chủ trì từ đầu đến 1938) thì ngài Minh Thiện (chủ trì từ 1938 đến khi quy tiên năm 1972) là người góp công sức lớn nhất cho việc phát triển Minh Lý đạo. Hoạt động của Tam Tông Miếu có sự hỗ trợ của ông Nguyễn Vĩnh Nghi và vợ là bà Nguyễn Thị Kim Tuyết (còn gọi là Châu) con nuôi của bà Toàn Lạc là em gái của ngài Minh Thiện. Có lẽ điều này ít nhiều cũng có tác động tốt đến vị thế của Tam Tông Miếu thời kỳ trước 1975. Sau tháng 4/1975, các hoạt

động tôn giáo bị hạn chế nhiều, riêng Minh Lý đạo không hề được công nhận như một tôn giáo. Mãi đến năm 2008 - tức là 33 năm sau - Ban Tôn giáo Chính phủ mới chính thức thừa nhận Minh Lý đạo là một tôn giáo độc lập.

Hội do Cụ Từ Thanh Nguyễn Văn Phúc làm Hội trưởng, Thầy Xuân Phong Nguyễn Văn Mì làm Thư ký; sau này Thầy Xuân Phong Nguyễn Văn Mì làm Hội trưởng

Đến khoảng năm 1971, trụ-sở Hội dời về số 457/96 Lê-văn-Duyệt, Hoà-Hưng, Sài Gòn, nhà riêng của Sư Tổ Nguyễn Văn Mì (nay là 457/96, Cách mạng tháng 8, phường Hòa Hưng, Tp. Hồ Chí Minh).

2. Danh từ DỊCH-LÝ VIỆT-NAM hay Việt-Nam Dịch -Lý Hội.

Xin thưa là:

Điều này rất dễ hiểu, sở dĩ có danh-từ Dịch-Lý Việt-Nam hay Việt-Nam Dịch-Lý Hội cũng chỉ là ký danh, ký hiệu để đánh dấu địa-danh và thời-kỳ suy-thịnh mờ tỏ trong ván-de Dịch-Lý mà thôi.

.... Dịch-Lý Việt-Nam không giống với bát-cú Dịch-Lý của một dân tộc nào trên thế-giới, và sách vở cổ kim chưa từng thấy có, đó cũng chính là cái lý do khai mở một Kỷ-Nguyên Mới trong nhân-loại. Ván-de Dịch-Lý đã cực lu mờ trong nhân-thế, cho nên Văn-Minh Âm-Dương Học Việt-Nam ngàn xưa phải sống lại, nó đã sống lại giữa lúc cục-diện nhân-loại đang trông ngóng, chờ đợi luồng gió đông thổi lên. Một sự thật mà chúng ta cần phải lưu ý là chỉ có Dân-tộc Việt-Nam mới làm sáng tỏ nỗi ván-de Dịch-Lý mà thôi. Nó đã thực sự sống dậy bằng cách khai mở một kỷ-nguyên mới trong nhân loại. **Đó là Kỷ nguyên Tiên-Hậu Thiên Trí-Tri Ý-Thức.** Để chứng minh lời nói trên, chúng ta chỉ cần xét lại tự cổ chí kim, trên thế-giới xưa nay chưa hề bao giờ có một Hội Dịch-Lý, thế mà hôm nay dân-tộc Việt-Nam chúng ta đã thành lập được một Hội Dịch-Lý đầu tiên và duy nhất trên khắp hoàn-cầu. Đây là một điểm son Lịch-Sử, một kỳ quan trọng trong nhân-loại, một quốc-bảo của dòng giống Lạc-Hồng, một niềm hân diện lớn lao cho dân-tộc Việt-Nam trước năm châu.

Kỷ nguyên Tiên-Hậu Thiên Trí-tri Ý-Thức là một chứng tích hùng-hồn, tiêu-biểu nhất cho “Bốn ngàn năm Văn-hiến” của Dân-tộc Việt-Nam. Khai-mở kỷ-nguyên mới trong nhân-loại từ năm Ất-Ty (1965) đến nay là Tân-Hợi (1971), dân-tộc Việt-Nam kể như đã đánh tan cái mặc-cảm tự-ti, nhược tiếu, chật tiến. Không còn có ván-de chỉ xách gói, xách

bị theo học của ngoại bang suông nữa. Nếu không muốn nói ngược lại, điều này đã chứng-minh và sẽ chứng-minh rõ hơn nữa trong tương-lai.

....

Trước khi chấm dứt, một lần nữa, nếu sự trình bày của chúng tôi chưa được rõ ràng hay có điều chi sơ sót, kính xin các bạn cao-minh niệm tình tha thứ và chỉ điểm cho. Và trong quý vị có điều chi thắc-mắc, chúng tôi xin trả lời đầy đủ hơn tại trụ-sở Việt-Nam Dịch-Lý Hội (457/96 Lê-văn-Duyệt, Hoà-Hưng, Sài gòn Quận 10).

Trân-trọng kính chào.

XUÂN PHONG NGUYỄN VĂN MÌ, Năm Tân Hợi 1971 tháng 07
âm lịch, ngày 11, Viết xong giờ Tuất – (giờ Nhu-Thái)

3. Dịch lý qua định nghĩa của Sư Tổ Nguyễn Văn Mì:

....

– Dịch là Biến đổi, Biến-hoa. Lý là lý lẽ thuộc về phạm vi Manh-Nha Vô-Hữu. Vậy thì **Biến-Hoa là cái Lý lẽ có thật trong muôn đời và khắp mọi nơi,** là Chân-Lý. Hễ đã gọi là lẽ thật thì Lẽ ấy phải có thật từ lúc chưa có Trời Đất đến nay và từ nay đến mãi mãi về sau trong muôn đời và khắp mọi nơi, Lẽ ấy phải có thật mới xứng danh là Chân-Lý.

– Quý vị và các bạn hãy bình tâm thử đặt câu hỏi và suy xét lại kể từ trong thâm tâm sâu kín lặng lẽ, tận trong cõi lòng mình, cho đến bao la rộng lớn bên ngoài, xem coi có cái gì là không Biến-Hoa, không biến đổi, không thay đổi, không luân chuyển, không xê dịch không?? Nếu tất thảy đều Biến-Hoa thì Biến-Hoa là cái Lẽ có thật, lẽ thật trong tất cả, bất kể không-gian, thời-gian nào.

– Khi chúng ta nói đến Chân-Lý tức là muôn nói đến cái lý lẽ hằng có thật trong muôn đời và muôn nơi, bất chấp ý riêng của con người hoặc ý riêng của muôn loài vạn-vật. Người xưa đã định-nghĩa DỊCH như sau: “DỊCH, BIẾN-DỊCH DÃ. BIẾN DỊCH BẤT DỊCH DÃ”. Tạm hiểu: Dịch, nghĩa là Biến-Dịch, còn cái lẽ Biến-Dịch thì không làm sao còn Biến đổi được nữa đó vậy. Nói như thế có nghĩa là cái lẽ Biến-Dịch thì hằng có mãi mãi khắp nơi và muôn đời. Nó chính là Chân-lý, là lẽ có thật đó vậy.

....

Dịch-Lý cũng chẳng phải độc-quyền của riêng một dân-tộc nào, một cá-nhân nào cả.

Trân trọng kính chào.

XUÂN PHONG NGUYỄN VĂN MÌ, Năm Tân Hợi 1971 tháng 07 âm lịch, ngày 11. Viết xong giờ Tuất – (giờ Nhu-Thái)

4. Bộ sách Kinh dịch Xưa và Nay

Bộ Kinh Dịch Xưa và Nay gồm 3 quyển/3 tập do Thầy Nam Thanh Phan Quốc Sử Biên soạn trên cơ sở Tài liệu của bản thân, Hội Việt Nam Dịch Lý và tinh hoa Kinh Dịch của tiền nhân. Tập I: Phân khoa Triết Dịch và Phân Khoa Giao dịch xã hội; Tập II: Phân Khoa Dịch lý báo tin; Tập III: giải thích 64 quẻ Dịch (xưa luận và nay luận thêm, ví dụ minh họa) và Dịch y đạo Nguyên lý biến hóa của bệnh tật; Theo: Đôi lời trần thiết của Thầy Phan Quốc Sử, trong tập III bộ Kinh Dịch Xưa và Nay, ngày 28 tháng Chạp, năm Nhâm Ngọ (9 giờ 35 sáng ngày 28 Tết Quý Mùi, 30-01-2003, Thầy viết rằng:

“BỘ KINH DỊCH XƯA VÀ NAY tập I và II đã hút hết tinh lực của tôi ròng rã trên 30 năm; Với tập III, Chủ yếu từ Bộ DỊCH KINH ĐẠI TOÀN do Cụ TÙ THANH NGUYỄN VĂN PHÚC dịch và Cụ XUÂN PHONG viết lời tựa, và trong quyển VIỆT DỊCH CHÁNH TÔNG do VIỆT NAM DỊCH LÝ HỘI xuất bản, tôi đã nghiên cứu những cốt yếu, đạt lý, sáng tỏ rồi chọn lọc tập trung gói gọn vào một chủ đề là chỉ lý giải 64 Danh Ý Tượng Dịch, tôi đã viết xong tập III trong vòng ba tháng tại Quán Dịch Y Đạo Nam Thanh

Với trọng trách là Trưởng Ban Tu Thư của Việt Nam Dịch Lý Hội từ năm 1970, mà mãi đến nay tôi mới hoàn thành đầy đủ ‘Chương trình Giảng Huấn Thống Nhất’ do chính Thầy Xuân Phong trao tay ấn chứng (1970) và Thầy đã cho phép tôi được đặt tên là: “KINH DỊCH XƯA VÀ NAY” vào năm 1995 gồm 2 tập, nay tôi thêm tập III, vậy là được trọn bộ 3 tập”.

(Trích từ “Đôi lời trần thiết”, Kinh Dịch Xưa và Nay, tập III, Nam Thanh Phan Quốc Sử)

5. Một số điểm cần chú ý khi đọc Bộ sách KINH DỊCH XƯA VÀ NAY

5.1. Yếu Lý Đồng Nhị Dị:

Vạn vật đều có *Yếu Lý Đồng Nhị Dị* tức Âm Dương nghĩa là một thể hiện dù dưới bất cứ hình thức nào, tất cả đều được cấu tạo theo một nguyên lý nhất định là Âm Dương luân chuyển phối hợp mà sinh thành.

Ví dụ: như đàn ông (được lý Dương) và đàn bà (được lý Âm).

Nếu nghĩ xa hơn nữa thì trong mỗi cơ thể của mỗi loại lại có hai phần:

- Phần thấy được gọi là thể xác (Dương)
- Phần rỗng trong thể xác (Âm) ví như các khoảng trống của thể xác, chẳng hạn như các lỗ trống trong xương, trong thịt, trong tóc ...

Hai phần này nếu không hòa hợp, cân xứng, nương tựa, nuôi nhau thì cơ thể không kết thành mà sống động, tiến hóa được. Cho nên ta có thể nghĩ là trong Âm phải có Dương và trong Dương phải có Âm, nghĩa là Âm Dương có tương giao, tương cảm, tương xứng, hòa hợp ở trong thì mới phát triển sinh tồn mãi được.

Nói cách khác, nếu đem hai cục cây hoặc hai viên đạn chai kè sát nhau mà không nhờ một sự phối hợp cân xứng khác gọi là Âm như cây đinh hoặc một chất keo thì cây, đạn vẫn chẳng ở với nhau được.

(**ĐẠI CƯƠNG DỊCH LÝ NHẬP MÔN 5. ÂM DƯƠNG VỚI CÁC THỂ-HIỆN, XUÂN PHONG; HỒNG TỬ UYÊN**)

5.2. Định Danh

Danh là quy ước để phân biệt đồng dị và neo ý nơi sự lý trong phạm vi nào đó, và chỉ là sự thật của danh chứ không phải sự thật của tất cả.

Danh là âm thanh, hình tượng, nét vẽ, ký hiệu diễn tả hiện tượng, trạng thái, ý nghĩa, lý lẽ nào đó của sự vật, sự lý.

Danh có thể do tự nhiên, có thể do bày đặt của con người hoặc muôn vật (Danh nhân tạo); gồm có Danh Từ, Danh Tượng, Danh Tính, Danh Ý, Danh Lý. Danh là sản phẩm của Trí Tri Ý Tiên Hậu Thiên, là Trí Tri Cơ Cấu Tượng Hình Hài Thanh.

Hình thức biểu hiện và ý nghĩa nội dung của Danh biến đổi theo thời gian, không gian. Muốn hiểu rõ Danh, phải theo qui ước của Danh. Qui ước của Danh là phạm vi tình lý. Ở mọi phạm vi tình lý, Danh có hình thức và ý nghĩa riêng cho trong phạm vi tình lý đó; qua phạm vi khác, Danh có thể biến đổi hình thái lẫn nội dung.

Dùng danh để phân biệt chỗ Giống mà hơi khác nhau (ĐỒNG NHI DI) của vạn hữu và để truyền thông tư tưởng lẫn nhau giữa những cái TÔI- CON NGƯỜI và LOẠI VẬT.

Danh tự nhiên của Tạo Hóa là hình ảnh hiện tượng núi sông, mưa nắng, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cỏ cây, sắt đá, muông chim, cầm thú, con người... nói chung là vạn vật; là âm thanh, là tiếng động trầm bổng của vạn vật. Tạo Hóa đã đặt tên: bằng cách lưu lại dấu vết, neo ý về sự nghiệp công trình Cầu Tạo Hóa Thành bằng tượng hình hài thanh nơi muôn vật. Có vậy, ta mới có thể nương theo Danh Tự Nhiên của Tạo Hóa mà học hỏi bày chế đủ thứ.

Định danh phải theo lý lẽ:

- a. Phải có sự lý và ý thức sự lý
- b. So sánh phân biệt chỗ Đồng Dị của Sự lý (tức là so sánh Phạm vi Âm Dương)
- c. Chọn và gắn tên cho Sự lý
- d. Neo ý về Sự lý cùng cái tên của nó

(Kinh Dịch Xưa và Nay, Tập I, Bài 2 -Sự đặt tên (Định danh))

Luận thêm: Tuy Danh chỉ là sự thật của Danh, nhưng nếu Danh ứng hợp với Tượng, Quả và tính lý của sự lý (mang Danh) thì Danh cũng nói lên sự thật của sự lý mà ta muốn biết.

5.3. Sự Lý và Lý Sự:

Sự Lý là sự vật, việc, người nào đó, có hoặc không được Con Người nhắc nhở, nói, nghĩ đến.

Lý Sự là khi con Người đến với sự việc rồi phác họa, vẽ vời, lý luận, biện minh, bàn luận, nghĩ đến, nói đến lung tung sao đó về vật, việc, người nào đó. Vậy **Sự Lý** như là vật, việc vây phủ quanh Con Người, vây phủ trong ngoài Con Người, bất kể có luận bàn hay không luận bàn, đã luận bàn hay chưa luận bàn. Còn **Lý Sự** là có Lý luận về **Sự Lý**.

Tạm phân biệt ra là như thế, nhưng **Đúng Lý** hơn, **Sự Lý** hay **Lý Sự** chỉ là **Một**. Vì một **Sự Lý** là đã có **Lý Sự** của Con Người về nó, nên mới có hiểu biết và không hiểu biết sao đó về sự đó. Khi Con Người **Lý Sự** thì phải **Lý Sự** về **Sự Lý** nào đó chứ không thể Lý luận suông không có đối tượng được. Vậy, dù thế nào, đó cũng là **Tình Ý**, **Tình Lý** của Con Người gọi là có **Tình Người** tham dự ít nhiều.

Tình Người thì có Tụ Tán, Mờ Tỏ, Sáng Tối, Âm Mát, Nóng Lạnh,

Linh Hiển, Nhanh Chậm, Thiện Ác, Tốt Xấu...

Cây viết là một *Sự Lý*, khi nói cây viết dài ngắn, đẹp xấu, nhỏ to... đều là *Lý Sự* về cây viết. Nhưng chính cây viết đối với Tôi Con Người là đã có *Tinh Ý* Tôi Con Người rồi, tức đã có *Lý Sự*, nếu không, chẳng có *Tên* là Cây Viết với hình thù tác dụng như thế.

Chúng ta có thể tóm lược *Sự Lý*, *Lý Sự* qua trên *Lý*, *Đức*, *Tính*, *Thời*, *Thần*, *Khí*, *Tình*, *Thanh*, *Sắc*, *Chất*, *Thể*, *Hình*.

Nhưng nên nhớ, ở đây chúng ta học Dịch Lý tức là đã nói về đến *Lý*, vượt qua cả *Hình*, *Thể*, *Chất*, *Sắc*, *Thanh*...

5.4. Tình Lý và Tính Lý:

Tình Lý, nói cho gọn là *Muôn Vật Hữu Tình*, có giao dịch, có cảm xúc, nghĩ ngợi, hiểu biết đến, có *Tình Ý*, có liên hệ với nhau. *Tình Lý* giữa Người với Người, giữa Người với Vật, giữa Vật với Người, Vật với Vật, chung đụng xa hay gần nhau trong một khung cảnh, hoàn cảnh, truồng kiếp v.v... (Vũ Trụ).

Tính Lý của muôn vật là *Sống động*, là *Động Tĩnh*, là *Biến Hóa*, là *Âm Dương*, là *Đồng Nhị Dị*, là từ Âm sang Dương, từ Dương sang Âm từ Không đến Có, từ Có đến Không. *Tính Lý* là như vậy, chỉ có như vậy chứ không có gì khác. Coi chừng trên đường học tập, vì ưa thích sự dễ dãi mà lầm lẫn *Tính Lý* với Đặc tính, Công dụng, Nhiệm vụ v.v... Vì tất cả chúng cũng chỉ là *Tính Lý* mà thôi.

Bất kể *Tình Ý* nào, *Tình Ý* Người, *Tình Ý* Vật, *Tình Ý* cỏ cây, sắt đá, nước lửa, gió mây, hữu thể, vô thể, mỗi mỗi đều có *Tình Ý* riêng, nhưng chúng đang có vì một lý do nào đó mà chúng phải chung đụng với nhau trong Vũ Trụ Vô Hữu, gọi là *Tình Lý*.

Chúng đều có chung một lý do, *Một Tình Lý Âm Dương*. (Cung cầu Âm Dương hấp dẫn nhau). *Tình Ý* của khắp nơi và muôn đời là *Tình Ý Âm Dương* do Âm Dương Lý mà chúng có mặt, có ý riêng để mà Âm Dương lẩn cho nhau, Âm Dương này nhờ Âm Dương khác mà sống còn, mà Tiêu Trưởng, Ân Hiện.

Âm Dương này có Tư năng hơi khác hoặc xem ra như quá khác với Âm Dương kia trong Vũ Trụ. Mỗi mỗi đều có *Tình Ý*, *Tình Lý* riêng của nó *Giống* mà *Hơi Khác* nên tự chúng có những động thái Đồng Dị với nhau là lẽ đương nhiên. Vậy có thể nói *Tình Lý Dương* chung của mọi *Sự Lý* là *Tình Lý Âm Dương*, là Lý Tính *Biến Hóa*, là *Dịch Lý*.

5.5. Phạm vi tình lý: Sự lý hiện hữu vào thời điểm nào đó gọi là Phạm Vi Tình Lý

Phạm vi tình lý là phạm vi cụ thể nào đó, khung cảnh cụ thể nào đó, có sự lý được đề cập, được xét đến; phạm vi tình lý là phạm vi âm dương Mọi sự lý trừ KHTK (Không - Hoàn Toàn Không) đều là CÓ, dù là cái KHÔNG vẫn là CÓ cái KHÔNG, nên gọi là VẬN HỮU, là Hậu Thiên so với KHTK là Tiên Thiên. Vậy, con người và muôn vật ở cõi CÓ, nên gọi là Hậu Thiên, là Hiện Hữu. Không gian thời gian có ngay từ lúc KHTK Cực, nên mọi sự lý đều ở trong Không gian Thời gian. Sự lý hiện hữu vào thời điểm nào đó gọi là Phạm Vi Tình Lý. Sự vật, sự việc do lý lẽ nào đó nó hiện hữu và có liên quan hữu tình với sự vật sự việc khác, hoặc có Tình Người Tình Đời tham dự lý luận về nó nên gọi là Sự Lý, là Tình Lý. Không có sự vật việc gì mà không có lý lẽ của nó, đó là sự lý; và bất cứ lý lẽ luận nào cũng phải lý luận về sự vật việc gì, đó là lý sự. Các sự lý quây quần tụ tán với nhau là Hữu tình, lại thêm có Tình Người tham dự, nên gọi chung là Tình Lý.

Vậy, khi có Sự lý, nói đến sự lý nào, thì con người cũng có hiểu biết lý luận ít nhiều về nó, chứ không thể nói hoàn toàn không biết, không có Tình Ý, Tình Lý với nó. Đó là có ý thức mờ tỏ ít nhiều về sự lý. Mỗi sự lý là Đồng Nhi Dị.

Luận thêm: khi có ý muốn biết về điều gì đó, là ta có tình lý về nó và ngược ngại, có mối quan hệ ít nhiều với nó rồi; và quẻ dịch là cầu nối để ta liên thông hiểu rõ hơn về nó. Xác định phạm vi câu chuyện, chiết tính tình ý, và định nghĩa lại danh trước khi lấy quẻ dịch ra quyết định)

(KDXVN, tập I, Bài 2. Sự đặt tên (Định danh); Phan Quốc Sư)

5.6. Phạm Vi Tình Lý là Phạm Vi Âm Dương:

Muôn loài vạn vật chung chạ xa gần, hữu tình với nhau trong một khung cảnh, hoàn cảnh nào đó của Vũ Trụ Vô Hữu. Khi Con Người lý luận về chúng, đề cập về chúng, thì dĩ nhiên, Con Người lý luận trong một biên cương, trong một ranh giới theo Tình Ý của Con Người, gọi là Phạm Vi Tình Lý.

Trong đời có biết bao sự vật, việc, người... mà ta gọi là Tình Lý. Mỗi Tình Lý là một Phạm Vi Âm Dương riêng biệt. Chúng ta không nên lẫn lộn Phạm vi này với Phạm Vi khác.

Phạm vi là biên cương, là ranh giới, là giới hạn, là khung cảnh, là

phạm trù mà trong đó gồm có rất nhiều Trung và Tiêu Phạm vi *Tình Lý* Âm Dương nhiệm nhặt hơn. Khi ở trên *Sự Lý* nào, thì phạm vi mang danh nghĩa *Một Âm Dương* cho *Sự Lý* đó. Lúc bấy giờ gọi là Phạm vi *Tình Lý* vì *Sự Lý* đã có *Tình Người* tham dự và có Tình ý sao đó. Những *Sự Lý* liên hệ trong phạm vi *Tình Lý* nào đó đều được gọi là *Tình Lý Liên Hệ* (Tự tư Liên Hệ). Chỉ trong phạm vi đó thì *Sự Lý* đó mới có *Tình Lý* đó. Ngoài Phạm vi đó chúng ta không thể phán quyết được. Cho nên, người học Dịch khi nói điều gì cũng phải rõ Phạm vi. Chưa rõ Phạm vi thì không nên nói liều.

Thí dụ như:

Nói chuyện ở phạm vi Vũ Trụ, phạm vi Quốc Tế hay phạm vi Quốc Gia, Tỉnh, Quận ...

Phạm vi Gia đình, nhà cửa... phạm vi cái Vật, cái lu, cái hũ...

Chẳng hạn, phạm vi câu chuyện xảy ra là: ‘Bánh xe đẹp’. Trong phạm vi ‘Bánh xe đẹp’ thì có những Phạm vi *Tình Lý Liên Hệ* (Tự Lư Liên Hệ) như: Vỏ, Ruột, Hơi, Vòi, Niềng, Căm Xe v.v...

Nếu chọn vỏ thì Vỏ là phạm vi *Tình Lý* vì có *Tình Người* tham dự nên mới có *Tên* là Vỏ và có *Tính Lý Dương Nhiên* mà khi Con Người nghĩ đến, nói ra thì *Tính Lý* đó lại trở thành *Tình Lý*. *Tính Lý Dương Nhiên* của vỏ là *Đồng Dị Biến Hóa – Biến Hóa Đồng Dị*, chẳng hạn: từ cũ đến mới, từ mới đến cũ, từ dày đến mỏng hoặc từ mỏng đến dày, Dày Mỏng, Cũ Mới, Nặng Nhẹ, Nhỏ To, Lành Bέ... bây giờ là *Tình Ý*, *Tình Lý* riêng của Tôi Con Người có đối với vỏ xe bằng nhiều lời lẽ khác nhau cho Vỏ xe... đều là phạm vi Âm Dương Tiêu Trưởng. Phạm vi Âm Dương Tiêu Trưởng Đồng Dị Biến Hóa, Biến Hóa Đồng Dị tự nó vốn không *Tên*, đến khi được hay bị con người đề cập, nghĩ đến, gọi *Tên*, thì lúc bấy giờ nó là Phạm vi *Tình Lý*: Cũ Mới, Dày Mỏng, Nặng Nhẹ, Nhỏ To, Lành Bέ... có *Tình Ý* người tham dự nên nó mới có *Tên* gọi là thế đó. Chung quy, cũng chỉ là Phạm vi Âm Dương, mãi mãi vẫn là phạm vi Âm Dương chẳng có gì là lạ cả.

5.7. Tình lý tự tư liên hệ và tình lý dương nhiên:

Trong một câu hỏi nhiều khi muốn biết về Trung hoặc Tiêu phạm vi *Tình Lý* Tự Tư liên hệ với Đại phạm vi.

Thí dụ: Trong buổi lễ thôi nôi, người ta muốn biết chút nữa đây đứa bé sẽ bốc món nào trên mâm đồ? Mâm đồ là Đại phạm vi chứa các Trung

- Tiêu phạm vi Tình Lý Tự Tư liên hệ là: Kéo, hộp quẹt, bút máy, súng lục cao su, thước, gương, cục xôi... Hoặc có một cô gái hỏi: “Anh nói xem tôi ghét con nào trong 5 con này?”. Vậy 5 con vật là Đại phạm vi, còn Gà, Ngỗng, Vịt, Rít, Thỏ, mỗi con là Trung Tiêu phạm vi Tình Lý Tự Tư liên hệ.

Khi đã có Tình Lý liên hệ đến Đại phạm vi rồi, ta cần phải biết rõ Tình Lý đương nhiên của Tình Lý. Tình Lý đương nhiên của vạn hũu là Biển Hóa, Sóng Động. Nhưng để dễ hiểu, tạm thời có thể xem *Tình Lý như là đặc tính, công dụng, đặc điểm, hiện trạng nào đó mà muôn vật đang có và đối với con người của chúng ta có hiểu biết ít nhiều sao đó về chúng, có Tình Lý với chúng*. Như vậy Tình Lý đương nhiên cũng là Tình Lý vì có Tình Người tham dự hoặc ngược lại. *Do đó, danh từ Tình Lý để chỉ chung về Tình Lý liên hệ và Tình Lý đương nhiên*.

Chẳng hạn, cái kéo Tình Lý để cắt gồm có hai miếng sắt dài ghép lại (Tình Lý đương nhiên Tình Lý liên hệ). Hộp quẹt dùng để phát ra tia lửa. Con gà là vật gia súc bới đất để kiếm ăn, con rít bò bằng nhiều chân, loài bò sát, con thỏ gặm nhấm...

5.8. Phạm vi tình lý Chánh động:

Chính Lý cho sự lý túc là so sánh Ý Tượng Dịch với Tình Lý của từng sự lý, Tình Lý liên hệ để tìm Tình Lý nào Chánh động, **Tình Lý nào hợp tình, hợp lý nhất với Ý Tượng Dịch thì Tình Lý đó là Phạm Vi Tình Lý Chánh động đúng Lý với Ý Tượng Dịch đang thời diễn ra.**

Thí dụ: Dịch Tượng là Trạch Địa Tụy: *Trung Tập*, tụ tập, dồn cục, dồn đồng, kéo thành bầy... So sánh giữa cái kéo, hộp quẹt, cây viết, súng lục, cục xôi, cục đất... chúng ta thấy cục xôi gồm nhiều hạt nếp nhỏ dồn cục lại thích hợp nhất với Ý Tượng Dịch: Trung tập, tụ tập. Vậy, cục xôi là chánh động vì đã hợp tình, hợp lý với Ý Tượng Dịch và chốc nữa đây, đứa bé sẽ bò lại bốc cục xôi (các đồ vật nêu trên đây để làm lễ thôi nôi). Cục đất là phó động, đứa bé sẽ bốc kẽ.

Đôi khi có những Tình Lý mà Tình Lý dường như tương tự nhau, chúng ta phải hết sức thận trọng phân tích cho thật kỹ. Nếu dùng Chánh tượng chưa ra thì dùng thêm Biến Tượng; Nếu Chánh Biến Tượng chưa ra thì dùng Đơn Tượng và Hào động ... để xác định.

Một khi bạn chịu khổ công như vậy, chắc chắn bạn sẽ tìm ra được Tình Lý nào Chánh Động. Nếu đã dùng hết công lực mà vẫn tìm không ra

thì tốt hơn hết bạn hãy khoan nói Dịch, vì lúc bấy giờ Thần Thúc và Đức Thần Minh trong Người bạn chưa hợp Đức, hợp Sáng, hợp Lý.

5.8. Tình lý cơ động:

Đơn Tượng động là Tình Lý cơ động dùng để phân biệt với những Tình Lý ngụy tạo hay giả tạo. Vì chỉ Tình Lý nào phù hợp cả Chánh Tượng lẫn Đơn Tượng động và Hào động mới thật là Tình Lý cơ động hay Chánh Động.

5.9. Biến thông danh ý tượng dịch:

Tìm từ đồng nghĩa với Lý Tượng Dịch sao cho phù hợp với từng Tình Lý, sự lý cụ thể (Thuật dụng ngữ). Phát ý chánh hộ biến thành một câu có ý nghĩa, ngắn gọn nhất trong 3 chữ nếu có thể, hợp với lý dịch, phạm vi hoàn cảnh.

Chẳng hạn như Tượng Thuần đoài là Hiên đẹp, là Nói năng, là khuyết mẻ, hủy triết, đỗ vỡ. Vậy phải biết khi nào dùng nghĩa nào. Mỗi phạm vi Tình Lý có một Ý Tượng Dịch thích hợp. Như phạm vi sắc: Thị Daoài là Đẹp, phạm vi Quan sát: Thị Daoài là Hiên lộ, phạm vi tuyên truyền: Thị Daoài là Nói năng, phạm vi hình thể: Thị Daoài là khuyết mẻ...

(KDXVN, Tập I. Bài định danh; Tập II. Bài thứ 8. Phép nói dịch; Phan Quốc Sử)

5.10. Phép Như Lai (bước 8):

Phép Như lai giúp ta an nhiên tự tại, thuận thiên hành đạo, khai vật thành vụ

Luyện tâm trí có được tánh: linh tánh, linh cảm, linh khiếu, linh giác. Muốn được như vậy thì phải năng luyện tập kiểm soát tượng dịch mỗi ngày, tập phát ý, tập biến thông...đến độ thuần thục, kim khẩu quyết. Ai có được những tánh ấy, người đời gọi là Thiên tử, là con Trời, là thiên tài, là Đạo sư, là vạn thế sư biểu. Tuy đang ở trong đời, sống với đời mà Bạn không lụy việc đời, nhân tình thế thái nóng lạnh đều vô nghĩa. Con người Bạn đã thật sự tiến từ từ vào trạng thái xuất nhập thần, xuất nhập thế là một. Xuất thế cũng là nhập thế, nhập thế cũng là xuất thế. Xuất nhập thế là sống động, hoạt động linh động tiêu trưởng ẩn hiện. Bạn tự nhiên có một Vũ trụ quan, một Nhân sinh quan hết sức siêu Khoa học, siêu Đạo lý, siêu Triết lý (KDXVN, Tập 1, Hành trình lý học, Những bước chánh trên đường học dịch- Phan Quốc Sử)

5.11. Chí thành thông Thánh (bước 9)

TIÊN HẬU THIỀN TRÍ TRI Ý THÚC là tài năng vô địch tuyệt vời của Tạo Hóa, của vũ trụ vô hữu. Nó sẵn có trong con người Bạn. Nó dẫn dắt Bạn đến trạng thái xuất nhập vô ngại, thiền biến vạn hóa, linh hiển như Thần – Là phép vô ký tối mật của Trời Đời Người, thường kỉ đao hạnh chí thành đắc đạo mới dụng nổi.

(KDXVN, Tập 1, Hành trình lý học, Những bước chánh trên đường học dịch- Phan Quốc Sử)

Để lý giải, phân tích cụm từ này, xin trích một số đoạn liên quan:

5.12. Lý Trí là gì? Chữ Lý Trí do hai từ LÝ và TRÍ chung cùng hợp lại.

LÝ là lý lẽ, lý do, nguyên nhân như đã nhiều lần được định nghĩa trong chữ DỊCH LÝ.

TRÍ là từ đại diện cho các loại HIỄU BIẾT - BIẾT HIỄU: tạm qui vào một từ chung gọi là *Trí Tri Ý Thúc*.

Mọi HIỄU BIẾT - BIẾT HIỄU nào cũng phải có lý lẽ, nguyên nhân cấu tạo hóa thành nó. Nếu không thì TRÍ TRI Ý THÚC cũng không có. Cái LÝ thành cái TRÍ luôn sẵn có ở TRÍ TÔI - CON NGƯỜI. LÝ và TRÍ là cặp phạm trù triết học hữu cơ với nhau, không thể tách rời ra được.

Theo Sư Tổ Nguyễn Văn Mì, thì trí tri được hiểu như sau:

Trí là Hiểu (khả năng, năng lực, linh thiêng)

Tri là biết (khả năng, năng lực, linh thiêng)

Trí Tri thì liền, lập tức là Ý, Ý tức là Cực của Trí Tri (Cực của lúc đó), lúc đó, tới độ nào đó. Có nghĩa là: khả năng hiểu biết, tức linh thiêng bản thể tối sáng, sáng tối trí của lúc đó khi tham dự vào một vấn đề, thì nó sẽ sáng tối tới độ nào đó, bất kể ở tại cõi miên Âm Dương nào, bất kể vấn đề gì (Âm Dương Tiên Hậu Thiên Trí Tri, Ý Thức là linh thiêng Thần lực) (hết trích dẫn Sư Tổ Nguyễn Văn Mì), (VDLH 02. Nhận thức về trí tri cơ cấu-Vũ trụ ngũ liên hành tinh- Cao Thanh; Xuân Phong Nguyễn Văn Mì)

LÝ ví như Thể, TRÍ ví như Dụng.

LÝ là nền tảng, là bờ mốc, là ranh giới, là phạm vi để TRÍ hoạt động, linh động, sống động trên đó, trong đó. Nếu không có LÝ làm bờ bao, làm lộ giới thì không thể thành TRÍ được tức không có HIỄU BIẾT - BIẾT HIỄU gì cả.

LÝ TRÍ tuy vô hình nhưng lúc nào cũng hiện hữu ở TÔI - CON NGƯỜI ở nhiều cấp độ từ siêu siêu, siêu hiển đến hiển siêu, hiển hiển mà

TÔI - CON NGƯỜI thường trực nhận qua **12 Đại Phạm Vì Căn Cơ Của Trí**. TRÍ TRI Ý THÚC của TÔI - CON NGƯỜI biểu hiện ở vô vàn phạm vi khác nữa không sao kể xiết gọi là Âm Dương Trời Biển TÌNH Ý. Chúng ta tạm qui vào 12 phạm vi lớn để làm cơ sở học tập, còn các phạm vi khác từ đó suy ra.

(KDXVN, Tập 1, Bài 2. Lý trí phân tách danh từ lý trí, Phan Quốc Sứ)

5.13. Lý trí tánh là gì?

Tất cả những sự hiểu biết không hiểu biết (ý thức, vô thức), động tĩnh theo ý muốn và ngoài ý muốn, mọi sự biến hóa hóa thành ở TÔI - CON NGƯỜI (thể xác và tinh thần), dù nhanh chậm thế nào, dù lớn lao hay nhiệm nhặt đến đâu, cũng đều do một khả năng duy nhất mà tôi gọi chung là Lý Trí Tánh.

Bởi LÝ TRÍ TÁNH là một lực lượng siêu tuyệt mâu nhiệm luôn luôn sẵn có trong cái TÔI - CON NGƯỜI, nó quyết định mọi động thái của TÔI - CON NGƯỜI từ lúc sinh ra cho đến lúc chết đi, nên TÔI - CON NGƯỜI phải đặc biệt quan tâm nghiên cứu thành một chủ đề lớn về LÝ TRÍ TÁNH ở bài kế tiếp.

Riêng người học DỊCH, quyết tâm truy tầm cho vỡ lẽ qui luật Vũ Trụ và Chân Lý muôn đời thì LÝ TRÍ TÁNH là khí cụ sắc bén duy nhất có thể giúp TÔI - CON NGƯỜI nhanh chóng thấu đạt kết quả (KDXVN, tập 1, 2. Tư năng và động thái của tôi-con người chính là lý trí tánh hình hiển-Phan Quốc Sứ)

Muôn loài vật đều có chung một LÝ TRÍ TÁNH, gồm TÁNH BIẾT và TÁNH KHÔNG BIẾT nghĩa là TÁNH BIẾT cũng là LÝ TRÍ TÁNH và TÁNH KHÔNG BIẾT cũng là LÝ TRÍ TÁNH.

Ít có người thấy biết được khả năng hai mặt cùng lúc của LÝ TRÍ TÁNH là BIẾT và KHÔNG BIẾT (Vô Hữu Lý).

Đa số thường quen ở TÁNH BIẾT, chớ họ không thể ngờ TÁNH KHÔNG BIẾT cũng là khả năng của LÝ TRÍ TÁNH nên lâu nay họ trông lầm nghe lạc hiểu sai rất nhiều.

Sự thật muôn loài chỉ có một TÁNH gồm có lúc BIẾT, lúc KHÔNG BIẾT là do chiều hướng thiên cực Âm hoặc thiên cực Dương ở phạm vi sống động cụ thể lúc bấy giờ.

Chẳng hạn ở TÔI - CON NGƯỜI: Lý Trí Tánh biểu hiện ở giác quan và trí óc cũng có BIẾT và KHÔNG BIẾT, chứ chẳng phải lúc nào cũng

BIẾT cả.

Người đời thường chủ quan cho rằng cỏ cây, sắt đá, bàn ghế, ly tách... là vật vô tri vô giác. Đó là sự cố tình nhìn lầm của loài người về chúng đấy thôi. Sự thật chúng có Tánh Biết và Không Biết theo kiểu cách của chúng. Con người không nên bắt buộc chúng Hiểu Biết - Biết Hiểu hoàn toàn giống như CON NGƯỜI. Ngược lại cũng không thể bắt TÔI - CON NGƯỜI Hiểu Biết - Biết Hiểu hoàn toàn giống như chúng. LÝ TRÍ TÁNH ở muôn vật giống mà hơi khác hoặc quá khác nhau thì mới thành vô số chủng loại. Có loại thiên cực Âm có loại thiên cực Dương: thiên nhiều về Tánh biết hoặc thiên nhiều về Tánh không biết.

Nếu muôn vật không có LÝ TRÍ TÁNH thì chúng không thể sống động, động tĩnh, quây quầng tụ tán, hấp dẫn cung cầu thừa thiếu, sinh khắc tiêu tưởng ẩn hiện với nhau được. Vạn vật hấp dẫn là gì?

Khoa học tiến bộ ngày nay đang dần dần chứng minh vật chất có ký ức, tiềm thức chứ không phải hoàn toàn vô tri vô giác như nhiều nơi còn lầm tưởng. Đến lúc nào TÔI - CON NGƯỜI hiểu ra rằng muôn loài vạn vật tri giác linh hiển có khi hơn cả loài người ở một phạm vi nào đó thì TÔI - CON NGƯỜI mới thôi tự cho “Nhân Linh ư vạn vật” và khiêm ái hòa hợp với muôn loài: “Nhân thân tiếu vũ trụ”.

(KDXVN, Tập 1, mục IV. Lý giải ba định nghĩa về lý trí tánh, Phan Quốc Sứ)

5.14. Trí tri cơ cấu là gì ?

Trí Tri là gì? (xem lại phần trên)

Cơ Cấu là sao?

Đáp: CƠ là biến động, biến chuyển, biến đổi

CẤU là cấu kết, liên kết, chuyển tiếp để hóa thành mới mẻ không thôi.

Vậy *Trí Tri Cơ Cấu* Âm Dương Âm mà cũng là Dương Âm Dương (Biến Hóa Hóa Thành, Hóa Thành Biến Hóa). Nói tắt: là Âm Dương Tiên Hậu Thiên Trí Tri, Ý Thức sẵn có nơi mỗi người.

Tóm lại, *Trí Tri Cơ Cấu* là Tự, Từ, Ngữ, Ngôn, Xướng (của loài người); *Trí Tri Cơ Cấu* tức văn ngôn chữ nghĩa là vấn đề quan trọng trong xã hội loài người.

Trí Tri, Ý xuất hình ư nhân, sự, vật, việc

Trí Tri Cơ Cấu vẫn là Trí Tri, Ý biến động trôi qua....

Bất kể là nghe, thấy, hiểu được hay không, có nghĩa là bất kể Tự, Từ, Ngữ, Ngôn, Xướng nào, của loài nào, thứ giống gì cũng đều gọi là *Trí Tri Cơ Cấu* cả, bởi vì chúng cũng chỉ là Âm Dương Tình Ý mà thôi. Vũ Trụ Ngữ là vậy đó.

(*VDLH 02. Nhận thức về trí tri cơ cấu-Vũ trụ ngữ liên hành tinh-* Cao Thanh; Xuân Phong Nguyễn Văn Mi)

5.15. Cội nguồn của Trí tri ý thức?

Cội nguồn tột cùng của một cái gì, thường người ta hay nói về ba phạm vi căn cơ là LÝ, ĐỨC, TÁNH của nó. Ta có thể gọi tắt LÝ ĐỨC TÁNH của TRÍ TRI Ý THÚC là LÝ TRÍ TÁNH và minh giải như sau:

LÝ của TRÍ: là căn cội tột cùng của TRÍ, là siêu nhiên lộ đê bất kể HIẾU BIẾT - BIẾT HIẾU nào cũng đều trôi lăn trong bến bờ Vô Hữu Lý.

ĐỨC của TRÍ: là bè dày sâu thẳm của TRÍ đê bất kể HIẾU BIẾT - BIẾT HIẾU nào cũng được bén rẽ mạnh nha (mạnh động, mạnh vi) và khoáng trương đến tận cùng hết sức, hết mức của nó (Manh Nha Cực – Cực Manh Nha).

TÁNH của TRÍ: là chiêu hướng biểu hiện của TRÍ, là sự vận động liên tục, phát triển không đình nghỉ của bất kể HIẾU BIẾT - BIẾT HIẾU nào.

Đó là nhiên tánh của TRÍ TRI Ý THÚC: luôn luôn BIẾN HÓA và khi BIẾN HÓA thì phải HÓA THÀNH lập tức HÓA THÀNH Ý mới và khi HÓA THÀNH liền lập tức BIẾN HÓA tiếp tục. TRÍ TRI Ý THÚC cứ BIẾN HÓA HÓA THÀNH mãi không thôi, lập tức, mâu nhiệm, kỳ diệu vô cùng (Tâm Viên Ý mã, tính vận động của vật giới).

TRÍ TRI Ý THÚC là Âm Dương hình hiển so với LÝ ĐỒNG NHI DỊ là Âm Dương ẩn tàng.

TRÍ TRI Ý luôn luôn biến động biến đổi biến hóa nhanh chậm cũng đồng dị nên có thông thường và khác thường.

- Trí Tri Ý Thông Thường Của Giác Quan Và Trí Óc:

Tương đối chậm hơn, ta có thể vận dụng dõi theo được như khi ta suy nghĩ, tính toán, biện luận trong lúc thức để làm việc, cử động, đi đứng, ăn nói giao tiếp hàng ngày ...

- Trí Tri Ý Khác Thường Của Phản Xạ Và Tiềm Thức:

Là lúc quá nhanh, vội xảy ra ngoài tầm kiểm soát chủ động của ta như trong giấc ngủ, chiêm bao, mộng mị, trực giác, linh tính, phản xạ tự nhiên,

tiềm thức mà người đời cho là trạng thái vô thức.

Sự thật TRÍ TRI Ý khác thường không phải là vô thức mà nó là lực lượng LÝ TRÍ TÁNH ẩn tàng gồm có THẦN THÚC và ĐỨC THẦN MINH âm dương đồng dì với nhau.

Luận thêm:

Tiên hậu thiên trí tri ý thức là sự hiểu biết-biết hiểu, biến hóa, linh hiển theo nhất lý, nhất luật ở huyền vi lẩn hiển hiện, ở tiên thiên lẩn hậu thiên (*Văn Thanh*).

5.16. Thần là gì ? Thần Thức ; Đức Thần Minh

Trong Dịch học, chữ THẦN có nghĩa là LINH HIỀN – HIỀN LINH là khả năng linh động biến hóa thành cực kỳ nhanh nhẹn. Bất kể thứ gì vừa LINH vừa HIỀN được gọi là THẦN. THẦN có LINH thì phải HIỀN, THẦN có HIỀN mới là LINH.

Người xưa so sánh tương đồng rồi qui nạp THẦN chính là DỊCH: “THẦN vô phương nhi DỊCH vô thể”. (THẦN không ở đâu cả, THẦN ở khắp cả mọi nơi, DỊCH không hình bóng, DỊCH là tất cả). THẦN thì phải DỊCH, DỊCH đã là THẦN rồi.

Sự BIẾN HÓA lập tức và mâu nhiệm ở đâu cũng có, nên THẦN linh hiển – hiển linh ở khắp nơi mà người đời thường gọi là Thần Kinh, Tâm Thần, Thần Vật, Thần Nhân, Thần Linh, Thần Thánh, Thần Lực, Thần Trí, Thần Dược, Thần Phương ...

Trong Lý Trí Tánh Tôi - Con Người, Thần Thức Và Đức Thần Minh là Một Tánh Biết Hóa Ra – Biết Trở Nên mà có Hai: khi hiện là THẦN THÚC, khi ẩn là ĐỨC THẦN MINH, ĐỨC với TÍNH tuy hai mà một nương tựa lẫn nhau làm nền tảng thể dụng cho nhau không phân cách được.

THẦN THÚC và ĐỨC THẦN MINH là Trí Tri Ý khác thường cùng hoạt động chung với Trí Tri Ý thông thường là giác quan và trí óc, thay phiên trực ngự tiếp trợ nhau điều động toàn bộ mọi Hiểu Biết – Không Biết Hiểu của Tôi - Con Người mà danh gọi chung là LÝ TRÍ TÁNH Tôi - Con Người có quan hệ hữu cơ với LÝ TRÍ TÁNH của Vũ Trụ Vô Hữu mà khởi nguồn là VÔ CỰC TÁNH BIẾT (Nhân thân tiểu vũ trụ).

Nhưng muốn có được *Thần Hoạt Biến* trong cái Ta sâu kín, muốn hiểu khắp muôn loài thì phải tập nhìn biết, học biết và tập cách ý thức vạn loại vào Bát Quái.

Ý thức vạn loại vào Bát Quái thường phải căn cứ theo nghĩa của Bát Quái rồi phối hợp với Ngũ Hành của mỗi quẻ mà tuyệt vời nhất là *Lý Tính*. Ví dụ lấy nghĩa Khôn làm Âm.

- Nếu suy xét đến độ cao thì nghĩa là vật chưa thành, khí chưa thành, Vũ Trụ chưa có.
- Nếu bây giờ chúng ta đem nghĩa Âm đó tan vào vật đã thành: suy xét ở độ thấp trên phương diện khí thì sẽ có nghĩa là khí lạnh, khí mờ, trời tối âm u, các vật ở đất.....

Khi các bạn tập ý thức vạn loại vào Bát Quái thì phải nhớ định Âm Dương trên vật loại trước đã rồi mới đem vật loại ấy so sánh trên *Lý Tính* của mỗi đơn Quái, tất nhiên sẽ biết biết được loại ấy thuộc về Quái nào (trong Bát Quái). Nhiều ngày như vậy kiến thức của ta, của các bạn sẽ mở rộng trên đường học về Bát Quái, là một điều tối cần trên đường tu học, dồi mài Dịch Lý và cũng nhờ đó mà *Thần Hoạt Biến* sẽ có trong *Ta*. (Đại cương Dịch lý nhập môn-Xuân Phong; Hồng Tử Uyên)

Có thể nói: mỗi cái Tôi - Con Người là “Gậy Thần – Sách Ước” gồm mọi động tĩnh sống động ngu khôn đồng dị do lực lượng Lý Trí Tánh Tiên Hậu Thiên Trí Tri Y Thức phát động trong lý lẽ Đồng Nhị Dị: Vô Lý – Hữu Lý.

Bởi thế, TÔI - CON NGƯỜI có lúc Sáng Trí, Tối Trí, Rối Trí, chứ không có chuyện Sáng Trí mãi mãi, Thánh Trí cũng có lúc tối trí, rối trí của Thánh Trí là điều dĩ nhiên theo quy luật TẠO HÓA (*KDXVN, Tập 1, Bước hai : hoạt động của lý trí tánh : trí tri cơ cầu*) ; *Phan Quốc Sư*)

5.17. Thượng đế hay Trời là gì ? Trời là biến hóa, có biến hóa là có Trời (*Bài giảng KDXVN, lớp anh Ché Công Nhật Triết, thầy Phan Quốc Sư*)

5.18. Tượng hình, hài thanh là gì ?

Trong tự nhiên, loài người đã có tạo ra những qui ước ngôn ngữ hơi khác nhau trong phạm vi ngôn ngữ: tai, mắt, miệng, lưỡi, tay, chân là dụng cụ tự thân sẵn có để tượng hình, để hài thanh, để cho có *Hóa Thành Tượng Hình Hài Thanh*, để hội ý. Con người sẵn có *Đức Tánh* biết tức biết động tĩnh để cho có *Hóa Thành Tượng Hình Hài Thanh*. Nó đích thị là: *Trí Tri Cơ Cầu*, là *Tánh* biết, là linh thiêng thần lực xuất hiện ư nhân, sự, vật, việc



Ghi chú: tiền về ý là lùi xa về ý *Tượng Hình*, ý *Hài Thanh* và ngược lại
Giải thích sơ đồ

A. Từ trong đi ra: tiến đi

- Tay, chân Động tĩnh, xê dịch, tạo dựng, phá tán, để cho có hóa thành ngoại vật, ngoại thân, nhỏ to.
 - Đôi mắt Động tĩnh, nháy mờ, hướng nhìn những hiện tượng bên ngoài gần xa.
 - Miệng lưỡi Động tĩnh, phát âm, phóng thanh đi ra ngôn xướng bộc lộ, động vang.
 - Hai lỗ tai Động tĩnh, thu tàng, hấp dẫn, lắng lắng, lắng nghe, vang dội, chưa đến.

B. Từ ngoài trở về: tiến về

- Tay, chân Động tĩnh, cầm nắm, giữ lấy, đem về, ôm áp, sờ mó, ngoại thân sự vật.
 - Đôi mắt Động tĩnh, thu hình, mãn nhãn, tò tường, nháy nhận lạ, quen biết.
 - Miệng lưỡi Động tĩnh, thì thầm, tụng niệm, học thuộc, công phu, lập đi lập lại.
 - Hai lỗ tai Động tĩnh, nghe rồi, nghe tiếp, liên miên, bất đoạn, âm vang, liên lỉ.

Thé là ý hội ít nhiều. *Trí Tri*, Ý thỏa mãn tạm thời *hóa thành* hiếu biết mới mài mài (*Tiên Hâu Thiên Trí Tri*, Ý Thức). Có thể tam hiếu đó là

Âm Dương Âm mà cũng là Dương Âm Dương đi ra và trở về đó vậy (*Trí Tri, Ý Lực linh thiêng*).

Âm Dương *Trí Tri, Ý cũ* + hơi hơi khác thành ra Âm Dương *Trí Tri, Ý mới*.

Tóm lại: những cảm giác quan mà chúng ta đã tạm gọi là con đường lớn sẵn có nơi bản thân một con người, chỉ là những cơ quan nô lệ muôn kiếp cho linh thiêng thần lực, nô lệ cho Âm Dương *Tiên Hậu Thiên Trí Tri, Ý Thức* đó vậy (Biến hóa).

Vũ Trụ Vô Hữu muôn đời và khắp mọi nơi, lúc nào cũng đang ăn làm, đang phải biến hóa, biến động, biến đổi trong Biến Hóa Luật, trong *Tiên Hậu Thiên Trí Tri, Ý Thức* chớ không có gì lạ và cũng không làm gì khác được.

Nói rõ hơn cho dễ hiểu:

Con người có động tĩnh cho ý

Chỉ là để cung ứng cho ý

Ý xuất hình (Tượng Hình) – ý tượng hình

Ý hài thanh (Hài Thanh) – ý phát thanh

Với con người: Tượng Hình Hài Thanh là đúng trong phạm vi Tự, Từ, Ngữ, Ngôn, Xướng Việt Nam. Hiện nay với *thế giá* của nó là Vũ Trụ Ngữ và nó chính là *Trí Tri Cơ Cấu* cũng chỉ là để cung phụng cho ý loài người.

Ý để lại: *Trí Tri Cơ Cấu*. *Trí Tri Cơ Cấu* để cung phụng cho ý (chuỗi ý mới mãi)

Bất kể là nghe, thấy, hiểu được hay không, có nghĩa là bất kể Tự, Từ, Ngữ, Ngôn, Xướng nào, của loài nào, thứ giống gì cũng đều gọi là *Trí Tri Cơ Cấu* cả, bởi vì chúng cũng chỉ là Âm Dương *Tình Ý* mà thôi. Vũ Trụ Ngữ là vậy đó.

(*VDLH 02. Nhận thức về trí tri cơ cấu-Vũ trụ ngữ liên hành tinh-Cao Thanh; Xuân Phong Nguyễn Văn Mì*)

5.19. Vô cực tánh biết là gì?

Qui luật sống động của LÝ TRÍ TÁNH là Siêu Nhiên Lộ có từ lúc TẠO LẬP VŨ TRỤ và LÝ TRÍ TÁNH có nguồn cội ở Tiên Thiên là VÔ CỰC TÁNH BIẾT (Biết Hóa Ra – Biết Trở Nên Cực Không), là LÝ ĐỨC TÁNH MANH NHA – CỰC: KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG tự biết hóa ra HƠI HƠI KHÁC với chính Nó, gọi là KHÔNG HOÀN TOÀN

KHÔNG CỰC (Vô Cực).

LÝ TRÍ TÁNH TIỀN THIÊN lúc Vô cực là TÁNH BIẾT đầu tiên của mọi Vũ Trụ Vô Hữu. Rồi từ đó VÔ CỰC TÁNH BIẾT khoáng trương từ Hơi Hơi Khác đến Quá Quá Khác (ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG) cấu tạo hóa thành muôn loài vạn vật.

Rõ ràng, hậu thiên ôm áp Tiên Thiên, nên trong mỗi cái TÔI HẬU THIÊN (Con Người Và Muôn Vật) đều có ôm áp Vô cực TÁNH BIẾT. Nên LÝ TRÍ TÁNH ở TÔI - CON NGƯỜI và muôn vật có cả TIỀN THIÊN và HẬU THIÊN, được gọi đích danh là TIỀN HẬU THIÊN TRÍ TRI Ý THỨC.

Nói cách khác, VÔ CỰC lúc nào cũng có ở trong TÔI - CON NGƯỜI, chứ không cần tìm ở đâu xa xôi. Do đó, nếu TÔI - CON NGƯỜI chịu khó truy nguyên, truy lý suy nghiệm tận cùng kỳ lý của LÝ TRÍ ắt sẽ thấu đạt tới VÔ CỰC TÁNH BIẾT tức thấu đạt Lý lẽ qui luật TẠO LẬP VŨ TRỤ ngay chính bản thân TÔI - CON NGƯỜI (Ngộ Đạo, Đạt Chân Lý)

Chính vì vậy người học Dịch sớm hiểu Dịch là gần, gần nhất với TÔI chính là lý trí TÔI - CON NGƯỜI, nên thường lấy cái TÔI - CON NGƯỜI của mình làm đối tượng nghiên cứu học tập nghiêm nhặt đến tận cùng kỳ lý mà hóa ra thông hiểu tất cả. (Học một mà biết muôn trùng)

(KDXVN, Tập 1, Tóm tắt bài lý trí tánh, Phan Quốc Sưởng)

Luận thêm:

Vũ Trụ vô hữu được tạo nên bởi Nhất lý Nhất luật, và bị điều hành, chi phối bởi Nhất lý Nhất luật; Vì có Nhất lý Nhất luật nên KHTK mới Cực, và KHTK Cực hay Vô Cực là tánh biết đầu tiên, là động lực đầu tiên, quyết định, duy nhất hóa sinh Vạn vật; Tánh biết ấy là gốc rễ từ Tiên Thiên ban cho Hậu Thiên, nên luôn ẩn tàng trong Vạn vật ở cõi Hậu Thiên ; nó là động lực là điều kiện để manh nha, để sinh ra, tạo ra, để biến hóa mọi lẽ Biết Hiểu-Hiểu Biết, Không Hiểu-Không Biết... Các khái niệm Lý trí tánh, Trí tri, Trí tri ý, Trí tri ý thức, Tiên hậu Thiên Trí Tri Ý thức nói chung đều để diễn tả mức độ, phạm vi, và sự biến hóa của Biết Hiểu-Hiểu Biết, Không Hiểu-Không Biết mà thôi. Khi sự Hiểu Biết-Biết Hiểu ; Không Biết-Không Hiểu đạt đến mức độ « Cực » thì biến hóa thành Ý; Ý Cực thì biến hóa thành Tượng Hình, Hài Thanh, thành hành động, thành Sự. Sự biến hóa đó gọi là Thần: Thần thông tri, Thần Tri Hóa, Thần Hoạt

bát Biển thông... Trong phạm vi nào đó, các sự lý (sự vật hiện tượng) có chung chạ, quây quần với nhau (tình lý tự tư liên hệ), liên hệ qua lại với nhau, hấp dẫn nhau... gọi là có Tình lý. Nhất lý Nhất luật là luật Trời, gọi tắt là Trời, hay Hóa Công, hay Tạo Hóa.

5.20. Về số và Dịch nghịch số đã là gì ?

Các con số từ 1 về 8 của Bát quái từ đâu mà có? Dịch lý Việt Nam (DLVN) xin chia sẻ về vấn đề này.

Số là giai đoạn diễn tiến của một chu kỳ sóng động biến hóa. Số được ký hiệu bằng **tượng số**, **danh số** và **số số**.

Số số: như 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8...

Tượng số hoặc **Tướng số** là những hiện tượng, trạng thái vào một thời điểm nào của người, vật như nét mặt, chỉ tay, chữ ký, mưa nắng, động đất, giật mình ...

Danh số: là những ký hiệu, ngôn từ, tên gọi về một sóng động ở giai đoạn diễn tiến (đang thời diễn ra) nào như lúc mặt trời mọc gọi là **ngày**, mặt trời lặn gọi là **đêm**, nhiều tiền của là **giàu**, ít tiền của là **nghèo**...

Số Lý: là các con số từ 1 về 8 của Tám Tượng (còn là 8 giai đoạn diễn tiến sóng động) đã được mã hóa tối ưu (qui ước) Ví Dụ: Các số 1 là Thiên (Kiền, Càn) 2 là Trạch (Đoài), 3 là Hoả (Ly), 4 là Lôi (Chấn), 5 là Phong (Tốn), 6 là Thuỷ (Khám), 7 là Sơn (Cấn), 8 là Địa (Khôn).

Khi có **số số** thì đó cũng là **số lý**, vì bất kể số nào cũng phải có lý lẽ mới thành được số đó.

Lý số là nguyên lý tại sao có số lý (nguyên nhân, lý do).

Tiên Thiên Lý số hay Lý số Tiên thiên: lúc chưa có Lý số, danh gọi KHÔNG HOÀN TOÀN KHÔNG (KHTK), thì chẳng có số nào cả, kể cả số KHÔNG (zéro), nhưng khi có **Lý số** thì liền lập tức có số KHÔNG (0) tiên thiên là Số Vô Cực (KHTK cực hay Vô Cực). **Vô cực số lý là có số KHÔNG, một số KHÔNG đầu tiên.**

Vậy, số không này gồm: KHÔNG và MỘT (Âm-dương), (0 -1) là MỘT con số KHÔNG (1 - 0). Số MỘT (1) Có Được là do số KHÔNG (0). Số 1 là số Cấu Tạo Hoá Thành đầu tiên cùng chung một lượt với số 0, tức là lúc Tạo Thành có Lý số để cả hai số 0 và 1 cùng được lý. Số 0 – 1 là Âm Dương số lý.

Số Tạo THÀNH là số 1. Còn các số khác như 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8... đến muôn trùng thiên số cũng chỉ là gia bội (Tăng thêm) của số 0 và số 1 mà thôi.

Vậy có lý số tiên thiên 0 – 1 mới có số lý, số số, toán số hậu thiên.

Người xưa nói: “**Dịch nghịch số dã**” là sao?

Mọi vật Thành sau Lý Biến Hóa tức sau Lý Thành và Định Luật 8 – Bát Quái.

Lý Số đã có, đã thành trước rồi sau đó mới có **Tượng Số, Số Số, Danh Số, Toán Số**. Theo diễn tiến của các tượng Bát Quái thì tượng KHÔN là lúc chưa thành, chưa có gọi là HU. Tượng KIỀN là lúc đã thành, đã có là NHU. Vậy đã Thành có Lý Số là phải ở Tượng KIỀN, mà bất kể cái gì đã thành được kể là 1, chứ không còn là KHÔNG (zéro = 0) nữa. Nên ký hiệu KIỀN có số lý là 1 vậy.

Quá khứ, Hiện tại, Vị lai đều là cái đã Thành: Thành Quá khứ, Thành Hiện tại, Thành Vị lai. Nếu quá khứ, hiện tại, vị lai chưa thành thì không ai tiên tri tiên đoán được gì cả. Quá khứ là cái Thành đã qua, Hiện tại là cái Thành đang diễn tiến, Vị lai là cái Thành sẽ tới.

Vậy:

Thành Quá Khứ cũng là ở KIỀN số 1

Thành Hiện Tại cũng là ở KIỀN số 1

Thành Vị Lai cũng là ở KIỀN số 1

Nếu ta muốn biết giai đoạn sống động trong quá khứ, trong hiện tại, trong vị lai, ta dùng phép Truy Nguyên, Truy Lý tức đi ngược từ cái đã Thành ở Kiền số 1 về đến chỗ chưa thành là KHÔN số 0 (8), vì có tất cả 8 bước nên tượng KHÔN còn có số lý là 8.

Phép Truy Nguyên ngược đó người xưa nói là Dịch nghịch số dã, tức Dịch Lý Học là môn học chuyên Truy Nguyên Truy Lý ngược dòng quá khứ, ngược dòng hiện tại, ngược dòng vị lai để biết chính xác giai đoạn diễn tiến của sự việc muốn biết. Chớ không phải như có người hiểu làm Dịch nghịch số là người học Dịch có thể cải số, chông lại số Trời...

Mỗi tượng Bát Quái là một số (giai đoạn diễn tiến sống động) do Âm Dương số lý cấu tạo hóa thành, Số Không (0) được lý là Âm, số (1) được lý là Dương. Bội số của Âm Dương có chẵn lẻ. Số lẻ: 1, 3, 5, 7, 9...

gọi là số cõi, số Dương. Số chẵn 0, 2, 4, 6, 8... là số ngẫu, số Âm. Cơ ngẫu là số Âm Dương giao nhau mà thành vô vàn số số.

Vậy theo Hậu Thiên Học thì số Truy Nguyên phải bắt đầu từ cái đã Thành (đã có) là tượng KIỀN có số lý là 1. Trước tượng Kiền là tượng Đoài được lý là số 2, trước tượng Đoài là tượng LY được lý là số 3... đến cuối cùng chưa thành là tượng KHÔN được lý là số 8. Vậy tượng KHÔN được lý của hai số:

- Số 0 (zéro) nếu khởi từ KHÔN theo Lý Thành Tiên Thiên: Biến Hóa luật.
- Số 8 nếu khởi từ KIỀN theo Lý Thành Hậu thiên: Lý Học Truy Nguyên.

Do đó các tượng có số lý truy nguyên thuộc Hậu thiên học thuật như sau:

DỊCH TƯỢNG	☰	☱	☲	☳	☴	☵	☶	☷
DANH TƯỢNG	KIỀN	DOÀI	LY	CHẨN	TỐN	KHẨM	CẨN	KHÔN
SỐ LÝ	THIÊN	TRẠCH	HỎA	LÔI	PHONG	THỦY	SƠN	ĐỊA
TRUY NGUYỄN	1	2	3	4	5	6	7	8

Điều này giải thích toàn bộ tại sao trong KINH DỊCH Tiền nhân chọn **tượng KIỀN làm khởi nguyên muôn vật; là đạo Trời (THIỀN) (KIỀN: Nguyên Hạnh Lợi Trinh).**

Cũng cắt nghĩa tại sao chủ trương KIỀN dĩ dì tri KHÔN dĩ giǎn nǎng. Đạo TRỜI dẽ biết vì khi thắc mắc về việc gì thì lấy ngay việc đó làm tượng KIỀN là Có Vấn Đề đó được đặt ra ít nhất trong ý trí, suy nghĩ. ĐAO ĐÁT dẽ làm vì khi biết KHỎI đầu ở đâu thì cứ theo Lý học Truy Nguyên dò tìm trong Biến Hóa Luật BÁT QUÁI, sẽ biết được Dứt điểm ở đâu. KHỎI đầu ở KIỀN thì chấm DỨT ở KHÔN, thật giản dị hết sức.

Cũng giải thích được luôn tại sao Tiên Thiên Bát Quái và Hậu Thiên Bát Quái trong Kinh Dịch khởi đầu bằng số 1 là KIỀN mà không khởi bằng số 0 là KHÔN.

Tóm lại trong KINH DỊCH xưa chỉ luận từ Vô Cực trở về sau tức Lý Biến Hóa đã có, đã thành, nên khởi ở Vô Cực (tượng KIỀN) là **Hậu thiên học thuật**. Dịch Lý Việt Nam tiếp súc bổ sung luận giải thêm từ khi chưa có Lý Biến Hóa (chưa có Dịch Lý) đến khi có Lý Biến Hóa tức từ

Vô đến Vô Cực, hay nói cách khác từ Vô Cực trở về trước là Vô túc KHTK (khởi ở Tượng KHÔN) là Tiên Thiên Học Thuật.

Đó là ưu thế lớn của Dịch Lý Việt Nam ngày nay đã bắt được nhịp cầu giữa Huyền Vi và Hiển Hiện, giữa Hình nhi Thượng học và Hình nhi Hạ học, hòa cựu hợp tân để nhân loại chung hưởng cả hai nền văn minh Tinh Thần và Vật Chất, Đạo Lý và Khoa Học của cổ kim Đông Tây.

Luận thêm: Người xưa có thể chưa hoặc không dùng số 0, vì thời đại đó chưa tìm ra Tiên Thiên, có nghĩa là chưa có lý luận: KHTK-KHTK Cực, nên người xưa chưa khẳng định tượng Khôn có số lý là 0. Chỉ khi Hội Việt Nam Dịch Lý có mặt mới khám phá ra KHTK-KHTK Cực.

Người đời không hiểu tại sao các nhà Dịch học chỉ căn cứ vào có mấy TƯỢNG (Bát Quái) và vài con số tính toán đơn giản 1, 2, 3, 4, 5...8 mà có thể hiểu biết nhiều việc trong quá khứ, hiện tại, vị lai như thế.

Họ có biết đâu đây là **phép tính nhị phân cao cấp nhất, dùng tới Âm Dương số lý (VÔ HỮU số lý)**. Mọi, hiện tượng trạng thái của sự vật được mã hóa tối ưu (qui ước) bằng ký hiệu Âm Dương (vạch đứt, vạch liền) và danh số Cơ Ngẫu (chẵn lẻ) (số Thiên là số lẻ, số Địa là số chẵn). Dịch Lý học là một Siêu Khoa Học, một Khoa Học Tổng Tập rõ ràng chứ có phải đâu là sự bịa đặt hoang đường mượn tiếng là Khoa Học để mập mờ “đánh lận con đen”, mị dân lừa dối thủ lợi riêng mình.

Dịch Lý học xưa nay và mãi mãi vẫn là mảnh đất màu mỡ, thu hút biết bao đầu óc siêu phàm, trí tuệ nhất loài người đầu tư khai thác lớn lên, tiếp nối hết thế hệ này đến thế hệ khác. Có thể kể tên những bậc danh thê sáng ngời trong làng Dịch Lý như là Vua Phục Hy, Vua Văn Vương, như Là Lão Tử, Trang Tử, Khổng Tử, Trần Đoàn, Thiệu Khang Tiết... và ở Việt Nam hiện nay (1965) Ông Xuân Phong Nguyễn Văn Mì Nguyên Hội Trưởng VN Dịch Lý Hội, đáng danh là một Dịch Lý sĩ đại tài, đã lập nên một trường phái Dịch Lý Việt Nam với nhiều cao đồ lừng lẫy trong thiên hạ.

(*Kinh dịch Xưa và Nay, Tập I, Lý giải về cách hình thành số lý của Bát Quái (8 tượng); Phan Quốc Sư*).

5.21. Tiên cơ máy động-ý muốn biết

Người học Dịch có Ý muốn biết điều gì hoặc do chính tự mình cảm xúc muốn biết hoặc do người khác nhờ hỏi, đặt thành vấn đề dưới hình

thúc có câu hỏi, Hoặc không có câu hỏi. (Kim nhật động tĩnh như hà?). Thường, trong những lúc bất ưng. Người học Dịch bỗng vùn ý muốn biết điều gì mà không có toan tính trước, đó là vào lúc Thiên Cơ máy động trong Nhân cơ. Ý muốn biết lúc bấy giờ Vô Tư không do nơi Vọng Động, nên Người học Dịch nhơn đó mà Nói Dịch rất Chính Lý.

(KDXVN, Tập 2. Phép nói dịch; Nam Thanh Phan Quốc Sứ)

Tất cả mọi công thức đều qui về Tao Hóa, tức là khi thiên cơ máy động, thiên lý máy động là thuộc về **siêu tần số lý máy động**. Vậy làm sao các bạn có thể **nhận biết được thế nào là thiên cơ máy động** vì nó là hữu thường mà lại cũng là vô thường?

Thiên cơ là sự kín nhiệm, nhưng có rất nhiều người muốn biết sự kín nhiệm (sẽ nói tỉ mỉ ở độ cao) khi thuận tiện. Còn ở tập này thì tôi có cách này xin giúp quý bạn để dễ nhìn biết hoặc áp dụng thiên cơ, thời cơ, nhân cơ.

Thường ngày, người tò vò cao học hay đàm luận, lòe nhau vấn đề thiên cơ, thời cơ và nhân cơ. Ở đây tôi chỉ xin nhắc lại bạn:

- Thiên cơ: là tất cả các cái gì **có lý Động Tĩnh** từ gần gũi đến xa xôi, từ mỗi thân tâm đến cõi vô biên.
- Nhân cơ: là tất cả các sự Động Tĩnh đó có khi làm cho bạn cảm xúc. Đó là nhân cơ.
- Thời cơ: trong thời đại, thế hệ, vận hội, nguồn, năm tháng, ngày giờ, phút, giây, lúc nào ấy là thời cơ.

Tôi nói gọn như vậy, bất cứ việc gì bạn muốn thi hành đắc cách đều phải có đủ tam yếu tố.

NHÂN CƠ

Đây là bất đắc dĩ tôi xin nói sơ qua về nhân cơ để các bạn có một ý thức rõ rệt trên phương diện *Tiên Thiên* triết lý và Lý Số Học, xin các bạn thông cảm cho vậy.

Nhân cơ, khi các bạn có cảm xúc tức là siêu tần số lý trong bạn rất hợp với thiên cơ, thiên diện nào đó. Nên nhớ trong 384 thiên lý chỉ có 64 thiên diện (cảnh trời) mà nay chúng ta đã gọi là 64 Dịch Tượng cho phạm vi Lý Số Học thuộc *Tiên Thiên* học thuật.

Các bạn đã biết Vũ Trụ chúng ta hay bất cứ muôn loài vật nào từ vô đến hữu, lúc Âm hay Dương, chúng ta lúc thức hay ngủ, lúc nào cũng đang ở trong 64 cảnh trời. Bạn hãy tưởng tượng trong 64 cảnh trời

muôn đời chiêng trống dập dồn, chuông mõ rền vang là một điệp khúc triền miên, ca ngâm hồn độn, nhưng đến một nhịp điệu nào đó, có đập mạnh vào tai bạn vì tiếng lanh lót của ca ngâm điệp khúc đó hợp điệu với tai nghe của bạn. Nếu bạn hiểu được như vậy thì trên phương diện *Đức Thần Minh* trong người bạn tiếp xúc với Đức vô tư quảng thông cũng vậy. Tâm hồn bạn có trống trái thì mới dễ tiếp xúc, tâm hồn thơ thới thì năng tiếp vật, lúc tâm hồn bạn cảm xúc là tiếp xúc mạnh, rồi trí óc đòi hỏi muốn hiểu biết, hiểu biết làm hiện thức toại mãn là ghi vào tiềm thức, biểu hiện bằng văn hay lời nói là hướng ngoại.

Vậy thiên cơ trong nhân cơ máy động và làm việc đầu thứ trong đó mà tôi tóm lược như vậy, thiết tưởng điều này khoa học điện ngày nay có thể chứng minh và giảng giải gần đồng quan điểm trên phương diện thâu và phát thanh, hoặc trên một máy ghi âm và phát âm. Nhưng một máy động nhỏ, sâu kín ở cõi lòng bạn chỉ có Dịch Lý mới ghi và phơi bày được.

Thời cơ túc là lúc thiên cơ trong nhân cơ máy động mạnh hay nhẹ. Bạn nhân cái có đó mở khoa Động Tinh Học ra xem là để biết được thuộc về thiên diện nào báo hiệu một trong 64 thiên diện mà nay chúng ta gọi là Dịch Tượng, còn gồm cả 64 Dịch Tượng thì chúng ta gọi là hệ thống Động Tinh.

Bạn nào có tánh hay tò mò hay muốn biết tất cả mọi việc, khắp mọi nơi thì học khoa Tiên Thiên Lý Số rất có lợi cho bạn đó, chẳng những có lợi cho sự mau tấn tới, cho sự dồi mài 384 thiên lý của mình mà còn có lợi về sự thường ngoạn 64 cảnh trời (thiên diện) ra vào thường xuyên trong đó, thì một cái biết khắp muôn trùng rất hứa hẹn cho bạn đó. Cái biết khắp muôn trùng đang chờ đợi bạn, chờ sự siêng năng ưa thích Dịch Lý của bạn ở cuối đường. Lúc bấy giờ các thiên diện thường báo hiệu mà *Đức Thần Minh* trong bạn năng tiếp xúc cho nên bạn có thể hay biết lạ lùng.

(*Đại cương Dịch lý nhập môn-Xuân Phong; Hồng Tử Uyên*)

5.22. Cơ bản về phép chiêm nghiệm

Để tâm tĩnh lặng, vô tư, và năng quan sát; túc là gồm cả tai nghe, mắt thấy, trí hiểu và tâm tư.

Ví dụ:

- Tai nghe người ta nói năm gì, tháng gì, ngày mùng mấy
- Mắt thấy là sáng tối, ngày đêm, lồi lõm, lớn bé

- Trí hiểu vì có học hiểu và tin tưởng hay công nhận, chấp nhận
- Tâm tư là tâm hồn mình có cảm xúc, (Văn Thanh: có ý muốn biết không vọng động/vô tư) muôn vật cảm xúc, nhân đó mà an Dịch Tượng

Thứ tự các bước (tham khảo)

1. Quyết lệ của Kinh Dịch là lấy hệ số chẵn lẻ làm Âm Dương
2. Lấy hệ số chẵn lẻ nên dùng Tứ Tượng
3. Tứ Tượng hiện nay trong vòng nhỏ nhất là năm, tháng, ngày, giờ (nếu cần sau khi uyên thâm có thể đổi lại là ngày, giờ, phút, giây).
4. Năm, tháng, ngày, giờ làm thành số
5. Số của năm, tháng, ngày, giờ đều tính theo Âm lịch
6. Khi đã lấy được một thành số rồi, phải trừ cho số 08 (Bát Quái)
7. Trừ mãi cho đến khi nào còn 08 hoặc dưới số 08 mới thôi
8. Số của năm, tháng, ngày làm quẻ trên (Thượng Quái)
9. Số của năm, tháng, ngày và giờ làm quẻ dưới (Hạ Quái)
10. Khi trang xong một quẻ có vạch rồi phải lập Hộ Quái
11. Lập Hộ Quái phải do nơi quẻ chính mà làm ra
12. Phải tìm hào động
13. Phải lập quẻ biến
14. Phải học cho biết Quái danh (tên quẻ)
15. Phải hiểu cho tường tận Quái nghĩa
16. Khi trang xong 03 quẻ: Chánh, Hộ, Biến rồi ta **tự phác ra một ý từ cho có ý nghĩa của một cục diện. Quẻ Chánh ví như là bị động, Quẻ Hộ ví như là chủ động, Quẻ Biến ví như là thụ động**

Nếu chưa hiểu nghĩa gì được, đó là tại ta chưa hiểu Quái nghĩa và cũng chính vì tự chối đó mà người đời không học được Dịch.

Khi chưa phát ra được một ý tưởng liên quan mật thiết của 03 quẻ Chánh, Hộ, Biến là *bị, tự, thợ* đó là tại lòng ta chưa đến được vô tư. Sở dĩ có vô tư thời mới thông suốt muôn trùng, tư lụy thì chỉ thấy thiên lệch, một khía cạnh như một khoa học thường thức mà thôi.

Để nhắc lại sự quan trọng về cách ý thức ngầm hiểu là có tự động, bị động và thợ động.

Bảng ý thức chính xác cương vị của mình trong mỗi sự việc do:

- Quái danh và Quái nghĩa để biết chính xác
- Theo quan niệm Tứ Tượng (sinh khắc)

Thí dụ:

Khôn: *Thuận dã* là mềm lỏng

- Ta bị nhu nhược, ta được sự nhu thuận
 - Ta mềm mỏng với kẻ khác, ta nhu nhược hóa kẻ khác
- Phục:** *Phản dã* là trở lại
- Ta bị phản hồi, ta được sự trở về
 - Ta phục hưng cho kẻ khác, ta phản bội kẻ khác

(*Đại cương Dịch lý nhập môn-Xuân Phong; Hồng Tử Uyên*)

Dịch trả lời ngay khi tính xong một dịch Tượng:

Trong cõi Trời Đất mênh mông bát ngát mà lòng Người hay Ta có lúc muôn biết có sự động tĩnh ra sao, năm nay, ngày nay, hoặc giờ nào, tùy ý lúc muôn biết thì Dịch sẽ trả lời ngay trong khi bạn tính xong một Dịch Tượng.

Thường Chánh Tượng đủ sức trả lời mọi vấn đề. Còn khi chưa rõ, bấy giờ chúng ta mới dùng đến Biển Tượng, Hộ Tượng, Đơn Tượng hoặc Hào động.

Chánh Tượng: như là bức điện tín của Trời báo tin cho chúng ta. Vậy, bất cứ trong trường hợp nào chúng ta cũng phải bám sát lấy Chánh Tượng để trả lời.

Biển Tượng được xem như là diễn tiến sống động liên hệ với Chánh Tượng, thường làm trọn nghĩa cho Chánh Tượng.

Hộ Tượng được xem như là diễn tiến sống động liên hệ với Chánh Tượng. Nó thường làm trọn nghĩa cho Chánh và Biển Tượng. Chánh Tượng tạm được xem như là Khởi cuộc (Đầu cuộc). Biển Tượng được tạm xem như là Kết cuộc (Chung cuộc). Tam Tượng Chánh Hộ Biển liên quan mật thiết với nhau mà thành một cục diện diễn tiến. Hộ Tượng còn là nguyên nhân của tất cả mọi sự sống động vì khi thành lập Hộ Tượng, ta đã rút bốn hào trong lòng của Chánh Tượng. Bốn hào này chính là nội bộ, là cơ cấu, là nguyên động lực chuyển biến của Chánh Tượng.

Đơn Tượng và Hào động:

Đơn Tượng động thường là chi tiết bổ túc cho các Dịch Tượng (Chánh Hộ Biển). **Đơn Tượng động là Tình Lý cơ động** dùng để phân biệt với những Tình Lý ngụy tạo hay giả tạo. Vì chỉ Tình Lý nào phù hợp cả Chánh Tượng lẫn Đơn Tượng động và Hào động mới thật là Tình Lý cơ động hay Chánh Động.

Hào động là lẽ *cực* của Hào. Cực Âm hay Cực Dương tại ngôi vị

nào trong 6 ngôi vị của một Dịch Tượng Kép 6 Hào. Hào nào đang động ở Chánh Tượng tức như mức độ sống động đang ở khoảng đó theo Ý Tượng Dịch.

Thường thì Hào sơ ở dưới ứng với thấp, nhẹ rồi tăng dần đến hào nhị, tam, tứ đến ngũ lục là ở trên, cao, nặng theo Ý Tượng Dịch.

Vậy Hào động dùng để chỉ nặng nhẹ, cao thấp, xa gần, thứ bậc, mạnh yếu, khác nhau theo Ý Tượng Dịch tùy từng phạm vi có so sánh. Đại khái từ Hào sơ tới Hào lục, muốn nói cho đúng, tất cả đều phải theo Ý Tượng Dịch, rồi lấy Lý mà luận, mà nói thì mới chính xác. Bằng chẳng theo Lý của Dịch thì sẽ xảy ra câu chuyện trông đánh xuôi, kèn thổi ngược mà thôi.

Vì theo nguyên lý và nguyên tắc thì lúc nào bạn cũng phải bám sát Ý Tượng Dịch để làm bờ mốc suy lý. Còn Đơn Tượng và Hào động chỉ là những tình tiết phụ thuộc. Các bạn không nên bỏ chỗ Chánh, lấy chỗ phụ, bỏ chỗ chắc chắn, lấy chỗ bấp bênh, bỏ căn gốc, lấy ngọn ngành.

Đọc ý tượng dịch

Khi đã có Dịch Tượng rồi, ta đem hết Tinh Thần học biết của ta, nhìn vào Dịch Tượng như nhìn vào người câm không nói. Nhưng khi ta đã học hiểu tường tận Ý Tượng Dịch rồi thời ví như người câm có ra điệu bộ. Ta có bình tĩnh vô tư, đừng hấp tấp, cứ đọc đi đọc lại xem người câm ra bộ tịch. Nên quên hẳn ý muốn biết cũng như khung cảnh, hoàn cảnh xung quanh đó, lúc bấy giờ át ta sẽ đọc lên được Ý nghĩa của Dịch Tượng đang thời diễn ra và chúng ta cũng hiểu ngầm đại cương Ý Tượng Dịch muốn ‘nói lên’ điều gì. (Thiên Ý = Ý Trời)

Vấn đề là cần phải đọc cho được Ý Tượng Dịch hầu có thể nói lên cái Chính Lý, cái nhịp điệu trong mọi sự việc tùy theo Thời đại và cá tính của sự động, từ trong bao la Vũ Trụ mà Người học Dịch thu tàng về nhỏ nhất, nhỏ thật nhỏ, nhỏ nữa cho đến cõi vô tư mà thành ra thấu triệt cái lý nhiệm màu. Nhất là cần phải tập đọc cho được Lý Tượng Liên Quan Chánh Hộ Biển.

Lý Tượng Liên Quan là một điều tối cần và đặc sắc nhất như là một cái bờ, một cái bến trong biển cả Vũ Trụ mênh mông mà Người học Dịch không được phép bỏ qua.

Nên nhớ: Khi đọc được Ý Tượng Dịch rồi thì hãy tạm quên ngay Ý Tượng Dịch để phân tích lại câu hỏi và biến thông Danh Ý Tượng Dịch

sao cho phù hợp với câu hỏi.

Biến thông danh ý tượng dịch:

Tìm từ đồng nghĩa với Lý Tượng Dịch sao cho phù hợp với từng Tình Lý, sự lý cụ thể (Thuật dụng ngữ).

Chẳng hạn như Tượng Thuần đoài là Hiện đẹp, là Nói năng, là khuyết mẻ, hủy triết, đỗ vỡ. Vậy phải biết khi nào dùng nghĩa nào. Mỗi phạm vi Tình Lý có một Ý Tượng Dịch thích hợp. Như phạm vi sắc: Thị Đoài là Đẹp, phạm vi Quan sát: Thị Đoài là Hiển lộ, phạm vi tuyên truyền: Thị Đoài là Nói năng, phạm vi hình thể: Thị Đoài là khuyết mẻ...

Luận thêm: Biến thông, nối chánh hộ biến thành một câu có nghĩa ngắn nhất, Quέ Chánh ví như là bi động, Quέ Hộ ví như là chủ động, Quέ Biến ví như là thu động, cho phù hợp với hoàn cảnh/phạm vi, lý tượng của chánh, hộ, biến, đơn tượng động, hào động). Theo học giả Vương Hồ Ứng, quέ độc phát/ một hào động thì lấy Lý tượng làm chính để dự đoán. Theo phương pháp Lục hào thì dùng quan hệ lục thân, dụng thân... để dự đoán; Bốc phê dùng quái từ, hào từ... để dự đoán.

(KDXVN, Tập II. Phép nói dịch)

5.23. Không hoàn toàn không (KHTK)

KHTK là một khái niệm do trí tri ý thức (Hiểu biết-Biết Hiểu) truy lý ra, và có đặc điểm là khi dùng lý trí nghĩ đến thì nó liền lập tức biến ra KHTK Cực hay Vô Cực, dùng để chỉ cõi Tiên Thiên. Còn từ KTHK Cực hay Vô Cực trở về sau là cõi Hậu Thiên. LÝ TRÍ TÁNH TIÊN THIÊN lúc Vô cực hay KHTK Cực là TÁNH BIẾT đầu tiên của mọi Vũ Trụ Vô Hữu. Rồi từ đó VÔ CỰC TÁNH BIẾT khoáng trương từ Hơi Hơi Khác đến Quá Quá Khác (ĐỒNG NHI DỊ - DỊ NHI ĐỒNG) cấu tạo hóa thành muôn loài vạn vật.

HOẠT ĐỘNG

CÁC KHÓA HỌC TẠI DHĐ TÂM THANH 2025

STT	KHOÁ HỌC	KHAI GIẢNG	SỐ HV	GIẢNG VIÊN
1	TỬ VI DỊCH LÝ 2	09/03/2025	13	Trần Duy Bảo
2	TỬ VI DỊCH LÝ 3	07/06/2025	07	Trần Duy Bảo
3	DỊCH LÝ BÁO TIN (Cơ bản)	04/10/2025	25	Nguyễn Châu Ngọc

Ngày 25/05/2025 một nhóm gồm 17 học viên của DHĐ Tâm Thanh được thụ giáo tuyệt kỹ Châm Cứu Tây Sơn mang đậm nét Dịch Lý từ thầy Hồ Việt Minh - một Bác sĩ châm cứu danh tiếng thế giới, đang định cư ở Canada. Tuyệt kỹ châm cứu này có hiệu quả thần tốc, thời gian chữa lành bệnh tính bằng giây. Thầy đã trao toàn quyền cho DHĐ Tâm Thanh được phép nghiên cứu, phát triển và giảng dạy cho các thành viên trong đại gia đình Tâm Thanh. Xin ghi nhận và cảm ơn thầy Hồ Việt Minh đã trao gửi cả tâm tình của người dân nước Việt xa xứ cho DHĐ Tâm Thanh.

Các khóa học Chích Lỗ ngắn hạn tại Chi Hội Nam Y thành phố Hồ Chí Minh.

STT	LỚP HỌC	KHAI GIẢNG	SỐ LUỢNG HV
1	Chích Lỗ K6	18/03/2025	38
2	Chích Lỗ K7	02/08/2025	33
3	Chích Lỗ K8	13/10/2025	19

Dự kiến lớp Chích lỗ ngắn hạn K9 sẽ khai giảng vào ngày 28/12/2025.

Ngày 17/10/2025 chúng tôi có tổ chức viếng thăm mộ sư tổ Chích Lỗ Nguyễn Oắng ở Hóc Môn, có đông đảo các bạn học viên DHĐ Tâm Thanh và học viên chích lỗ cùng tham gia.

Ngày 11/06/2025 *Minh Thành* Nguyễn Văn Tuyền khai giảng lớp Reiki đầu tiên. Reiki là một phương pháp trị liệu tinh thần có nguồn gốc từ Nhật Bản. Từ Reiki xuất phát từ tiếng Nhật (Rei) có nghĩa là "Cuộc sống vạn vật" và (Ki) có nghĩa là "Năng lượng". Có nhiều thành viên của DHĐ Tâm Thanh tham gia lớp học này.

HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG

THUỞ MINH SỰ GẶP CAO ĐỖ



Năm 1971 Thầy Nam Thành Phan Quốc Sử dẫn thân gánh trách nhiệm
Trưởng Ban Tu Thư Việt Nam Dịch Lý Hội ... đang trình diễn tại
Văn Miếu Thảo Cầm Viên Sài Gòn



Sư Tổ Dịch Lý Sĩ Xuân Phong Nguyễn Văn Mì
truyền kinh cho cao đỗ Nam Thành Dịch học sĩ.



Các thế hệ được diễm phúc nghe Sư Tổ truyền dạy Dịch lý Việt Nam.



Gia đình Dịch Lý Việt Nam mừng ngày
Truyền thống Dịch Y 10.6.1995

DỊCH LÝ VIỆT NAM VÀ CHÍCH LỄ VIỆT NAM CÓ TIẾNG NÓI CHUNG



Học trò Nam Thanh Phan Quốc Sử
đang nghiêm túc tiếp thu huấn thị của Thầy Tổ.
CHIA SẺ TRÁCH NHIỆM...



Bốn Trưởng Ban Biên Tập 10 Nội san Diễn Đàn Dịch Lý Việt Nam
đang hân hoan thành quả tinh thần cùng Thầy Nam Thanh cố vấn ...
từng thế hệ tiếp “Nối vòng tay lớn” ...















CÁC LỚP HỌC









